



Quảng Tri

NĂM THỨ HAI

SỐ: 422+423+424+425+426

Đặc biệt

29/8/2026

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

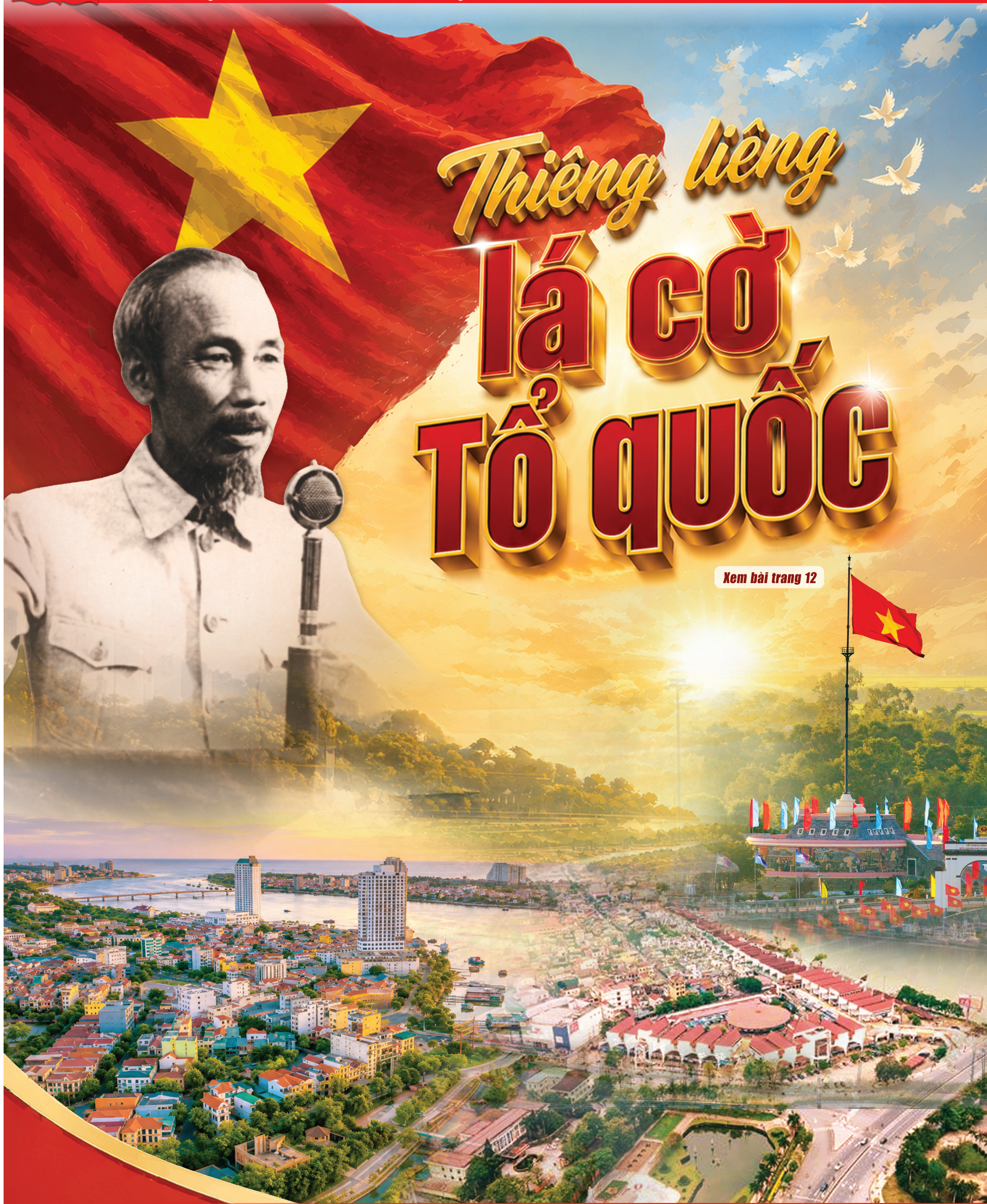
● Email: baoquangtri@gmail.com
● www.baoquangtri.vn



KỶ NIỆM 81 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2/9

Thiên lương là cớ Tổ quốc

Xem bài trang 12



Bài học nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ trong Cách mạng Tháng Tám

Thời cơ của Cách mạng Tháng Tám chín muồi vào giữa tháng 8/1945. Ở thời điểm đó, phong trào chống Nhật cứu nước do Đảng phát động từ sau ngày Nhật đảo chính gạt Pháp khỏi Việt Nam và Đông Dương (9/3/1945) đã phát triển đến đỉnh cao; Nhân dân không cam chịu sự cai trị hà khắc của phát-xít Nhật và chính quyền tay sai, mong muốn đứng lên giành độc lập, giành quyền sống. Trung ương Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng bộ Việt Minh cùng hệ thống tổ chức đảng và Mặt trận Việt Minh trong cả nước đã tỏ rõ sức mạnh và quyết tâm lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa trên cả nước. Chủ nghĩa phát-xít đã thất bại ở châu Âu (ngày 9/5/1945), ngày 15/8/1945, phát-xít Nhật đầu hàng Liên Xô và Đồng minh, quân Nhật ở Việt Nam và Đông Dương hoang mang, suy yếu, chính quyền tay sai mất chỗ dựa.

Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh có Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa gửi đồng bào cả nước nêu rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”[1]. Ban Thường vụ Trung ương Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang ngày 14 và 15/8/1945. Hội nghị đã khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”[2]. Nghị quyết của hội nghị đã quyết định Tổng khởi nghĩa theo ba nguyên tắc: Tập trung, thống nhất, kịp thời với mục đích “giành quyền độc lập hoàn toàn”, “xây dựng chính quyền nhân dân”. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa và Ủy ban khởi nghĩa ban hành Quân lệnh số 1.

Cùng với thời cơ thuận lợi, cũng xuất hiện hai nguy cơ lớn cản bước tiến của cách mạng Việt Nam. Lợi dụng sự thất bại của Nhật, thực dân Pháp quyết quay lại áp đặt sự cai trị Việt Nam, Đông Dương như trước ngày bị Nhật đảo chính 9/3/1945. Ý đồ đó được thể hiện trong tuyên bố của nhà lãnh đạo nước Pháp, tướng Charles de Gaulle ngày 24/3/1945 khẳng định Pháp không từ bỏ lợi ích ở Việt Nam và Đông Dương. Nguy cơ thứ hai là theo phân công của Hội nghị Potsdam của Đồng minh, quân Anh sẽ vào Nam Đông Dương từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng trở vào) để giải giáp quân Nhật, quân Anh tìm cách giúp cho quân Pháp trở lại. Phía bắc vĩ tuyến 16, quân đội Trung Hoa dân quốc của Tưởng Giới Thạch (quân Tưởng) sẽ vào để tước vũ khí quân Nhật, đồng thời có âm mưu xâm chiếm Việt Nam, họ đã chuẩn bị lực lượng tay sai là Việt cách, Việt quốc. Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc đã nêu rõ, phải “chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta”[3].

Đảng nhấn mạnh, dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định sự thắng lợi. Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết tâm tranh thủ thời cơ tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trong tháng 8/1945 khi quân Đồng minh (Anh, Tưởng) chưa kịp kéo vào và quân Pháp chưa thể quay lại. Đó chính là quyết sách đúng đắn vừa chớp thời cơ vừa đẩy lùi nguy cơ. Với thắng

lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 và bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945, chính quyền nhà nước của nước Việt Nam độc lập khẳng định tư cách người chủ đất nước để tiếp quản Đông minh và chống lại mọi mưu đồ xâm lược.

Bài học thành công về chọn đúng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ thật sự là khoa học và nghệ thuật lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, giải quyết vấn đề căn bản của cách mạng là chính quyền nhà nước và độc lập dân tộc, mở ra thời đại Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc. Bài học đó được Đảng vận dụng suốt quá trình lãnh đạo cách mạng cho đến ngày nay.

Ngày 23/9/1945, Pháp tiến đánh Nam Bộ mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai (lần thứ nhất từ ngày 1/9/1858). Cuối năm 1953, khi lực lượng của ta đã mạnh lên rất nhiều, đó là cơ hội để giành thắng lợi quyết định về quân sự, kết thúc chiến tranh. Ngày 20/11/1953, quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và xây dựng ở đây tập đoàn quân sự mạnh nhất Đông Dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị họp ngày 6/12/1953 và quyết định đánh Điện Biên Phủ. Mặt trận Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và Pháp. Bác Hồ giao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy chiến dịch và toàn quyền quyết định ở mặt trận. Nhờ tài thao lược, cách đánh hiệu quả, sáng tạo và tinh thần đoàn kết, hy sinh của toàn quân, toàn dân, chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng (7/5/1954) buộc Pháp ký Hiệp định Geneve, kết thúc chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo một nguy cơ lớn đó là Mỹ sẽ tìm mọi cách thay thế Pháp. Nguy cơ đó đã là hiện thực.

Đất nước chia làm hai miền, Mỹ xây dựng ở miền Nam chính quyền tay sai và chế độ thực dân mới, rồi tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền bắc từ ngày 5/8/1964, ồ ạt đưa quân Mỹ vào miền Nam từ ngày 8/3/1965. Đó là thách thức nặng nề đối với cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống Mỹ cứu nước. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao, giành thắng lợi từng bước, phát triển thế và lực, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước. Việt Nam và Mỹ ký Hiệp định Paris (27/1/1973), quân Mỹ và các nước chư hầu phải rút hết khỏi Việt Nam. Đó là cơ hội để cách mạng



Quần chúng cách mạng và tự vệ chiến đấu Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai (Bắc Bộ phủ), ngày 19/8/1945
- Ảnh: TƯ LIỆU TTXVN

Việt Nam phát triển, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Cuối năm 1974, so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta. Bộ Chính trị quyết định dốc toàn lực của cả nước với quyết tâm thần tốc, táo bạo, chắc thắng đã hoàn thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước ngày 30/4/1975.

Trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và trên cả nước sau năm 1975, Đảng có nhiều thành công về xây dựng chế độ chính trị mạnh, ưu việt, về phát triển văn hóa, giáo dục, con người, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nhưng có một số hạn chế, yếu kém về cơ chế, chính sách kinh tế. Năm 1979, đất nước khủng hoảng kinh tế-xã hội, cũng là thời điểm Đảng đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, khảo nghiệm thực tế và đổi mới từng phần. Năm 1986, nhiều mô hình và cách thức mới, chính sách mới mang lại hiệu quả dù còn khó khăn. Đó là cơ hội để Đảng quyết định đường lối đổi mới. Đại hội VI của Đảng (12/1986), với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đảng quyết định thực hiện đường lối đổi mới. Đổi mới trở thành mệnh lệnh của cuộc sống để đất nước ra khỏi nguy cơ khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài và khắc phục tình trạng bị bao vây, cấm vận, đưa đất nước phát triển.

Những năm 90 của thế kỷ 20, với cơ chế, chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đổi mới của Việt Nam đã thành công trên nhiều mặt. Đất nước ra khỏi khủng hoảng và tình trạng bị bao vây, cấm vận, hội nhập quốc tế thành công, chính trị xã hội ổn định. Đó là cơ hội để đất nước phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 1994, cùng với thành công, Đảng cũng chỉ rõ bốn nguy cơ: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ tham nhũng; nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Một lần nữa, tranh thủ cơ hội, đẩy lùi nguy cơ được Đảng đặt ra trực tiếp, không thể

xem thường nguy cơ nào.

Hiện nay, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Có nhiều thuận lợi, cơ hội để đất nước phát triển nhanh, bền vững, thực hiện hai mục tiêu 100 năm, tăng trưởng kinh tế hai con số. Hệ thống chính trị được sắp xếp tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nền kinh tế năng động, tăng trưởng cao, quy mô tăng nhanh, Việt Nam đã ở nhóm các nước thu nhập trung bình cao. Khoa học-công nghệ, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) được ứng dụng thành công và phát triển theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững chắc, an sinh xã hội mở rộng, đời sống Nhân dân được nâng cao, Nhân dân, con người ở vị trí trung tâm. Quốc phòng, an ninh vững mạnh. Đối ngoại mở rộng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng cao. Tuy vậy, Đại hội XIV của Đảng (1/2026) đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém và nhấn mạnh: “Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra đã từng bước được khắc phục, song có mặt còn diễn biến phức tạp. Nguy cơ bao trùm là nguy cơ tụt hậu, nhất là về công nghệ và rơi vào bẫy thu nhập trung bình”[4].

Ở mọi thời kỳ cách mạng, thời cơ, thuận lợi, vận hội và khó khăn, thách thức, nguy cơ luôn luôn đan xen nhau; rất cần tầm nhìn và tư duy chiến lược, tự chủ chiến lược, dự báo tình hình để có quyết sách đúng đắn, kịp thời. Đó là một nội dung căn bản trong khoa học lãnh đạo của Đảng.

(Theo **NHANDAN.VN**)

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 3, trang 596.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 424.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 427.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, tập I, trang 80.



Chủ tịch Quốc hội khóa VIII Lê Quang Đạo - Ảnh: Q.T

Cuối tháng 3/1968, địch ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Nhưng dải đất hẹp từ bờ Nam sông Lam đến Vinh Linh-vùng cán xoong-cửa ngõ duy nhất nối hậu phương miền Bắc với đầu vào của Đoàn 559 bị đánh phá dữ dội gấp nhiều lần. Hàng nghìn ô tô không thể vượt ngã ba Đồng Lộc, ngã ba Khe Ve. Tiếp tế bị gián đoạn, một số đơn vị chủ lực thiếu đạn, thiếu gạo phải rút về phía sau. Lương thực cạn kiệt nghiêm trọng, nhiều nơi chỉ có cháo ăn. Trước tình thế cấp bách, Quân ủy Trung ương thành lập Bộ Tư lệnh 500, để khôi phục tuyến vận chuyển ở vùng cán xoong.

Tháng 10/1968, cha tôi ra Bắc sau 1 năm làm Chính ủy Chiến dịch Đường 9-Khe Sanh. Tại đây, ông đã thoát trận bom B52 đánh trúng khu Bộ Tư lệnh. Mẹ tôi-nhà văn Nguyệt Tú, quê Hà Tĩnh, nhớ lại: "Bố mới về hơn tuần lễ, lại chuẩn bị đi chiến dịch. Mẹ vừa lo bom đạn, vừa lo sức khỏe của bố. Nhưng bố nói: "Công việc rất gấp, anh trẻ hơn cả, cần phải đi. Lại có dịp về quê "ở rể"". Hai tuần sau khi ra Bắc, ông quay lại làm Chính ủy Bộ Tư lệnh 500, lần đầu trực tiếp lãnh đạo công tác hậu cần.

Trước khi cha tôi lên đường, Bác Hồ gọi ông lên ăn cơm riêng. Bữa ăn đạm bạc, chỉ có vài lát thịt lợn nạc thái mỏng, một bát canh rau cải, một chén con nước mắm, mấy quả cà muối và hai quả chuối.

Ngày đầu tháng 11/1968, ngay khi địch ngừng ném bom miền Bắc, cha lập tức lên đường. Ngày 8/11/1968, ông có thư về: "...Nhân dân, cả thanh niên nam nữ, già trẻ đổ ra sửa chữa đường, cầu như trẩy hội. Anh dũng vô cùng, vĩ đại vô cùng...". Cảnh tượng khơi dậy ký ức Cách mạng Tháng Tám ở Bắc Giang... Sân vận động ngập tràn cờ đỏ sao vàng, tiếng hô khẩu hiệu vang dội. Trên lễ đài, ở tuổi 24, Lê Quang Đạo, Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang đứng

duyet diều binh. Tuy vũ khí thô sơ như súng kíp, mã tấu, giáo mác và một số súng trường nhưng đoàn chiến sĩ bước đi hiên ngang, khí thế quyết tử áp đảo kẻ thù... Ngắm lại, Nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, ông tự nhủ.

Sau vài ngày tạm ngưng, vùng cán xoong bị ném bom trở lại, khốc liệt hơn. Vừa tới nơi, trong lúc công binh mở lại đường đã bị san phẳng, Chính ủy Lê Quang Đạo đưa ra hai đột phá: Huy động tổng lực dân công, thanh niên xung phong, từ các o ở Hà Tĩnh đến các mẹ ở Quảng Bình, Vĩnh Linh để vận chuyển. Mở chiến dịch "Xăng quý hơn máu" để tạo mạng vận chuyển phân đoạn. Hàng hóa được chia nhỏ, đóng vào phuy, can hoặc bao nylon, rồi gói, thổ, gánh, vác bộ để "chuyển dịch" từng bao gạo, thùng xăng qua đường mòn, theo lòng suối, xuyên rừng, vượt "nút thắt cổ chai". Hình ảnh này gợi nhớ cảnh hàng ngàn xe đạp thổ ở Điện Biên Phủ năm xưa. Hồi đó, vừa qua tuổi 30, ông là Phó Chủ nhiệm Chính trị Mặt trận kiêm Quyền Chính ủy Sư đoàn 308.

Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, Tư lệnh Đoàn 559, nhớ lại: "Anh Đạo điện cho tôi, nhẹ nhàng nhưng rất thuyết phục: "Phải cần một thời gian để hai bên giúp nhau khắc phục bằng được. Nhưng trước mắt phải gửi thổ xăng dầu sang cho anh". Lượng xăng dù ít nhưng

"Chảo lửa" vùng cán xoong

Tháng tám mùa thu này là kỷ niệm 105 năm ngày sinh cha tôi-Lê Quang Đạo, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN. Ông từng làm Chính ủy Bộ Tư lệnh 500 của vùng cán xoong thời chiến tranh khốc liệt.

việc này đã tạo nên sức động viên mạnh mẽ, lan nhanh khắp tuyến 559".

Sở Chỉ huy của Bộ Tư lệnh 500 đóng tại Hương Đô, Hà Tĩnh (tiền thân trước đó ở Minh Hóa, Quảng Bình), tại đây còn có dấu mối của Sở Chỉ huy tiền phương thuộc Tổng cục Hậu cần và Sở Chỉ huy cơ bản của Đoàn 559, tạo nên trung tâm đầu não "3 trong 1". Hôm nay, khu vực hàng ngàn mét vuông này thành Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt.

Việt Anh, phóng viên báo Lao Động, tả lại: "Mùi bom đạn khét lẹt. Chú ý quan sát nhưng tôi không sao nhận ra người chỉ huy. Khi người cùng đi chỉ "mục tiêu", tôi quá ngạc nhiên. Ôi! Người đeo kính trắng, thấp đậm, quần xắn móng lợn, trông vẻ thư sinh kia là Thiếu tướng Lê Quang Đạo ư?". Bữa liên hoan tiếp phóng viên chỉ có lương khô, rau rừng nấu với muối. Ở chiến trường, chỉ huy hay chiến sĩ, đều như nhau. Khi địch đánh, ai cũng có mặt. Hết gạo, mọi người ăn cháo, hết cháo ăn rau rừng.

Cuối năm 1968 và nửa đầu năm 1969, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Khu vực Vĩnh Linh là "mắt xích" bão lửa nhất, bị địch tập trung (cả B52) đánh hủy diệt hòng chặt đứt các nhánh đường. Bộ Tư lệnh 500, do Chính ủy Lê Quang Đạo và Tư lệnh Nguyễn Đôn chỉ huy, đã hợp nhất một lực lượng hỗn hợp hiệp đồng binh chủng với quy mô rất lớn, tới hơn 3 vạn người. Toàn bộ gồm 18 tiểu đoàn ô tô vận tải, 35 tiểu đoàn công binh và pháo cao xạ, 2 tiểu đoàn đường ống được biên chế chặt chẽ thành các khối chuyên

môn để vừa đánh địch, vừa mở đường, vừa vận chuyển.

Tại căn hầm chỉ huy, hai quyết sách sinh tử được đưa ra. Một là, "tạo lộ trình dã chiến": Mở tuyến đường vòng xuyên quốc gia, từ Hà Tĩnh đi sang Lào, né dải "tọa độ chết" ở miền Trung; rồi luồn qua thung lũng hiểm trở nhập ngược vào Đường 12 ở Quảng Bình để giao hàng cho Đoàn 559. Hai là, "lật cánh chuyển loại": Dùng xe lội nước K61 bánh xích chờ xăng, đạn, thay cho ô tô bánh lốp dễ bị sa hố bùn và công hàng chục xe ô tô vượt ngấm sang bờ bên kia. Đồng thời, "chuyển tải sông bến": Dỡ hàng từ xe ô tô, giao thanh niên xung phong và dân công dùng thuyền nan, bè mảng xuyên đêm qua sông, bốc lên xe ở bờ đối diện. Đã có điều kỳ diệu: Hai tiểu đoàn kỹ thuật mật tập, lắp đặt đường ống luồn rừng và dốc đá, vượt "tọa độ chết". Xăng dầu từ hậu phương bơm thẳng vào chiến trường, không còn cảnh xe bồn "rùa bò" qua bùn lầy Khe Ve; tạo tiền đề, mở rộng thành hệ thống đường ống hàng nghìn km xuyên Trường Sơn sau này.

Khi yên tĩnh ít phút giữa các đợt bom, các trận chiến sửa đường, cha tôi thường viết thư về nhà. Có thư gửi kèm 3 quả cam: "Lần này mới thật cam sành Hà Tĩnh". Hơn nửa thế kỷ qua đi, mỗi khi lần giở tập giấy por-luya mỏng tang, nhìn nét chữ tròn thân thuộc, thắm đậm lời khuyên nhủ, câu dặn dò của cha, cảm xúc từ xa xưa lại ùa về, sống động như ngày nào.

Những quyết sách xoay chuyển tình thế của Bộ Tư lệnh 500 đã khai thông nút thắt cổ chai miền Trung trong một thời

gian ngắn kỷ lục, phá vỡ hoàn toàn kế hoạch "ngăn chặn từ gốc" của không quân Mỹ. Mạch máu giao thông được thông suốt. Hiệp đồng binh chủng quy mô lớn và khối lượng vận tải tăng vọt làm thay đổi cục diện vận tải chiến lược cuối năm 1968, đầu năm 1969. Bộ Tư lệnh 500 đã xuất sắc giải tỏa toàn bộ hàng vận tấn hàng ứ đọng, lập kho dự trữ chiến lược, tạo nguồn cho vận tải cơ giới quy mô lớn của Đoàn 559 trong giai đoạn 1969-1970.

Làm việc liên tục trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt, tháng 5/1969, đang lộ tuổi đi công tác, cha tôi đột ngột bị một cơn đau tim nặng quật ngã, phải cấp cứu về Hà Nội. Tháng 8/1969, Bộ Tư lệnh 500 hoàn thành nhiệm vụ và giải thể. Ông đã lãnh đạo suốt 7 tháng trong 9 tháng hoạt động của Bộ Tư lệnh 500. Dấu ấn của Chính ủy Lê Quang Đạo trong "gỡ nút thắt" cán xoong 1968-1969 là điểm sáng điển hình về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong hậu cần quân sự.

Có sự lặp lại tình cờ và kỳ diệu về "7 tháng ngắn ngủi". Tháng 10/1945 Bác Hồ điều cha tôi về làm Bí thư Đảng Hải Phòng. Sau khi ông thành lập lại Thành ủy bị vỡ từ những năm trước, bầu cử Quốc hội khóa I thành công, tình hình mọi mặt ổn định, tháng 5/1946 Bác Hồ lại điều ông về làm Bí thư Đảng Hà Nội, chuẩn bị kháng chiến. Rồi lại "7 tháng ngắn ngủi" tiếp theo, tháng 12/1946 toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Sau 60 ngày chiến đấu "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" ông rút ra cuối cùng với các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô. Như vậy, với cả ba thời kỳ cách nhau hơn 10 năm, chỉ với "7 tháng ngắn ngủi" ông góp phần quan trọng tạo nên kỳ tích trong các hoàn cảnh hoàn toàn khác biệt.

Mỗi khi nghe kể cha tôi hút chết, thoát mật thám bắt, bom rơi trúng hay đau ốm hiểm nghèo, bà nội tôi nói: "Sẽ không sao đâu. Bố cháu là con cầu tự". Lần này cũng vậy. Sau hơn 1 năm vừa dưỡng bệnh vừa làm việc, cha tôi lại lên đường, tiếp tục làm Chính ủy Chiến dịch Đường 9-Nam Lào 1971 và Chính ủy Chiến dịch Trị Thiên 1972.

TS. NGUYỄN QUANG THẮNG



“Tinh mạnh chiến lược, xã mạnh thực thi”

Sau hơn 1 năm sắp xếp, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Trị được sắp xếp tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, giảm cấp trung gian, thực sự gần dân, sát dân để phục vụ Nhân dân theo đúng định hướng của Trung ương. Đặc biệt, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch tỉnh) chuyển từ tư duy phát triển theo ranh giới hành chính cũ sang tư duy phát triển theo hành lang, cực tăng trưởng và chuỗi liên kết kinh tế đã góp phần bố trí, phù hợp với yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh tập trung kiến tạo chiến lược, điều phối nguồn lực và quản trị các hành lang lớn; cấp xã, phường, đặc khu tập trung thực thi, phục vụ người dân, doanh nghiệp và quản lý phát triển tại cơ sở.



Đồng chí Nguyễn Văn Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy kiểm tra tình hình thực hiện Dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy - Ảnh: Q.V

quản trị phát triển: Bảo vệ rừng, quản lý đô thị, phát triển du lịch cộng đồng, hỗ trợ doanh nghiệp, giải phóng mặt bằng, bảo đảm an sinh và giữ vững quốc phòng-an ninh. Đặc biệt, Quy hoạch tỉnh mới đã tạo nền tảng để chính quyền 2 cấp vận hành theo hướng tinh gọn nhưng không buông lỏng quản lý. Tỉnh tập trung vào chiến lược, thể chế, hạ tầng liên vùng, điều phối nguồn lực và thu hút nhà đầu tư lớn; cấp cơ sở tập trung vào tổ chức thực hiện, phục vụ người dân, doanh nghiệp, quản lý không gian cụ thể và phản hồi nhanh các vướng mắc phát sinh.

Theo Giám đốc Sở Tài chính Nguyễn Xuân Đạt, sau hợp nhất, tỉnh Quảng Trị có quy mô không gian lớn hơn, cấu trúc tài nguyên đa dạng hơn và vị thế liên kết vùng rõ nét hơn. Từ góc nhìn chiến lược, lợi thế lớn nhất của tỉnh mới là cùng lúc sở hữu chiều sâu miền núi-biên giới, hành lang Đông-Tây, hệ thống cảng biển, không gian đô thị ven biển, di sản thiên nhiên thế giới, di sản lịch sử cách mạng và tiềm năng năng lượng sạch. Đặc biệt, điểm nổi bật của Quy hoạch tỉnh là chuyển từ tư duy phát triển theo ranh giới hành chính cũ sang tư duy phát triển theo hành lang, cực tăng trưởng và chuỗi liên kết kinh tế. Không gian Hòn La-Đồng Hới-Đồng Hà-Khu kinh tế Đông Nam-Mỹ Thủy-Lao Bảo-La Lay-Cha Lo được định vị như một mạng phát triển tích hợp, trong đó biển, cửa khẩu, đô thị, logistics, năng lượng và du lịch bổ trợ cho nhau.

Tại hội nghị công bố quyết định điều chỉnh Quy hoạch và xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Trị diễn ra vào tháng 7 vừa qua, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh đã nhấn mạnh, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh lần này không phải là phép cộng cơ học của hai quy hoạch trước đây, mà kiến tạo một không gian phát triển mới cho Quảng Trị. Điểm đột phá là chuyển từ tư duy phát triển theo địa giới hành chính sang phát triển theo không gian kinh tế; khoanh định các khu vực có tiềm năng, lợi thế; đồng thời đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Vượt qua những bờ ngõ của những ngày đầu vận hành, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã chứng minh được năng lực thích ứng và bản lĩnh đổi mới của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Quảng Trị. Quan trọng hơn, mô hình đang không ngừng hoàn thiện, phát triển nhờ sự hỗ trợ, kiến tạo không gian mới từ Quy hoạch tỉnh, mở ra một cách tiếp cận ưu việt trong quản trị địa phương: Chính quyền gần dân hơn, phục vụ tốt hơn và lấy người dân làm trung tâm của mọi quyết sách phát triển.

QUỐC VIỆT

SỨC BẬT TỪ MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN MỚI

Tỉnh Quảng Trị xác định việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp là chủ trương mang tính chiến lược của Đảng, là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đặt ra đối với cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh.

Theo Giám đốc Sở Nội vụ Lê Thị Thanh, sau hơn 1 năm sắp xếp, vận hành tổ chức bộ máy mới và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên tất cả các lĩnh vực. Hệ thống chính trị tỉnh được sắp xếp lại ổn định, các cơ quan, đơn vị, địa phương không bị gián đoạn trong thực thi nhiệm vụ; việc giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp, cởi mở và chuyên nghiệp hơn, giảm thiểu thời gian chờ đợi. Thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng vị trí lãnh đạo; cơ chế chịu trách nhiệm của người đứng đầu được xác định cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Đặc biệt, cấp tỉnh không còn làm thay cấp dưới mà chuyển sang vai trò kiến tạo, ban hành các quy định, quy trình để cấp xã thực thi, đồng thời hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ và điều phối để giải quyết những vấn đề vướng mắc vượt thẩm quyền của cấp xã, bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, không để tồn đọng. Cấp ủy cấp xã đã tập trung nâng cao tinh thần chủ động, bám dân, sát dân theo mô hình “chính quyền phục vụ”. Bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã đã trực tiếp xuống địa bàn tham gia vào tổ “Công nghệ số cộng đồng”, “Chính quyền lưu động” để hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến; phân công cấp ủy cấp xã phụ trách địa bàn, khu dân cư để nắm tình hình tư tưởng của



Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I hứa hẹn sẽ đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh - Ảnh: Q.V

người dân sau sáp nhập, không để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự hay đơn thư khiếu nại vượt cấp.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã bắt nhịp được với mô hình, yêu cầu nhiệm vụ mới; chất lượng từng bước nâng lên; năng lực tổ chức thực hiện, năng lực sử dụng công nghệ số có bước chuyển biến tích cực, từ tư duy quản lý sang phục vụ và kiến tạo; nếu cao tinh thần trách nhiệm, vận hành thông suốt các thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ghi nhận tại xã Vĩnh Linh, bộ máy chính quyền sau sáp nhập đã nhanh chóng được kiện toàn, bảo đảm hoạt động ổn định và thông suốt. Ngay sau khi thành lập xã mới, HĐND xã đã kịp thời ban hành các nghị quyết thành lập cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã. Đồng thời, địa phương tập trung rà soát, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ mới. Đến nay, UBND xã có 18 đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời thành lập mới Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã và Trạm Y tế xã theo đúng định hướng của tỉnh. “Mặc dù thực hiện sáp nhập với quy mô lớn nhưng hoạt động

của chính quyền không bị gián đoạn; việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được duy trì liên tục ngay từ những ngày đầu vận hành mô hình mới. Bên cạnh đó, địa phương cũng đã giải quyết đầy đủ chế độ, chính sách cho các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo quy định, qua đó góp phần ổn định tư tưởng cán bộ, tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện”, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Linh Nguyễn Thiên Tùng cho biết.

Còn tại xã Phú Trạch, quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo được nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét trên các phương diện quản trị, điều hành, phát triển kinh tế-xã hội, cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, bảo đảm quốc phòng-an ninh và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Việc tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian đã tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời phát huy tốt hơn vai trò chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong giải quyết công việc, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Năm 2025, 14/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; đời sống Nhân

dân từng bước được cải thiện, nâng cao, tỉ lệ hộ nghèo 3,16%.

SỰ GẮN KẾT CHIẾN LƯỢC

Thực tiễn cho thấy, quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đòi hỏi phải điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nhằm xác định rõ hơn vai trò điều phối của cấp tỉnh và không gian thực thi của cấp xã, phường, đặc khu. Trên cơ sở bám sát mô hình chính quyền mới, tái cấu trúc không gian phát triển sau hợp nhất để hình thành một cực tăng trưởng mới, Quy hoạch tỉnh mới đã tổ chức không gian theo hành lang và cực tăng trưởng thay vì phụ thuộc nặng vào địa giới cấp huyện cũ.

Theo đó, cấu trúc 3 hành lang, 7 cực, 2 vùng giúp tỉnh xác định các khu vực cần ưu tiên. Đồng thời làm rõ vai trò của các đô thị trung tâm và các đầu mối dịch vụ công. Mặt khác, sự gắn kết giữa Quy hoạch tỉnh và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp thể hiện rõ ở yêu cầu quản trị gần dân, gần doanh nghiệp. Việc quy hoạch phân vùng phát triển đồng bằng-ven biển-vùng biển và miền núi-cửa khẩu-biên giới giúp chính quyền cơ sở không chỉ thực hiện thủ tục hành chính, mà còn tham gia

Trên các công trình trọng điểm



Đài Kiểm soát không lưu Dự án Cảng hàng không Quảng Trị hoàn thành cất nóc, chuyển sang lắp đặt các hệ thống thiết bị chuyên ngành - Ảnh: Q.H

Những ngày này, khi thể làm việc trên các công trường tại Quảng Trị rất nhộn nhịp. Từng hạng mục đang được các chủ đầu tư, nhà thầu tập trung thi công, tranh thủ thời tiết thuận lợi, chạy đua với thời gian để bảo đảm tiến độ.

SÔI ĐỘNG CÔNG TRƯỜNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Nhiều người mừng vui, hạnh phúc khi mới đây Liên danh nhà đầu tư Tập đoàn T&T-CIENCO 4 chính thức hoàn thành cất nóc Đài Kiểm soát không lưu Dự án Cảng hàng không Quảng Trị- hạng mục quan trọng nhất, đánh dấu cột mốc mới trong quá trình đưa dự án về đích đúng kế hoạch. Công trình này trở thành hạng mục tiếp theo của dự án hoàn thành phần kết cấu, chuyển sang giai đoạn lắp đặt các hệ thống thiết bị chuyên ngành. Trước đó, dự án đã được điều chỉnh quy hoạch từ cấp 4C lên cấp 4E nhằm mở rộng dư địa phát triển của sân bay, tạo cơ sở để đáp ứng yêu cầu khai thác các loại tàu bay thân rộng như Boeing 787, Airbus A350 trong tương lai. Song song, nhiều hạng mục trọng điểm khác của cảng hàng không cũng đang được đẩy nhanh hoàn thành, đưa vào khai thác cuối năm 2026, tạo không gian mới để phát triển.

Cùng với Cảng hàng không, Dự án đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông-Tây tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 được kỳ vọng tạo trực động lực mới cho phát triển kinh tế biển, mở rộng không gian liên kết vùng, kết nối các trung tâm kinh tế, du lịch-dịch vụ với khoảng 48km đi qua các địa phương Vĩnh Linh-Gio Linh-Triệu Phong-Đông Hà rồi nối vào Quốc lộ 1. Các địa phương đến nay đã bàn giao hơn 93% mặt bằng sạch, phần còn lại chủ yếu nằm trong khu vực dân cư. Dù vậy,

giá trị xây lắp toàn dự án mới đạt gần 50%. Vượt qua những khó khăn, thách thức, các nhà thầu đang dốc sức tập trung nhân lực, thiết bị để bắt tốc thi công sớm hoàn thành dự án.

Ông Võ Phong Luân, Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật tỉnh yêu cầu các nhà thầu cam kết huy động nhân lực, vật lực đồng loạt thi công. Đơn vị nào không đáp ứng yêu cầu, Ban Quản lý dự án sẽ căn cứ hợp đồng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấm dứt, thay thế nhà thầu nhằm bảo đảm tiến độ dự án.

Nếu như Dự án đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông-Tây tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 mở rộng không gian liên vùng thì Cảng nước sâu Mỹ Thủy và Quốc lộ 15D hình thành trục giao thương đông-tây. Tại dự án Cảng nước sâu Mỹ Thủy vừa đưa vào khai thác bến số 1 từ tháng 7, ngay tháng đầu tiên, cảng đã đón an toàn hơn 20 chuyến tàu đến bốc dỡ

hàng để xuất khẩu. Giai đoạn 1 của cảng có quy mô đến 10 bến tàu. Những ngày này, trên công trường xây dựng cảng luôn tấp nập ô-tô bốc dỡ hàng hóa, chở vật liệu thi công các bến cảng tiếp theo. Mỹ Thủy không chỉ là một cảng biển mới mà còn là một mắt xích quan trọng để Quảng Trị biến lợi thế Hành lang kinh tế Đông-Tây thành lợi thế logistics.

Hiện nay, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan từ các cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay qua Quốc lộ 9, Quốc lộ 15D về Cảng nước sâu Mỹ Thủy ngày càng tăng cao. Chỉ tính riêng đối với mặt hàng than đá, việc nhập khẩu từ Lào qua cửa khẩu quốc tế La Lay về cảng biển Mỹ Thủy giúp giảm chi phí khoảng 20 USD/tấn nhờ rút ngắn quãng đường. Cùng với đó, khu vực Cảng nước sâu Mỹ Thủy được bổ sung thêm lợi thế với dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 15D từ cảng đến cao tốc đường bộ Cam Lộ-La Sơn, có tổng chiều dài tuyến hơn 21km. Đại diện Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải, đơn vị thi công từ Km 6+187 đến Km 14+350 trên Quốc lộ 15D, cho biết đã huy động hàng trăm kỹ sư, công nhân cùng máy móc thiết bị hoạt động liên tục ba ca, bốn kíp nhằm đẩy nhanh tiến độ các hạng mục công trình. Tại các đoạn tuyến khác, không khí làm việc của các nhà thầu thi công cũng hết sức khẩn trương, nhộn nhịp.

Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Lê Anh Đức cho biết, đây là một trong những dự án hạ tầng giao thông mang

ý nghĩa chiến lược đối với tỉnh Quảng Trị, nhằm tăng cường kết nối Cảng nước sâu Mỹ Thủy - cửa khẩu quốc tế La Lay qua trục phát triển Đông-Tây. Hiện các địa phương đã giải phóng mặt bằng được hơn 18/21km toàn tuyến, đạt hơn 87% để bàn giao mặt bằng sạch cho nhà thầu thi công. Để dự án sớm hoàn thành, Ban Quản lý đã chủ động lập lại tiến độ, đồng thời xác định đường găng tiến độ, khối lượng thi công hằng tháng, bảo đảm kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2026.

THÊM NHỮNG ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Một dự án trọng điểm khác được kỳ vọng đó là dự án Khu công nghiệp Quảng Trị nằm trong không gian phát triển của Khu kinh tế Đông Nam. Dự án do Công ty TNHH Liên doanh Phát triển Quảng Trị-QTIP đầu tư với tổng diện tích gần 500ha. Hiện nhiều dự án của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, triển khai xây dựng, góp phần tạo diện mạo mới cho khu công nghiệp. Tiêu biểu là dự án Nhà máy sản xuất vải TST Textile Việt Nam do doanh nghiệp của Singapore làm chủ đầu tư với công suất 20-25 triệu mét vuông vải/năm. Dự kiến, các hạng mục công trình nhà xưởng 1 hoạt động vào quý IV/2026, nhà xưởng 2 vào IV/2028. Đây là dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đầu tiên được xây dựng tại Khu công nghiệp Quảng Trị.

Ở phía Bắc, dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I thuộc Khu kinh tế Hòn La đang bước vào giai đoạn nước rút để phát

điện thương mại. Dự án gồm hai tổ máy, tổng công suất 1.403 MW, với mức đầu tư hơn 41.130 tỉ đồng, dự kiến sẽ phát điện thương mại tổ máy số 1 vào tháng 11/2026; tổ máy số 2 vào tháng 12/2026, góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh, bảo đảm an ninh năng lượng. Cùng với đó, các dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quảng Trạch II, III đang được hoàn thành thủ tục, hồ sơ cần thiết để triển khai thi công, dự kiến phát điện thương mại vào năm 2030-2032.

Thời gian qua, tỉnh Quảng Trị rất quan tâm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm. Tỉnh đã lập nhiều đoàn kiểm tra do các đồng chí lãnh đạo tỉnh làm trưởng đoàn để đốc thúc tiến độ, chất lượng xây dựng cũng như kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tại những lần kiểm tra, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị Nguyễn Văn Phương và đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương không được để tồn tại tình trạng vốn chờ dự án, dự án chờ mặt bằng, mặt bằng chờ thủ tục. Khó ở đâu phải tháo gỡ ở đó, chậm ở khâu nào phải xử lý dứt điểm khâu đó. Phát huy hơn nữa vai trò người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ưu tiên giải phóng mặt bằng, làm gọn từng phần, kiểm đếm tới đâu thì thẩm định, phê duyệt, chi trả tới đó. Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ phụ trách từng dự án, cá thể hóa trách nhiệm để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị cần tăng cường phối hợp hiệu quả hơn, bảo đảm các dự án triển khai đồng bộ, đúng tiến độ, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Các chủ đầu tư đặc biệt khẩn trương đôn đốc nhà thầu thi công tranh thủ thời tiết thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân.

Mục tiêu tăng trưởng GRDP năm nay của tỉnh Quảng Trị là 10,6%, trong khi sáu tháng đầu năm mới đạt khoảng 8,1%. Điều đó đồng nghĩa những tháng cuối năm phải tăng gần 13%, đặt ra thách thức rất lớn đối với công tác điều hành và tổ chức thực hiện. Các động lực từ công nghiệp, đầu tư công, dịch vụ đến cải cách hành chính đều phải được khơi thông, vận hành đồng bộ và hiệu quả; không còn dư địa cho sự chậm trễ. Đây sẽ là phép thử đối với năng lực điều hành, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong chặng nước rút của năm 2026. "Tiến độ hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án trọng điểm tác động rất lớn đến kết quả tăng trưởng hai con số của tỉnh trong năm 2026", đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh nhấn mạnh.

LÂM QUANG HUY



Thi công cầu vượt đường sắt và Quốc lộ 1 của Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 15D

- Ảnh: Q.H

Nguồn lực chiến lược tăng trưởng hai con số

BÀI TOÁN TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Không gian phát triển rộng hơn sau hợp nhất mở ra cho Quảng Trị nhiều cơ hội mới, nhưng cũng đặt ra nhu cầu đầu tư rất lớn về giao thông, đô thị, môi trường, thủy lợi, y tế, giáo dục, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

Đây là bài toán không đơn giản đối với một địa phương nguồn thu ngân sách còn hạn chế, trong khi phải dành nguồn lực đáng kể cho an sinh xã hội, chăm lo người có công, khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển miền núi, biên giới.

Đặc biệt, mục tiêu tăng trưởng hai con số đòi hỏi Quảng Trị không chỉ khai thác tốt hơn năng lực hiện hữu mà phải liên tục hình thành năng lực sản xuất mới, hạ tầng mới, không gian phát triển mới và động lực tăng trưởng mới. Trong khi đó, nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương dự kiến bố trí cho tỉnh trong kế hoạch trung hạn 2026-2030 mới đáp ứng khoảng 25% tổng nhu cầu tỉnh đề xuất.

Khoảng cách giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng nguồn lực đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ tư duy huy động vốn. Đầu tư công vẫn giữ vai trò dẫn dắt nhưng không thể là nguồn lực duy nhất. FDI và vốn tư nhân cần được thúc đẩy mạnh mẽ, song những dòng vốn này thường tập trung vào các lĩnh vực có khả năng sinh lời và những địa bàn đã có hạ tầng thuận lợi.

Trong khi đó, nhiều công trình giao thông kết nối vùng khó khăn, phòng chống thiên tai, môi trường, nước sạch, y tế, giáo dục và thích ứng biến đổi khí hậu rất cần thiết cho phát triển nhưng khó thu hút đầu tư tư nhân. Đây chính là khoảng trống mà ODA và vốn vay ưu đãi có thể phát huy vai trò đặc biệt.

TÍCH CỰC HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

Thực tiễn nhiều năm cho thấy ODA đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Quảng Trị trên nhiều lĩnh vực như giao thông, đô thị, thủy lợi, điện khí hóa nông thôn, y tế, giáo dục, cấp nước, bảo vệ môi trường, sinh kế và ứng phó biến đổi khí hậu.

Giai đoạn 2024-2026, tỉnh đã vận động mới 7 dự án ODA với tổng mức đầu tư khoảng 35,369 triệu USD. Hiện, có 15 dự án được bố trí vốn, trong đó 5 dự án đã hoàn thành và 10 dự

Sau hợp nhất, Quảng Trị đứng trước yêu cầu đầu tư rất lớn để kiến tạo không gian phát triển mới, trong khi nguồn lực đầu tư công còn hạn chế và huy động vốn đầu tư xã hội vẫn còn nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi không chỉ là nguồn lực bổ sung cho ngân sách, mà cần được xem là một kênh vốn chiến lược để hoàn thiện hạ tầng, tạo năng lực phát triển mới, dẫn dắt đầu tư xã hội và góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số.



Đồng chí Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh trao đổi với ông Lee Byung Hwa, Giám đốc Quốc gia Văn phòng KOICA Việt Nam

- Ảnh: N.M

án chuyển tiếp đang triển khai. ADB, WB, OFID, KOICA, JICA, AICS và nhiều đối tác khác đã đồng hành với địa phương qua nhiều chương trình, dự án phát triển. Tuy nhiên, nếu chỉ đánh giá ODA bằng số vốn huy động được thì chưa phản ánh đầy đủ giá trị của nguồn lực này.

Một tuyến đường không chỉ tạo ra giá trị xây dựng mà còn giảm chi phí logistics, kết nối sản xuất với thị trường và mở ra không gian mới cho công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch. Một công trình phòng chống thiên tai, môi trường hay cấp nước không trực tiếp tạo ra GRDP tương ứng với vốn đầu tư, nhưng giúp giảm thiệt hại, nâng cao chất lượng sống và cải thiện môi trường đầu tư. Đầu tư cho y tế, giáo dục và sinh kế lại góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sức cạnh tranh dài hạn.

Bởi vậy, giá trị quan trọng của ODA phải được nhìn nhận ở khả năng tạo ra năng lực phát triển mới cho nền kinh tế. Đồng chí Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh cho rằng “ODA và vốn vay ưu đãi phải được đặt trong tổng thể bài toán tăng trưởng của tỉnh. Nguồn lực này cần được ưu tiên cho những hạ tầng nền tảng, những lĩnh vực thiết yếu mà ngân sách chưa đủ khả năng đáp ứng và khu vực tư nhân khó đầu tư; qua đó

mở rộng không gian phát triển, giảm chi phí cho nền kinh tế và tạo điều kiện để các nguồn vốn xã hội tiếp tục được kích hoạt”.

Theo cách tiếp cận đó, ODA còn có thể đóng vai trò như “vốn mồi” cùng với đầu tư công để dẫn dắt đầu tư xã hội. Nhà nước và các đối tác phát triển đầu tư vào giao thông, đô thị, cấp nước, môi trường hay phòng chống thiên tai sẽ góp phần giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, từ đó nâng sức hấp dẫn đối với FDI và vốn đầu tư trong nước. Muốn tăng trưởng hai con số bền vững, Quảng Trị không thể chỉ dựa vào tăng chi ngân sách, mà phải nâng cao khả năng dùng nguồn lực Nhà nước để dẫn dắt và kích hoạt các nguồn lực xã hội.

Trong bối cảnh đó, chuyển công tác, làm việc vừa qua của lãnh đạo tỉnh với Bộ Tài chính và các đối tác phát triển như KOICA, JICA, ADB, WB, AICS (Italia) không chỉ nhằm tháo gỡ khó khăn cho các dự án đang thực hiện, mà còn hướng tới chuẩn bị một lớp dự án mới phục vụ chiến lược phát triển của tỉnh.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đặt mục tiêu thu hút khoảng 220 triệu USD vốn ODA. Để cụ thể hóa mục tiêu này, tỉnh đã xác định 7 dự án ưu tiên giai đoạn 2026-2030 với tổng vốn dự kiến khoảng

10.803 tỉ đồng, trong đó vốn ODA, vay ưu đãi khoảng 8.602 tỉ đồng, vốn đối ứng khoảng 2.201 tỉ đồng.

Danh mục vận động tập trung vào những lĩnh vực trực tiếp nâng cao năng lực phát triển như giao thông kết nối, đô thị, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp, nước sạch và hạ tầng thiết yếu.

Với ADB, Quảng Trị đang thúc đẩy dự án phát triển hạ tầng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với tăng cường kết nối và mở rộng không gian phát triển theo định hướng “vươn Đông, tỏa Tây”. Với WB là dự án nâng cấp giao thông địa phương hiệu quả và thích ứng biến đổi khí hậu-REPTIP. Với JICA, tỉnh hướng tới phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển đô thị xanh; với KOICA là các dự án y tế, an sinh và phòng chống sa mạc hóa ven biển; với các đối tác Italia là môi trường, nước sạch, quản lý tài nguyên nước, phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn.

Song song với vận động các nhà tài trợ, làm việc với Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại, Bộ Tài chính nhằm tháo gỡ các vấn đề về thủ tục, kế hoạch vốn và cơ chế phối hợp cho thấy một cách tiếp cận ngày càng rõ: Ngoại giao kinh tế phải gắn trực

tiếp với nhu cầu phát triển và bài toán tăng trưởng của địa phương.

CHUYỂN HÓA

THÀNH NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN

ODA là nguồn lực quan trọng nhưng không đồng nghĩa với việc huy động càng nhiều càng tốt. Khi Việt Nam bước lên mức thu nhập cao hơn, điều kiện vay ODA và vay ưu đãi không còn thuận lợi như trước. Các dự án cũng phải đồng thời đáp ứng quy định trong nước và yêu cầu của nhà tài trợ, đòi hỏi năng lực chuẩn bị, quản trị và giải ngân ngày càng cao.

Do đó, cùng với khả năng huy động vốn, khả năng hấp thụ vốn và hiệu quả đầu tư phải trở thành tiêu chí quan trọng. Mỗi dự án cần được cân nhắc trên cơ sở hiệu quả kinh tế-xã hội, khả năng triển khai, giải ngân, bố trí vốn đối ứng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đó cũng là sự chuyển đổi từ tư duy “ODA để có thêm vốn” sang “ODA để tạo thêm năng lực phát triển”.

Trong cấu trúc nguồn lực phát triển của Quảng Trị, đầu tư công cần tập trung cho các công trình động lực; ODA và vốn vay ưu đãi hướng vào hạ tầng thiết yếu, nâng cao khả năng chống chịu và phát triển con người; trong khi vốn tư nhân và FDI được thúc đẩy mạnh vào sản xuất, công nghiệp, năng lượng, logistics, thương mại, du lịch, đô thị và dịch vụ. Các nguồn vốn phải bổ trợ, dẫn dắt và kích hoạt lẫn nhau.

Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hoàng Nam nhấn mạnh: “Mục tiêu cuối cùng không phải là Quảng Trị có thêm bao nhiêu dự án ODA, mà sau mỗi dự án phải có thêm một năng lực phát triển mới: Một tuyến kết nối tốt hơn, một đô thị có sức chống chịu cao hơn, một vùng sản xuất thuận lợi hơn, chất lượng dịch vụ công tốt hơn hoặc một không gian đầu tư hấp dẫn hơn. Nguồn vốn chỉ thực sự có ý nghĩa khi được chuyển hóa thành năng lực phát triển”.

Trong bối cảnh nguồn lực đầu tư công hạn chế và huy động đầu tư xã hội chưa thể đáp ứng ngay nhu cầu rất lớn của một tỉnh mới hợp nhất, ODA và vốn vay ưu đãi vì thế có một vị trí đặc biệt. Nếu được lựa chọn đúng, quản lý tốt và sử dụng hiệu quả, nguồn lực này không chỉ giúp bù đắp khoảng trống về vốn mà còn có thể trở thành đòn bẩy hoàn thiện hạ tầng, dẫn dắt đầu tư xã hội, mở rộng không gian kinh tế và tạo thêm năng lực tăng trưởng mới-góp phần đưa mục tiêu tăng trưởng hai con số của Quảng Trị trở thành nền tảng cho một giai đoạn phát triển nhanh và bền vững.

NGỌC MAI

Nâng cao giá trị kinh tế biển

KHAI THÁC LỢI THẾ, NÂNG CAO GIÁ TRỊ

Tại Khu kinh tế (KKT) Hòn La, lợi thế về cảng biển đang được khai thác gắn với công nghiệp, chế biến, năng lượng và dịch vụ. Hiện, KKT có 84 dự án đăng ký đầu tư và đã đầu tư, tổng mức đầu tư 114 nghìn tỉ đồng; 30 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho gần 1.000 lao động. Doanh thu sản xuất công nghiệp và dịch vụ thương mại mỗi năm đạt khoảng 5.500 tỉ đồng.

Nhà máy chế biến khoáng sản titan Hoàng Long là một trong những cơ sở sản xuất tại khu vực Hòn La. Nhà máy có công suất 120.000 tấn sản phẩm/năm, tạo việc làm thường xuyên cho 92 lao động, thu nhập bình quân từ 12-15 triệu đồng/người/tháng. Ông Nguyễn Huy Thực, Giám đốc Nhà máy chế biến khoáng sản titan Hoàng Long, cho biết: “Chúng tôi chọn KKT Hòn La để đầu tư vì thấy ở đây có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp. Lợi thế lớn nhất là vị trí gần cảng biển nước sâu, thuận lợi vận chuyển đường biển sang các nước. Đây là nền tảng quan trọng để doanh nghiệp đầu tư lâu dài, phát triển bền vững”.

Cảng biển Hòn La cũng tạo điều kiện hình thành các hoạt động sản xuất, dịch vụ phía sau cảng. Từ năm 2018 đến nay, các cảng đón khoảng 25 nghìn lượt tàu thuyền, lượng hàng hóa thông quan khoảng 35 triệu tấn.

Ở các vùng ven biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản vẫn là sinh kế quan trọng. Tại xã Mỹ Thủy, việc chuyển đổi những hồ nuôi tôm kém hiệu quả sang nuôi cá kình đang mở ra một hướng sản xuất mới. Đến nay, toàn xã có khoảng 20ha nuôi cá kình. Ông Đặng Minh Đức, ở thôn Thuận An, là một trong những hộ chuyển đổi sớm. Gia đình ông cải tạo 3 hồ với tổng diện tích khoảng 10.000m² để nuôi cá kình. Năm 2025, gia đình thu 40 tấn cá, lợi nhuận khoảng 2,8

Từ lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên biển và hệ thống cảng, Quảng Trị đang từng bước mở rộng không gian phát triển kinh tế biển. Cảng biển gắn với công nghiệp và logistics, thủy sản gắn với sinh kế và chế biến, trong khi du lịch biển, dịch vụ mở thêm những giá trị mới. Cùng với đó, nhiều công trình hạ tầng đang được đầu tư, tạo điều kiện để các ngành kinh tế biển phát triển theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.



Một góc Cảng biển Hòn La

- Ảnh: Q.N



Bãi biển Nhật Lệ thu hút nhiều du khách đến vui chơi, trải nghiệm

- Ảnh: Q.N

tỉ đồng sau khi trừ chi phí; năm 2026, tiếp tục mở rộng diện tích nuôi lên 15.000m². “Nuôi tôm trước đây đầu tư lớn nhưng hiệu quả không ổn định. Chuyển sang nuôi cá kình, gia đình thấy phù hợp hơn, cá dễ nuôi, ít dịch bệnh, đầu ra tương đối ổn định. Thấy hiệu quả nên chúng tôi tiếp tục mở rộng diện tích”, ông Đặng Minh Đức chia sẻ.

Du lịch biển và dịch vụ cũng đang tạo thêm động lực cho kinh tế ven biển. Năm 2025, toàn tỉnh đón khoảng 9,6 triệu lượt khách, tổng thu từ khách du lịch ước đạt 11.040 tỉ đồng. Hệ thống cơ sở lưu trú, các khu nghỉ dưỡng ven biển tiếp tục được đầu tư. Riêng biển Nhật Lệ mỗi

năm đón khoảng 1,7 triệu lượt khách. Tại khu vực Bảo Ninh, hệ thống cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí từng bước hình thành, cùng các hoạt động lễ hội, ẩm thực, nghệ thuật phục vụ du khách. Ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Quảng Trị, cho biết: “Quảng Trị có nhiều điểm đến hấp dẫn, từ Vũng Chùa-Đảo Yến, biển Nhật Lệ đến Cửa Tùng, Cửa Việt và đảo Cồn Cỏ. Dư địa phát triển các sản phẩm du lịch biển, đảo, sinh thái và văn hóa còn lớn, do đó, việc kết nối những điểm đến này thành các hành trình liên hoàn sẽ tạo thêm sản phẩm, tăng trải nghiệm và thời gian lưu trú của du khách”.

TẠO NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN LÂU DÀI

Những hoạt động sản xuất, kinh doanh đang diễn ra cho thấy hạ tầng có vai trò quan trọng trong việc mở rộng không gian kinh tế biển. Tại Mỹ Thủy, dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 16/QĐ-TTg, ngày 4/1/2019, với tổng quy mô sử dụng đất, mặt nước khoảng 685ha, gồm 10 bến, được phát triển qua 3 giai đoạn. Ông Trần Văn Dũng, Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý Dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy, cho biết: Giai đoạn 1 đã hoàn tất thủ tục pháp lý và đạt khoảng 73% khối lượng thi công các hạng mục trọng điểm như đề chắn sóng phía đông, bến 1, bến 2, vũng quay tàu và các công trình phụ trợ. Cảng quốc tế Mỹ Thủy đã bắt đầu khai thác, đón chuyển tàu đầu tiên cập bến ngày 15/7/2026; đến ngày 21/8 đã đón 20 chuyến tàu. Dự án cũng đang triển khai thủ tục đầu nối nút giao công dự án với Quốc lộ 15D.

Cảng Mỹ Thủy được định hướng gắn với KKT Đông Nam Quảng Trị, tạo điều kiện phát triển logistics, công

ngiệp chế biến và các dịch vụ hậu cần. Cùng với đầu tư cảng, việc bố trí khu hậu cần nghề cá, khu neo đậu, tập kết ghe thuyền và bảo đảm sinh kế cho người dân cần được tính toán đồng bộ.

Cùng với hạ tầng, yêu cầu phát triển bền vững cũng đặt ra rõ hơn. Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết ngành; tăng cường nguồn nhân lực cho một số ngành kinh tế biển như du lịch, dịch vụ cảng biển, khai thác vùng biển xa, năng lượng tái tạo, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái biển gắn với phát triển kinh tế tại các địa phương. Đồng chí Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh cho biết: “Thời gian tới, tỉnh tiếp tục phát triển các ngành kinh tế biển quan trọng, khai thác tốt lợi thế cảng biển, du lịch biển, khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, năng lượng; đồng thời chú trọng bảo vệ tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái biển. Cùng với đó là tăng cường liên kết giữa các ngành, các địa phương, tạo sự đồng bộ về hạ tầng và nâng cao giá trị từ các lợi thế biển”.

Ngày Văn hóa-Du lịch Khánh Hòa tại Quảng Trị năm 2026 với chủ đề “Khánh Hòa-Quảng Trị: Kết nối di sản, vươn tầm biển xanh” mở thêm không gian hợp tác giữa hai địa phương về văn hóa, thể thao, du lịch, xúc tiến đầu tư và thương mại. Cùng với đường bay Nha Trang - Đồng Hới, những kết nối mới tạo thêm cơ hội đưa du khách đến Quảng Trị và đưa sản phẩm du lịch của tỉnh tiếp cận các thị trường mới.

Từ cảng biển, khu công nghiệp đến những vùng nuôi thủy sản và các điểm du lịch ven biển, những giá trị mới đang được hình thành từ biển. Khi hạ tầng tiếp tục được hoàn thiện, sản xuất được tổ chức theo hướng nâng cao giá trị, các điểm đến được mở rộng và tài nguyên được khai thác gắn với bảo vệ môi trường, kinh tế biển sẽ có thêm nền tảng để đóng góp lớn hơn cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

QUANG NGỌC

Hạt gạo chất chiu nghĩa tình Quảng Trị...

Nghĩa đồng bào từ nắm gạo tiết kiệm

Trong tâm thức của người Việt Nam vẫn vẹn nguyên ký ức về mùa giáp hạt và nạn đói kinh hoàng năm 1945. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, chính quyền non trẻ phải đối mặt với “kẻ thù” giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Tại phiên họp đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm là phát động phong trào tăng gia sản xuất: “... Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhin ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo”. Hạt gạo khi ấy thực sự quý giá như hạt ngọc.

Ở tuổi ngoài 90, bà Nguyễn Thị Dơi (thôn Bắc Long, xã Ái Tử) đã quên rất nhiều chuyện, nhưng khi gợi lại ký ức về phong trào tiết kiệm gạo nuôi quân ở Vệ Nghĩa (thôn cũ trước khi sáp nhập), ánh mắt bà lại rung rung: “Từ nhỏ tôi đã biết nấu cơm, đưa cơm cho bộ đội. Mỗi lần nhóm bếp, cha dặn bốc lại nắm gạo giúp người khó hơn và nuôi cách mạng. Bữa cơm chị em tôi ăn dè sẻn, không đủ no, nhưng ai cũng tự giác nghe lời cha mẹ”.

Là vùng đất cách mạng kiên cường, nơi thành lập một trong những Chi bộ Đảng đầu tiên của Quảng Trị, thôn Vệ Nghĩa (nay là thôn Bắc Long) lừng danh với phong trào “hũ gạo nghĩa tình”. Tiếp nối truyền thống năm xưa, năm 2005, ông Nguyễn Văn Thuận, nguyên Trưởng thôn Vệ Nghĩa đã phát động lại mô hình này. Mỗi ngày, bà con tự nguyện bốc lại nắm gạo trước khi nấu, đến ngày rằm hằng tháng thì gom nộp để hỗ trợ những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Ông Nguyễn Văn Thuận bồi ngùi: “Những năm kháng chiến gian khổ, người dân quê tôi gom góp từng lon gạo, thúng thóc gửi ra mặt trận theo lời kêu gọi của Bác. Thời bình, cơm gạo không còn là nỗi lo của số đông, nhưng với người nghèo đó vẫn là mối bận tâm hằng ngày. Do đó, tôi phát động mô hình hũ gạo nghĩa tình để khơi dậy tình thương xóm làng, giúp đỡ những cảnh đời khó khăn”.

Không riêng Vệ Nghĩa, truyền thống sẻ chia ấy còn lan tỏa sâu rộng qua nhiều miền quê. Tại bảo tàng đặc biệt của thôn Quảng Xá, xã Ninh Châu, có gần 10 chiếc hũ sành cũ kỹ vẫn được trân trọng trưng bày như những chứng nhân lịch sử sống động. Tiêu biểu là “Hũ gạo tiết kiệm thời kỳ chống giặc đói,

Từ những hũ gạo cứu đói, nuôi quân thấm đậm nghĩa tình do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động trong gian khó, ngành nông nghiệp Quảng Trị đang viết tiếp câu chuyện hồi sinh kỳ diệu trên vùng đất từng bị “bom cày, đạn xối”. Nhờ chủ động đổi mới tư duy, đẩy mạnh liên kết chuỗi và ứng dụng công nghệ hiện đại, địa phương không chỉ giữ vững an ninh lương thực mà còn đưa hạt gạo quê hương vươn xa, khẳng định vị thế một nền nông nghiệp hàng hóa xanh, bền vững.



Mô hình cánh đồng lớn giúp chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại - Ảnh: T.T



Mùa vàng ấm no nơi biên viễn - Ảnh: T.T

diệt giặc dốt” và “Hũ gạo nuôi quân” do ông Theo, bà Duy tự nguyện trao tặng. Bí thư Chi bộ thôn Quảng Xá Dương Trung Toàn chia sẻ: “Chúng tôi gìn giữ những hiện vật này không chỉ để ghi nhớ công ơn thế hệ đi trước, mà còn giáo dục con cháu hôm nay về tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái và truyền thống yêu nước”.

Đưa gạo Quảng Trị vươn xa

Từ những hũ gạo cứu đói đậm nghĩa tình trong gian khó, đến nay, hạt gạo Quảng Trị đã trở thành biểu tượng cho sự hồi sinh mạnh mẽ, khẳng định vị thế sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng cao. Những hạt gạo sạch, thơm ngon mang thương hiệu Quảng Trị hiện diện trên khắp các vùng miền trong và ngoài nước, nâng cao giá trị đời sống cho người nông dân trên chính mảnh đất từng chịu nhiều bom đạn.

Năm 2025, ngay sau khi hợp nhất 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng

Trị, ngành nông nghiệp đã chủ động sản xuất linh hoạt, thích ứng thiên tai. Nhờ nâng tỉ lệ giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao lên trên 80%, toàn tỉnh gieo trồng hơn 103.762ha, năng suất bình quân 53,86 tạ/ha, sản lượng đạt hơn 559.019 tấn. Địa phương cũng đẩy mạnh hiện đại hóa với 19.000ha cánh đồng lớn, 8.500ha liên kết tiêu thụ, cùng gần 1.500ha sản xuất hữu cơ và VietGAP. Bước sang vụ hè-thu năm 2026, toàn tỉnh gieo cấy hơn 37.600ha, năng suất ước đạt trên 52 tạ/ha.

Hợp tác xã (HTX) Sản xuất nông nghiệp Kim Long, xã Vĩnh Định là 1 trong 12 đơn vị thuộc Liên hiệp HTX Nông sản an toàn Hải Lăng triển khai mô hình lúa hữu cơ, tạo ra sản phẩm “Gạo Hải Lăng”. Vụ hè-thu 2026, HTX gieo cấy hơn 180ha, năng suất bình quân đạt 60tạ/ha, sản lượng hơn 1.080 tấn. Ông Nguyễn Hữu Phước, Giám đốc HTX Sản xuất nông nghiệp Kim Long phấn khởi: “Đầu vụ thời tiết

khá phức tạp, nhưng nhờ chủ động đưa các giống lúa ngắn ngày, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt vào gieo cấy nên cây lúa phát triển rất khỏe. Việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình canh tác hữu cơ và quản lý tốt nguồn nước giúp hạ chi phí đầu vào, hạt gạo đồng đều, chất lượng thương phẩm nâng lên rõ rệt. Bà con đã có một vụ mùa vừa được mùa, vừa được giá”.

Tại các địa phương, nhiều HTX đã chủ động biến tiềm năng đất đai thành vùng sản xuất hàng hóa hiện đại, tiêu biểu là HTX Sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Thống Nhất, xã Trường Ninh. Dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Duy Viên, HTX với 340 thành viên đã chuyển mình từ sản xuất nhỏ lẻ sang mô hình kiểu mẫu về liên kết và ứng dụng khoa học kỹ thuật trên 250ha lúa, 10ha đất màu và 4ha thủy sản.

Ông Nguyễn Duy Viên chia sẻ, muốn làm nông nghiệp hiệu quả phải thay đổi tư duy, xóa bỏ thói quen làm ăn manh mún để hướng tới sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ và gắn liền với thị trường. Từ định hướng đó, HTX đã triển khai thành công mô hình “cánh đồng lớn gắn với chuỗi giá trị”, áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trên toàn bộ 250ha lúa. Đặc biệt, vụ hè-thu năm 2026, HTX đi đầu khai thác 125ha đất lúa bỏ hoang bằng giống ĐT108, với sự hỗ trợ 50% chi phí từ Nhà nước và sự đồng hành bao tiêu của Công ty TNHH MTV Giống cây trồng Quảng Bình. Mô hình cho năng suất ước đạt 59-60 tạ/ha, sản lượng 730-750 tấn,

mang lại hiệu quả 10-12 triệu đồng/ha. Trong bối cảnh toàn tỉnh có hơn 9.000ha đất bỏ hoang mỗi vụ hè-thu, thành công này không chỉ tăng thu nhập cho người dân mà còn tạo tiền đề để hồi sinh những vùng ruộng từ lâu thiếu vắng tiếng máy gặt.

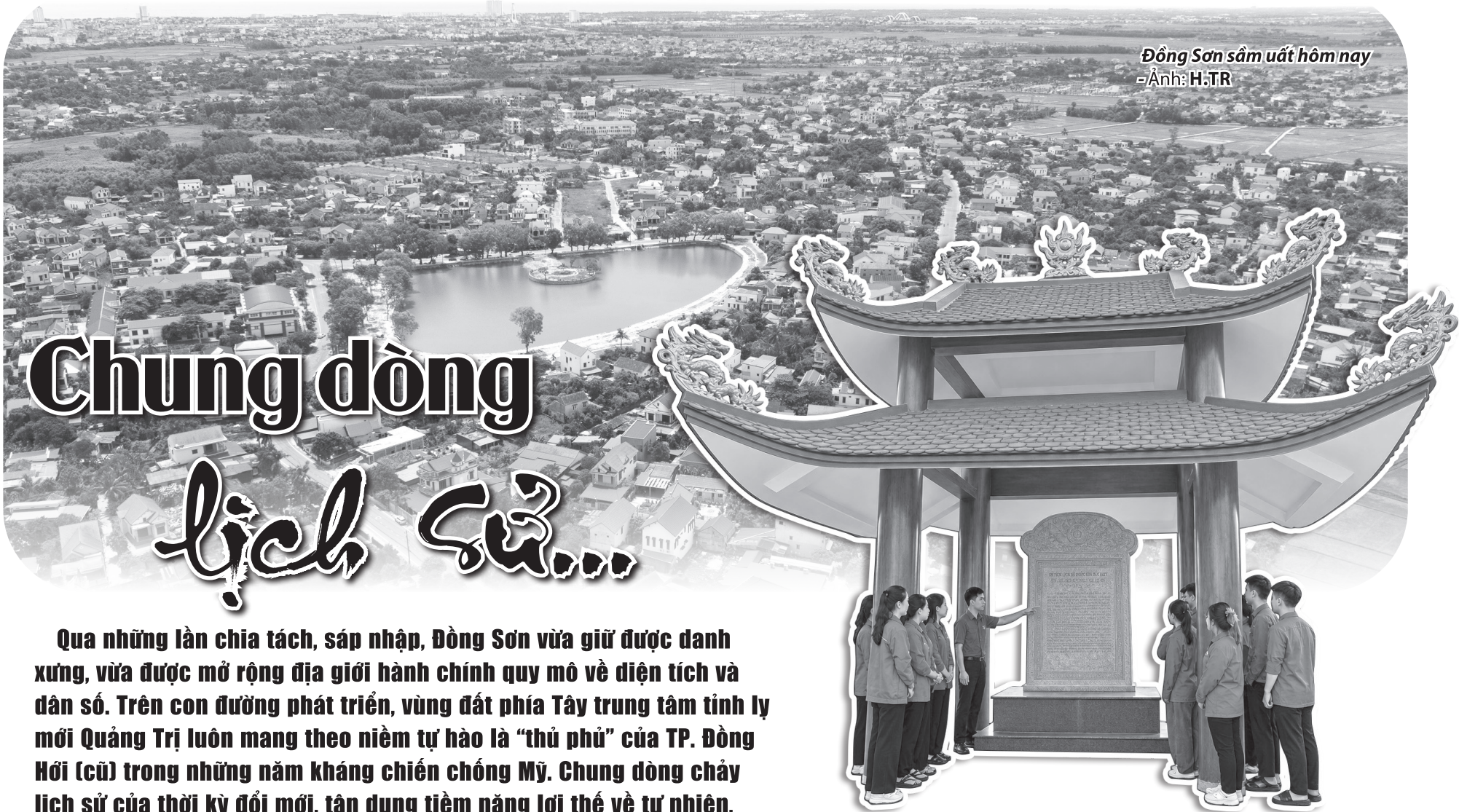
Đồng hành cùng bước chuyển mình của các HTX, Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các vùng sản xuất lúa chuyên canh quy mô lớn tại các xã thuộc khu vực các huyện Hải Lăng, Cam Lộ và Vĩnh Linh (cũ). Tham gia chuỗi liên kết, người dân được hỗ trợ toàn diện từ giống, kỹ thuật đến bao tiêu sản phẩm. Qua thu hoạch cho thấy, vùng lúa hữu cơ đạt năng suất trung bình 65 tạ/ha, mang lại doanh thu khoảng 60 triệu đồng/ha và lãi ròng 30 triệu đồng/ha. Môi trường sinh thái sạch còn giúp người dân kết hợp thu hoạch tôm, cá ngay trên đồng ruộng. Hướng tới nền nông nghiệp tuần hoàn, bền vững, đơn vị phấn đấu đến năm 2030 sẽ mở rộng diện tích lúa hữu cơ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu lên khoảng 3.000ha, từng bước khẳng định thương hiệu “Gạo hữu cơ Quảng Trị” trên thị trường quốc tế.

Trong chỉ đạo sản xuất, “chìa khóa” giúp Quảng Trị vượt qua thiên tai để đạt sản lượng 60 vạn tấn/năm chính là vận dụng linh hoạt công thức “Nhất giống, nhì phân, tam cần, tứ nước” gắn với hiện đại hóa, thay cho lối sản xuất cũ “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”.

Bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường khẳng định: “Tỉnh đã tập trung đầu tư hệ thống thủy lợi đồng bộ, bảo đảm nguồn nước tưới tiêu chủ động cho hơn 85% diện tích lúa; đồng thời đưa các bộ giống mới năng suất, chất lượng cao vào gieo trồng đại trà. Cùng với đó, phương thức canh tác được chuyển đổi mạnh mẽ nhờ cơ giới hóa và áp dụng các quy trình tiến bộ như IPM, 1 phải 5 giảm, SRI, sản xuất giảm phát thải... Việc nâng cao trình độ thâm canh cho nông dân và năng lực quản lý của các HTX chính là yếu tố quyết định để xây dựng thành công vùng chuyên canh gạo hữu cơ giá trị cao, phát triển bền vững”.

Nghĩa tình từ “hũ gạo Bác Hồ” năm xưa nay đã kết thành những mùa vàng ấm no, khẳng định bản lĩnh vươn lên và sức sống kỳ diệu của mảnh đất, con người Quảng Trị.

THANH TRÚC



Qua những lần chia tách, sáp nhập, Đồng Sơn vừa giữ được danh xưng, vừa được mở rộng địa giới hành chính quy mô về diện tích và dân số. Trên con đường phát triển, vùng đất phía Tây trung tâm tỉnh lỵ mới Quảng Trị luôn mang theo niềm tự hào là “thủ phủ” của TP. Đồng Hới (cũ) trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Chung dòng chảy lịch sử của thời kỳ đổi mới, tận dụng tiềm năng lợi thế về tự nhiên, đất đai trù phú và lao động dồi dào, Đồng Sơn vươn mình, hội nhập.

“Dấu xưa” không còn xa

Đi qua nhánh Đồng đường Hồ Chí Minh, cách trung tâm tỉnh lỵ 9km, Tổ dân Trạng (thuộc tổ dân phố (TDP) Đồng Lực, phường Đồng Sơn) hiện ra đẹp như tranh vẽ. Từ một vùng đất khó đến nay, người dân cần cù chịu khó biến “tắc đất, tắc vàng”, tạo ra một vùng gò đồi xanh mát, cây cối đơm hoa kết trái...

Trở về quá khứ, trong những ngày đế quốc Mỹ đánh phá, trung tâm Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, Đồng Thuận) trở thành một trận địa ác liệt. Hàng nghìn người dân gốc Đồng Hới đã lên phía Tây thành phố cũ, trong đó có Tổ dân Trạng để sơ tán. Kết thúc chiến tranh, một số người dân không về lại phố mà vẫn bám đất, bám làng, chung sức xây dựng đời sống mới, tô vẽ nên làng quê tươi đẹp.

Đến nay, tổ dân Trạng có 37 hộ dân với 150 nhân khẩu, đang vươn mình hòa vào dòng chảy phát triển cùng với các khu dân cư phường Đồng Sơn. Những con đường được trải bê tông với đường điện chiếu sáng về tận mỗi gia đình. Nhà văn hóa, sân chơi thể thao luôn nhộn nhịp tiếng vui đùa của bà con sau mỗi ngày lao động...

Theo Bí thư TDP Đồng Lực Đoàn Thị Thủy, người dân nơi đây đã đi qua năm tháng lịch sử, tự hào chứng kiến sự đổi thay nơi mảnh đất nghĩa tình này, cần cù chịu khó và biết

thay đổi tư duy sản xuất phù hợp thực tiễn... Tổ dân Trạng nay chỉ còn 1 hộ nghèo. Người dân đồng sức đồng lòng tham gia các phong trào thi đua, góp sức xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

Đồng Sơn còn sở hữu và giữ gìn căn cứ địa đầu tiên của tỉnh trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp năm 1947-vùng đất Thuận Đức với địa thế lưng dựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, mặt hướng về Biển Đông, cách trung tâm tỉnh lỵ 12km về phía tây. Tuy làm nơi căn cứ trong thời gian ngắn nhưng mảnh đất Thuận Đức lưu giữ nhiều sự kiện quan trọng, ghi lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử kháng chiến của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình (cũ). Hiện nay, chiến khu Thuận Đức còn lại dấu tích địa điểm nằm trên đồi Thuận Phong có diện tích 10.000m², là nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Trở lại chiến khu Thuận Đức hay vùng sơ tán Trạng, những “tên đất, tên làng” đi vào lịch sử giờ không còn xa ngái như trước bởi hệ thống hạ tầng đồng bộ với những ngã đường thuận lợi. Băng qua những mảnh vườn xanh mát, trù phú, nhiều người sẽ cảm nhận được sự hồi sinh, khởi sắc của các vùng quê cách mạng và vẹn nguyên cảm xúc về các vùng đất giàu tình nghĩa trong kháng chiến và đoàn kết chung sức xây dựng đời sống mới trong thời bình.

Triển vọng “thủ phủ” năm xưa

Mạch nguồn đã kết nối, “đông, tây” cũng hội tụ, Đồng Sơn mở ra trang mới trong hành trình bứt phá đi lên, hòa chung sự phát triển lớn mạnh với các địa phương trung tâm tỉnh mới Quảng Trị.

Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn Đoàn Hồng Quân cho biết, nếu như trước đây, Đồng Sơn phần lớn dân cư là cán bộ hưu trí, một bộ phận người dân sống bằng các dịch vụ buôn bán truyền thống, nhỏ lẻ, thì nay trở thành một địa phương lớn với đa ngành nghề, từ chăn nuôi, trồng trọt đến tiểu thủ công nghiệp. Trên địa bàn hiện có công trình đường cao tốc Bắc-Nam, đường nối Quốc lộ 1 với nhánh Đồng đường Hồ Chí Minh và một số dự án lớn đang hình thành, mở ra cơ hội để người dân phát triển các ngành nghề dịch vụ. Đặc biệt, nguồn lực đất đai dồi dào để bà con phát triển trồng rừng và mở rộng các mô hình kinh tế tổng hợp. Nhờ đó, nhiều sản phẩm nông nghiệp chủ lực được công nhận là sản phẩm OCOP, đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Với địa hình, lợi thế, Đồng Sơn cũng chú trọng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mở rộng sản xuất; khai thác tối đa 3 cụm tiểu thủ công nghiệp gồm 33 cơ sở đang vận hành hiệu quả, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

Vì vậy, mặc dù trong bối cảnh thị trường trong nước và quốc tế hiện có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng bám sát định hướng phát triển kinh tế, cùng với sự hỗ trợ kịp thời của địa phương, cơ sở chế biến gỗ của Công ty TNHH Lý Thành trên địa bàn phường vẫn ổn định và ngày càng mở rộng sản xuất; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của phường.

“Nhờ cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm tạo điều kiện về các chính sách ưu đãi, từ vay vốn đến mặt bằng sản xuất tại cụm làng nghề nên chúng tôi có động lực đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, duy trì sản xuất. Đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng thuận lợi trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ. Từ đó, tạo việc làm thường xuyên, nâng cao thu nhập cho người lao động”, Giám đốc Công ty TNHH Lý Thành Hoàng Khánh Thành cho hay.

Toàn phường có 3 hợp tác xã (HTX) dịch vụ nông nghiệp và 1 HTX sản xuất hiệu quả; 243 doanh nghiệp và 2.462 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động, tạo việc làm cho gần 10.000 lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Đến nay, Đồng Sơn có 3 sản phẩm OCOP đạt chứng nhận 3 sao, gồm: Tinh dầu sả Cô Nguyệt, Tinh dầu trầm Nghĩa Ninh, Tinh dầu trầm Vân Lan.

Chủ hộ sản xuất tinh dầu trầm, sả Nguyễn Thị Ánh Nguyệt tự tin chia sẻ: “Với điều

kiện thổ nhưỡng thuận lợi, hiện cơ sở sản xuất có trên 2ha trồng nguyên liệu phát triển tốt, cùng với việc thu mua của bà con các vùng lân cận, mỗi năm, cơ sở sản xuất trên 50 lít dầu sả, 120 lít dầu trầm, giải quyết việc làm cho hàng chục lao động theo thời vụ và nhiều lao động gián tiếp. Sản phẩm tinh dầu trầm, dầu sả “cô Nguyệt” của gia đình đã được công nhận OCOP 3 sao. Từ mô hình trồng nguyên liệu, trên địa bàn đã có nhiều hộ phát triển trồng trầm, tạo xanh mát cả một vùng chiến khu xưa”.

“Với tiềm năng dư địa khá lớn cùng với ý chí nội lực, tận dụng mọi cơ hội, Đồng Sơn sớm nâng cao được mức thu nhập và đời sống của người dân, bứt phá đi lên xây dựng đô thị hiện đại, sánh vai cùng các địa phương trung tâm tỉnh lỵ mới”, Bí thư Đảng ủy Nguyễn Hữu Phước khẳng định.

Với diện tích 88km, dân số trên 32.400 nhân khẩu, Đồng Sơn hiện có 11 TDP, trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 4 địa phương có vị trí liền kề, giáp ranh nhau của TP. Đồng Hới cũ: Đồng Sơn, Bắc Nghĩa, Nghĩa Ninh và Thuận Đức.



Mạch nguồn Thủy Ba

Quá khứ hào hùng

Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 xã: Vinh Lâm, Vinh Sơn và Vinh Thủy của huyện Vĩnh Linh (cũ), xã Vinh Thủy ngày nay không chỉ khoác lên mình dáng dấp nông thôn mới trù phú, hiện đại, mà còn là nơi hội tụ những mạch nguồn lịch sử, truyền thống cách mạng được hun đúc qua nhiều thế hệ. Mỗi vùng đất, mỗi tên gọi trước đây đều gắn với những dấu ấn riêng trong hành trình đấu tranh, bảo vệ quê hương.

Với xã Vinh Lâm (cũ), cách đây 95 năm, năm 1931, Chi bộ Quảng Xá được thành lập, là một trong ba chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Vĩnh Linh (cũ). Sự ra đời của chi bộ đã mở ra một chặng đường mới cho phong trào cách mạng ở địa phương, từng bước tập hợp, giác ngộ và hun đúc tinh thần đấu tranh trong Nhân dân.

Còn ở xã Vinh Thủy (cũ) có chiến khu Thủy Ba-căn cứ cách mạng quan trọng trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Với hệ thống núi sông hiểm trở, tháng 3/1947, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, Thủy Ba được chọn làm nơi trú đóng của Tỉnh ủy Quảng Trị (cũ) để chỉ đạo phong trào kháng chiến trong toàn tỉnh. Người dân nơi đây đã hết lòng che chở, nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ, biến mỗi mái nhà thành một địa chỉ tin cậy của cách mạng.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Vinh Lâm, Vinh Sơn và Vinh Thủy cùng nằm trên tuyến lửa Vĩnh Linh anh hùng, trở thành những địa bàn chịu sự đánh phá ác liệt của không quân, hải quân Mỹ. Nhưng trong mưa bom, bão đạn, người dân ở mỗi vùng quê vẫn kiên cường bám đất, bám làng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Ở tuổi gần 80, cựu chiến binh Nguyễn Văn Phú vẫn không quên những năm tháng gian khó ấy. Trong ký ức của ông, hình ảnh những người dân quê mình với "tay trái cày ruộng, tay phải vác súng", vừa lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương chưa bao giờ nhạt phai. "Cứ thế mà những người dân 3 xã lúc bấy giờ đã góp phần lập nên nhiều

Chiến tranh đã lùi xa, nhưng mạch nguồn của một thời kiên trung vẫn chảy mãi trên vùng đất Vinh Thủy. Từ những "hạt giống đỏ" đầu tiên, từ chiến khu Thủy Ba kiên cường, từ tinh thần bám đất, bám làng trên tuyến lửa năm xưa, hôm nay, những giá trị ấy đang hội tụ, tiếp thêm sức mạnh để Đảng bộ và Nhân dân xã Vinh Thủy viết tiếp hành trình mới bằng khát vọng dựng xây một quê hương ngày càng giàu đẹp.

chiến công, tiêu biểu là trận đánh ngày 11/11/1966 bắn rơi 6 máy bay Mỹ, bắt sống nhiều giặc lái, bắn bị thương nhiều chiếc khác...", ông Phú nhớ lại.

Nhìn lại chặng đường đã qua, ông Hoàng Kim Tùng, nguyên Bí thư Đảng ủy xã Vinh Lâm (cũ) cho rằng, dù mỗi vùng đất có những dấu ấn, câu chuyện riêng, nhưng đều gặp nhau ở lòng yêu nước, sự son sắt với cách mạng và ý chí không khuất phục trước gian khổ, hy sinh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, Nhân dân 3 xã Vinh Sơn, Vinh Lâm, Vinh Thủy không chỉ anh dũng chiến đấu, bảo vệ chiến khu mà còn tích cực lao động sản xuất, bảo đảm và chi viện đặc lực cho chiến trường miền Nam. "Dưới mưa bom bão đạn ngày ấy, người dân vẫn tích cực lao động sản xuất, cung cấp lương thực, thực phẩm cho cách mạng, hết lòng che chở, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ cách mạng lúc hiểm nguy. Bản lĩnh kiên trung từ chi bộ Đảng đầu tiên hay khí thế của chiến khu Thủy Ba năm xưa chính là kim chỉ nam để Đảng bộ và Nhân dân xã Vinh Thủy hôm nay đồng lòng bứt phá kinh tế, xây dựng quê hương khang trang, vững bước đi lên", ông Hoàng Kim Tùng chia sẻ.

Diện mạo mới Vinh Thủy

Sau khi hợp nhất, xã Vinh Thủy trở thành một trong những địa phương sở hữu quỹ đất nông-lâm nghiệp lớn, địa hình đa dạng và điều kiện tự nhiên thuận lợi. Đây là tiền đề quan trọng để xã đẩy mạnh hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, từng bước xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Theo ông Thái Nam Sơn, Chủ tịch UBND xã Vinh Thủy, sau khi mở rộng địa giới hành chính, địa phương xác định tập trung phát huy thế mạnh riêng của từng vùng, từng bước tổ chức lại sản xuất, khắc phục tình trạng manh mún, đẩy mạnh nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và liên kết theo chuỗi giá trị. "Đây cũng là hướng đi để xã Vinh Thủy khai thác hiệu quả hơn những tiềm năng sau hợp nhất, tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân", ông Sơn khẳng định.

Trên những cánh đồng lúa trước đây thuộc xã Vinh Lâm (cũ), sự thay đổi đang bắt đầu từ cách nghĩ, cách làm của người nông dân. Nổi bật phải kể đến mô hình sản xuất của HTX Dịch vụ Nông nghiệp Đặng Xá với thương hiệu "Gạo Vinh Lâm". Nhận thức rõ lối

sản xuất truyền thống không còn phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, năm 2024, HTX đã mạnh dạn triển khai mô hình sản xuất lúa VietGAP và lúa hữu cơ trên diện tích 23,6ha. Cũng trong năm này, sản phẩm "Gạo Vinh Lâm" của HTX đã xuất sắc được chứng nhận OCOP 3 sao. Tiếp nối thành công đó, xã Vinh Thủy tiếp tục khuyến khích người dân duy trì, mở rộng các mô hình sản xuất lúa liên kết với doanh nghiệp trên tổng diện tích 400ha, riêng diện tích lúa hữu cơ đạt 49,5ha.

Bên cạnh cây lúa, nuôi trồng thủy sản cũng trở thành điểm sáng bứt phá trong bức tranh kinh tế địa phương. Hiện nay, toàn xã sở hữu 375,39ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, trong đó, riêng vùng nuôi tôm chiếm 194,39ha. Để nâng cao hiệu quả sản xuất và thích ứng với những biến động của thời tiết, môi trường, địa phương đã phối hợp triển khai mô hình "Nuôi tôm sú thâm canh hai giai đoạn gắn với chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm". Hướng đi mới này đã mang lại sự đổi thay tích cực, giúp người nuôi tôm hoàn toàn chủ động trước những rủi ro thời tiết. Anh Trần Văn Dũng, hộ nuôi tôm tại xã Vinh Thủy chia sẻ: "So với cách nuôi truyền thống, nuôi tôm hai giai đoạn mang lại hiệu quả kinh tế vượt trội. Nhờ vậy, hầu hết bà con trong vùng đều đạt năng suất và chất lượng cao; riêng gia đình tôi có vụ thu lãi hơn 700 triệu đồng".

Từ những cánh đồng lúa đang chuyển dần sang sản xuất hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị đến những vùng nuôi tôm từng bước ứng dụng quy trình mới, cùng các mô hình trang trại tổng hợp, trang trại hữu cơ, cánh đồng mẫu lớn..., diện mạo kinh tế của xã Vinh Thủy đang từng ngày đổi thay. Điểm chung trong những mô hình ấy không chỉ là sự gia tăng về năng suất hay thu nhập, mà còn là sự chuyển biến trong tư duy sản xuất: Từ sản xuất nhỏ lẻ sang liên kết, từ khai thác lợi thế sẵn có sang tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, an toàn và bền vững.

Ông Thái Nam Sơn, Chủ tịch UBND xã Vinh Thủy cho biết thêm: "Thời gian tới, xã tiếp tục hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, nhân rộng các mô hình điểm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường và tạo động lực quyết định để Vinh Thủy phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao vào năm 2030".

TRÚC PHƯƠNG



Thương hiệu "Gạo Vinh Lâm" được khách hàng ưa chuộng - Ảnh: T.P

Bên dòng Đại Giang

Hồi ức về “vùng đất thép”

Ngược về quá khứ những ngày tháng chống Mỹ cứu nước đầy ác liệt, khi kẻ thù hàng giờ trút hàng tấn bom đạn xuống các tuyến giao thông huyết mạch nhằm chặn đứng nguồn lực từ hậu phương chi viện cho tiền tuyến, bến phà Long Đại (xã Trường Ninh) đã trở thành điểm “yết hầu” đặc biệt quan trọng. Đây là cầu nối chiến lược trên tuyến Đường 15, kết nối hậu phương lớn miền Bắc với chiến trường miền Nam cùng các nước bạn Lào, Campuchia.

Là một trong những điểm vượt sông trọng yếu và ác liệt nhất của tuyến đường Hồ Chí Minh lịch sử, bến phà Long Đại từng phải hứng chịu hàng nghìn tấn bom đạn dội xuống liên tục nhằm “bóp nghẹt” tuyến vận tải.

Với tinh thần chiến đấu “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, lực lượng bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến cùng với dân quân du kích và Nhân dân trên địa bàn đã kiên cường bám trụ “một tắc không đi, một li không rời”, dũng cảm đánh trả máy bay địch, rà phá bom mìn, san lấp hố bom, bảo đảm thông tuyến. Dù dòng sông Long Đại luôn sục sôi bởi pháo từ biển bắn vào và bom đạn từ trên không trút xuống, từng đoàn xe tải, từng đoàn quân vẫn hối hả vượt sông tiến vào miền Nam.

Sau chiến thắng vang dội của Chiến dịch Đường 9-Nam Lào đầu năm 1971, xã Hiền Ninh (nay thuộc xã Trường Ninh) được cấp trên giao nhiệm vụ đặc biệt: Chuẩn bị địa bàn đón Sở Chỉ huy cơ bản Đoàn 559 về đóng quân. Ngay khi nhận lệnh, Đảng ủy xã đã chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính trị vận động Nhân dân sắp xếp nhà cửa đón bộ đội, nhanh chóng bố trí các khu vực làm kho tàng, nhà chỉ huy, nhà khách, trạm tải ba... Lực lượng dân quân tại các hợp tác xã đảm nhận việc nguy trang phương tiện, tu bổ và mở rộng giao thông, giữ cho “mạch máu” vận tải luôn thông suốt.

Lịch sử Đảng bộ xã Hiền Ninh (1930-2015) ghi rõ: “Trường cấp 3 Quảng Ninh tạm thời thu hẹp quy mô để dành địa bàn cho quân đội; văn phòng ban giám hiệu được trưng dụng làm nhà khách của Bộ Tư lệnh. Nhà thờ họ Nguyễn là điểm làm việc của Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên; nhà thờ họ Trương là điểm đóng trạm tải ba bảo đảm thông tin thông suốt phục vụ chỉ huy chiến trường. Dựa vào tuyến lũy cổ đi dọc Cổ Hiền còn nguyên hệ thống rừng cây cổ thụ che chắn nguy trang các phương tiện giao thông và các điểm đóng quân. Trong lúc chiến tranh ngày càng ác liệt, Nhân dân sẵn sàng nhường nhà, nhường hầm cho các lực lượng”.

Bà Lê Thị Thu Hà, Phó Bí thư Đảng ủy xã Trường Ninh khẳng định: “Phát

Từng là “tọa độ lửa” in sâu dấu chân của Bộ Tư lệnh Trường Sơn và những chuyến phà Long Đại kiên cường năm xưa, xã Trường Ninh ngày nay đang chuyển mình mạnh mẽ. Sự hòa quyện giữa hào khí lịch sử với tư duy đổi mới trong phát triển kinh tế, hạ tầng đã khoác lên vùng đất bên dòng Đại Giang một diện mạo mới đầy sức sống.



Đền tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn-Bến phà Long Đại - Ảnh: P.V



Trong kháng chiến chống Mỹ, phà Long Đại là điểm trung chuyển người, hàng hóa vào miền Nam - Ảnh: TƯ LIỆU

huy truyền thống cách mạng, dù trong hoàn cảnh nào, cấp ủy, chính quyền và Nhân dân xã Trường Ninh cũng luôn đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, xứng đáng với sự hy sinh và chiến công oai hùng của các thế hệ cha anh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Vươn mình phát triển

Từng là chiến trường khốc liệt, nơi mỗi tấc đất đều thấm đẫm máu xương của các thế hệ cha anh, nay Trường Ninh đã khoác lên mình “chiếc áo mới”. Bộ mặt nông thôn khởi sắc, đời sống của người dân ngày càng nâng cao, tạo nên bức tranh tươi sáng về sự đổi mới.

Điểm sáng nhất trong “bức tranh” kinh tế của xã Trường Ninh chính là thắng lợi toàn diện của sản xuất nông nghiệp, các loại cây trồng đạt năng suất, sản lượng cao. Địa phương đang chuyển dịch mạnh mẽ sang xu hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và có giá trị kinh tế cao qua các mô hình sản xuất lúa hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị, chăn nuôi công nghệ cao...

Về thôn Thống Nhất, xã Trường Ninh hôm nay, có thể thấy rõ “bức tranh” nông nghiệp mới theo xu hướng hiện đại hóa. Khắp các cánh đồng của thôn, thay vì những mảnh ruộng manh mún, nhỏ lẻ, chẳng chịt bờ thửa như trước đây là hình ảnh những thửa ruộng “thẳng cánh cò bay”. Những con đường giao thông

nội đồng lầy lội vào mùa mưa đã được nâng cấp, các loại máy móc phục vụ nông nghiệp vào đến tận bờ ruộng.

Ông Nguyễn Duy Viên, Chủ tịch HĐQT Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Thống Nhất (HTX Thống Nhất) chia sẻ: “Với tinh thần đổi mới sáng tạo, HTX đã liên kết triển khai mô hình canh tác lúa hữu cơ đạt chuẩn VietGAP và sản xuất theo chuỗi giá trị cánh đồng lớn, giúp tăng đáng kể thu nhập trên mỗi đơn vị diện tích. Đặc biệt, HTX đã đưa công nghệ cao vào sản xuất như dùng thiết bị bay không người lái để phun thuốc bảo vệ thực vật, giúp nông dân tiết kiệm tối đa chi phí và nhân công”.

Song song với nông nghiệp, các mảng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại-dịch vụ cũng bứt phá rõ rệt. Toàn xã hiện có 539 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp (cơ khí, mộc, xây dựng, sản xuất thực phẩm, đá lạnh...), tạo việc làm thường xuyên cho 988 lao động với tổng giá trị sản xuất ước đạt trên 192 tỉ đồng. Hoạt động thương mại-dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định với 1.279 hộ kinh doanh, giải quyết việc làm cho 1.449 lao động, mang lại giá trị ước đạt 256 tỉ đồng.

Ông Trương Ngọc Quý, Chủ tịch UBND xã Trường Ninh cho biết, hệ thống giao thông trên địa bàn xã được đầu tư, kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông chính của tỉnh, tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ và lưu thông hàng hóa. Nhiều công trình, hạng mục phát triển kinh tế-xã hội và phục vụ dân sinh đã được xây dựng hoàn thành, tạo điểm nhấn về cảnh quan và thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất cho người dân. Cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa được đầu tư khá đồng bộ; tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia và chất lượng các dịch vụ xã hội ngày càng được nâng cao.

Trong giai đoạn tiếp theo, xã Trường Ninh xác định tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, nhất là chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao; đẩy mạnh chuyển dịch kinh tế theo hướng phát triển nhanh thương mại, dịch vụ, du lịch; đồng thời chú trọng các dự án trọng điểm có tính đột phá và lan tỏa rộng; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, phát triển văn hóa, thể dục thể thao, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Hào khí từ “vùng đất thép” năm xưa đang tiếp thêm nguồn sinh lực mới để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trường Ninh vững bước trên con đường đổi mới và hội nhập.

LAN CHI



Ngày Quốc khánh 2/9/1945, giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử, trong gió thu lồng lộng trên kỳ đài pháp phối tung bay lá cờ Tổ quốc với sắc màu đỏ tươi và ngôi sao vàng năm cánh rực rỡ đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của đất nước. Một dải đất hình chữ S mà nhà thơ Huy Cận đã đúc kết rất hay, hội tụ được hào khí thiêng liêng của trầm tích lịch sử và sự mềm mại uyển chuyển nhân văn của trầm tích văn hóa: “Sóng vững chãi bốn ngàn năm sừng sững/Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa/Trong và thật sóng hai bờ suy tưởng/Sóng hiên ngang mà nhân ái chan hòa”.

Hình vẽ lá cờ đỏ sao vàng năm cánh của tác giả Nguyễn Hữu Tiến, một chiến sĩ cách mạng lần đầu tiên được in trên nhật báo “Tiến lên” và xuất hiện lần đầu cách đây 86 năm trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vào tháng 11/1940. Lá cờ đỏ và ngôi sao vàng năm cánh tượng trưng cho ánh sáng và vai trò lãnh đạo của cách mạng còn là hình ảnh

màu da vàng và năm cánh sao tượng trưng cho sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân bao gồm: Sĩ, nông, công, thương, binh trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Trong những ngày bị quân Tưởng bắt giam năm 1942, Bác Hồ kính yêu đã viết tập thơ “Nhật ký trong tù” trong đó có bài thơ “Không ngủ được” với hình ảnh: “Sao vàng năm cánh mộng

hồn quanh” như một khát vọng với lý tưởng cách mạng khi thao thức nghĩ về đất nước.

Tại kỳ họp thứ II, Quốc hội khóa I ngày 31/10/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lá cờ đỏ sao vàng đã nhuộm bao nhiêu máu chiến sĩ Việt Nam ở Nam bộ và Nam Trung bộ, đã đi từ Á sang Âu, lại từ Âu sang Á, tới đâu cũng được chào kính cẩn, bây giờ trừ khi cả 25 triệu đồng bào còn ra không ai có quyền gì mà đòi thay đổi nó”. Sau đó, Quốc hội Việt Nam chính thức công nhận lá cờ là Quốc kỳ Việt Nam trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 9/11/1946.

Trong niềm vui bất tận của ngày Quốc khánh 2/9/1945, với cảm hứng dâng trào, nhà thơ Xuân Diệu đã viết bài thơ “Ngọn Quốc kỳ”: “Cờ Việt Nam oanh liệt gió mừng bay/Vàng huy hoàng sinh giữa thắm hây hây/Thắm lộng lẫy nở quanh vàng rực rỡ”. Và thật ngẫu nhiên, thi sĩ Xuân Diệu sau ngày giải phóng thủ đô đã về ở số nhà 24 (đường Cột cờ cũ, sau đổi thành đường Điện Biên Phủ). Có thể nói, hình ảnh lá cờ Tổ quốc tung bay trên Quảng trường Ba Đình ngày ấy là biểu tượng kết tinh cho một nền độc lập thống nhất tỏa rạng non sông với hình ảnh Bác Hồ: “Người đứng trên đài, lặng phút giây/Trông đàn con đỏ, vẫy hai tay/Cao cao vẳng trăn... ngồi đôi mắt/Độc lập bây giờ mới thấy đây (Tố Hữu) đã long trọng công bố với quốc dân, với toàn thể thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ

vững quyền tự do và độc lập ấy”. Bổng ngân vang trong ta giai điệu tha thiết của bài hát “Ba Đình nắng” (nhạc sĩ Bùi Công Kỳ phổ thơ Vũ Hoàng Định) cùng với hình ảnh lá Quốc kỳ tung bay lồng lộng như hồn thiêng sông núi Tổ quốc bay lên: “Gió vút lên ngọn cờ trên kỳ đài phơi phới/Gió vút lên đây bao nguồn sống mới dạt dào/Tôi về đây lắng nghe trong tiếng gọi/Của mùa thu cách mạng, mùa vàng sao”... .

81 năm trôi qua, trên Quảng trường Ba Đình lịch sử, mỗi sáng lại vang lên bài hát “Tiến quân ca”, với lễ thượng cờ bên lăng Bác dưới nắng thu Ba Đình lịch sử. Lá cờ-hồn thiêng sông núi tung bay dưới bầu trời hòa bình hôm nay rực sáng niềm tự hào dân tộc anh hùng suốt bốn nghìn năm lịch sử với ý chí quật cường, lòng yêu nước và tinh thần đại đoàn kết để giành độc lập tự chủ. Tôi đã đến Lũng Cú-vùng cực Bắc của Tổ quốc, nơi có cột cờ cao lồng lộng với lá cờ rộng 54m² tượng trưng cho 54 dân tộc anh em cùng kề vai sát cánh với các chiến sĩ biên phòng canh giữ biên cương Tổ quốc. Tôi đã ra đảo Trường Sa, chứng kiến buổi lễ chào cờ rất trọng thể khi lá cờ Tổ quốc bay lên trong gió khơi mặn mòi vị biển và nhớ lại hình ảnh các chiến sĩ lấy thân mình che chắn làn đạn quân thù bắn vào lá cờ Tổ quốc trên đảo Gạc Ma. Máu đào của các anh đã thấm vào sắc đỏ lá cờ, thấm vào cát san hô đất đai của Tổ quốc. Tôi đã qua cầu Hiền Lương và hình dung lá cờ đỏ sao vàng trong những năm đất nước bị chia cắt bay lên với khát vọng hòa bình thống nhất. Lá cờ như một biểu tượng của niềm tin của lòng son sắt Bắc-Nam liền một dải thống nhất trọn vẹn non sông. Tôi đã đến đất mũi Cà Mau, nơi



HOÀNG MINH ĐỨC

Nắng Ba Đình

Ánh mặt trời như giọt sữa mùa thu,
Giữa Ba Đình rợp màu cờ đỏ,
Tiếng Bác Hồ vọng vang lịch sử:
“Đồng bào nghe tôi nói rõ không?”.

Gót quân thù giày xéo non sông,
Tám mươi năm dân ta mất nước.
Triệu con người cựa mình thức giấc,
Đứng lên đi theo Đảng, Bác Hồ!

Trăm con sông nước cuộn đổ về,
Triệu con tim hòa cùng nhịp đập.
Giành cho được tự do, độc lập,
Dù phải đốt cả dãy Trường Sơn.

Tám mươi năm cờ đỏ sao vàng
Dẫn lối ta đi đấu tranh giữ nước.
Ba mươi năm bền gan đánh giặc,
Bắc Trung Nam chung một màu cờ.

Nước non mình đẹp tựa trang thơ,
Tám mươi năm xóa tan đời nô lệ.
Cuộc sống mới Nhân dân làm chủ,
Hội nhập năm châu, nước mạnh dân giàu.

NGUYỄN VĂN DỪNG

Hương làng Sen

Lối về
quê Bác làng Sen
hương đồng lúa chín
hương sen ngát ngào

Sương mai
lóng lánh bờ ao
lan lan điệu ví
dạt dào lời thương

Đã qua vạn dặm
nẻo trường
bước tiêu dao
lại tìm đường về đây

Khí thiêng linh tụ
cao dày
ngàn năm hẹn với
tinh này không phai

Làng Sen hương tỏa
hoa cài
hương sen minh triết
rộng dài đất thiêng

Đôi bờ mộng mị màn sương
thì thắm ngọn gió
dâng hương mấy lần

Làng Sen xa mấy cũng gần
tháng năm nhớ Bác
đất dành hương thơm...

NGUYỄN VĂN TRÌNH

Đông Hà thức giấc

Hiếu giang chảy giữa Đông Hà
êm như câu hát chan hòa tình quê
đôi bờ xanh mướt đề mề
gió ru phố mới, vỗ về chiều êm

Đông Hà thức giấc êm đềm
bên sông gió nhẹ gọi tên tháng ngày
đường qua, nối những vòng tay
Quốc lộ xuôi ngược đêm ngày Bắc, Nam

Đường tàu xuyên Việt âm vang
mang theo thương nhớ, miền man dặm dài
sông trôi nước chảy miệt mài
ra miền Cửa Việt nối dài biển xanh

Thuyền đi chờ nặng ân tình
xuôi dòng, còn giữ bóng hình quê hương
cảng xưa in dấu chiến trường
một thời bom đạn còn vương đất này

Ga xưa dấu tích trưng bày
sân rêu kể chuyện những ngày xa xưa
chuông chùa ngân vọng ban trưa
khói hương lan tỏa như vừa cỗi mơ

Nhà thờ giữ tiếng tôn thờ
neo lòng phố thị, bên bờ thời gian
Đông Hà đẹp nét dịu dàng
hiên hòa như nước, miền man sông dài...



Phường Đông Hà, tọa lạc bên dòng sông Hiếu - Ảnh: S.T

mà nhà thơ Xuân Diệu đã ví “*Tổ quốc ta như một con tàu/Mũi thuyền ta đó mũi Cà Mau*”. Giữa bạt ngàn rừng đước là hình ảnh con thuyền có lá cờ đỏ sao vàng tung bay khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc bền vững. Thật xúc động biết bao khi những người ngư dân bám biển, mang theo lá cờ như hồn thiêng non nước treo lên đỉnh cột buồm, như vươn tầm khát vọng vươn xa. Lá cờ là cột mốc sống trong tim mỗi người. Và kỳ lạ thay, ngôi sao vàng năm cánh cho ta hình dung ngày giải phóng thủ đô năm 1954 năm cửa ô rực rỡ màu cờ. Và trong chiến dịch đại thắng mùa xuân 1975 năm cánh quân như năm cánh sao tiến về giải phóng Sài Gòn.

Đất nước Việt Nam ta ngày Tết Cổ truyền có hai loài hoa mang hai sắc màu ở hai miền là: Hoa đào (màu đỏ) ở phía Bắc và hoa mai (màu vàng) ở phương Nam. Hai sắc màu tươi thắm đó như màu cờ đỏ sao vàng. Màu cờ ấy cũng thể hiện “*màu cờ sắc áo*” trên các đấu trường thể thao trong nước và quốc tế. Màu cờ ấy bay lên ở các sân trường chào cờ đầu tuần, hun đúc cho thế hệ trẻ khát vọng dựng xây đất nước giàu mạnh và bảo vệ Tổ quốc vững bền. Trong những ngày này, khi đất nước đang chuyển mình như lời cổ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã tự hào khẳng định: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Một kỷ nguyên mới mở ra bao khát vọng mới, cơ hội và tiềm lực mới với một dáng hình đất nước mang thể rồng bay từ cội nguồn “*Con Lạc, cháu Hồng*” bay lên với thiêng liêng lá cờ Tổ quốc...

NGUYỄN NGỌC PHÚ

● NGUYỄN ĐẠI DUẤN

Mùa thu của mẹ

Mẹ đi tìm mùa thu
Hoàng hôn đậu trên vai
Mẹ nhặt từng hạt nắng cuối ngày
Gom vào gùi ngô dầy lúa
Bóng mẹ xa dần
Những bước chân đi qua bóng đêm

Mẹ đi tìm mùa thu
Ánh mắt mẹ bừng lên trong sớm mai
Mẹ công nụ cười về cho cha
Bộ quân phục cha tìm về ký ức người lính

Mẹ đi tìm mùa thu
Phảng phất hương trầm cay cay lòng mẹ
Nơi anh ngã xuống giữa đại ngàn Trường Sơn
Sau cuộc chiến
Mẹ mòn mỏi đợi chờ

Mùa thu của mẹ
Là chiếc bóng hao gầy năm tháng
Thốn thức bên cha
Vết thương chiến tranh đang còn nhức nhối
Là dòng nước mắt nhạt nhòa
Bên nắm mổ thương anh lỡ hẹn

Một sớm mai
Mẹ nhìn vào khoảng trời xanh
Mùa thu
Mùa thu của mẹ
Tình yêu dang dở tháng năm...

Từ Hạc Hải đến Vũng Chùa

Căn nhà của tổ phụ Đại tướng Võ Nguyên Giáp tọa lạc ven hữu ngạn sông Kiến Giang ở làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy cũ, nay là xã Lệ Thủy, tỉnh Quảng Trị. Phía Đông, cách vài chục bước chân, là mặt nước phá Hạc Hải rộng mênh mông.

Hạc Hải, tên chữ của biển cạn, là vùng sinh thái nước lợ ngọt bốn nghìn mẫu tây. “*Bể cạn (một tên Bình Hồ), huyện Lệ Thủy, từ các nguồn An Sinh Cẩm Lý dồn về trăm sông đổ đến muôn mạch rót vào, gọi là Hạc Hải. Phía Đông Bắc thì bể xanh bát ngát, cồn cát chập chùng. Phía Tây Nam thì nghìn núi thẳng như bình phong, trăm non dựng như ngọn giáo. Mênh mông bể bạc, leo lẻo dòng trong, cá tôm sinh sản, le vẹt lội bơi. Chài ngư, thuyền củi đi về, dật khách, du nhân lui tới. Hồ sơn một cảnh trắng gió lung bầu, coi hết cái thế giới ngũ hổ vậy*” (trích “Ô Châu cận lục”, năm 1555). Tác giả cuốn dư địa chí trên đây là Dương Văn An, tiến sĩ triều Mạc, một tiền nhân người làng Tuy Lộc, cùng ở hữu ngạn Kiến Giang gần cách với làng An Xá bởi một con hói nhỏ.

“*Sinh ra ở đâu mà ai cũng anh hùng/Tất cả trả lời sinh bên một dòng sông*” (Bể Kiến Quốc). Đại tướng sinh bên dòng sông, bên bờ đầm phá, tuổi thơ được tưới tắm trong dòng nước ngọt lành của Kiến Giang và làn gió phóng khoáng trên phá Hạc Hải. “*Bể Hạc ai mài xanh sắc nước/Non Mâu tô điểm vẽ da trời*”. “Mài” là mài mực. Từ trong sâu thẳm dân gian truyền lại câu sấm kỳ “*Màu sơn vi bút-Hạc Hải vi nghiên-Trường Sa vi bản*”.

Những ngày tháng 6 giữa mùa hè, chiều muộn, mặt trời xuống sau dãy Trường Sơn hắt bóng ngọn Đâu Mâu nhọn hoắt như “ngọn bút” chấm xuống “nghiên mực” Hạc Hải, viết trên “trang giấy” bãi cát Đại Trường Sa ven biển, mà thành truyền thống hiếu học của cả một vùng đất hai huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh. Địa linh sinh nhân kiệt! Nơi đây sinh thành hai con người làm nên lịch sử: Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700), người xã Vạn Ninh ven bờ Tây của phá Hạc Hải, cuối thế kỷ XVII vâng lệnh chúa Nguyễn kinh lý phương Nam, khai sinh vùng đất Nam bộ, định vị hình hài đất nước, được dân 17 tỉnh phía Nam lập miếu thờ. Và, Võ Nguyên Giáp, sinh trưởng ven bờ Nam, sống trọn thế kỷ XX, giữ vững toàn vẹn non sông.

Có điều không giống nhau là Lê Thành hầu đi về phía Nam rồi nằm lại phương Nam, hơn trăm năm sau trở về Kiến Giang, yên nghỉ: “*Thượng An Mã/Hạ dừng dừng, trung trung nhất huyết*” (An Mã là dãy núi làm hậu chẩm. Dừng dừng là Hạc Hải làm minh đường). Đại tướng cũng bắt đầu hướng nghiệp phía Nam. Sau những năm tuổi thơ học chữ nho với thân phụ (cụ Võ Quang Nghiêm), lớp “Đồng ấu” phải lên trường tổng ở làng Tuy Lộc, lớp 3 phải lên



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm rừng dương Quang Phú tháng 8/1999 - Ảnh: P.V

trường huyện ở Thượng Phong. “Lên” là tính theo dòng Kiến Giang, sông chảy Nam-Bắc, nghĩa là đi vào Nam. Rồi trường tỉnh ở Đồng Hới, năm 15 tuổi, vào Huế học Trường Quốc học và “*Từ ấy... bùng nổ hạ/Mặt trời chân lý chói qua tim*” (Tố Hữu).

Gần 90 năm sau, Đại tướng trở về từ phía Bắc trên chuyên cơ và yên nghỉ nơi địa đầu phía Đông Bắc của đất mẹ. “Quảng Bình là nhà tôi, khi nào rảnh việc nước thì tôi về nhà”. Câu trả lời phỏng vấn ngắn, giản dị mà gói đầy đủ tình cảm của một người con xa quê luôn đau đáu một ngày trở về với “mái nhà xưa”. Ngày ấy, buổi chiều cuối xuân năm 1992, trên đỉnh Hoành Sơn, trong làn mưa bụi bay, ngàn mai rơi rụng những cánh vàng sau cuối, tiền Đại tướng trở về đất Bắc, nghe câu nói này hẳn không ai nghĩ rằng, hai mươi mốt năm sau được đón Đại tướng về yên nghỉ ngay lưng chừng mái núi, như một sắp xếp thiên định: Hoành Sơn-Đảo Yến-Vũng Chùa.

Nơi đây, hơn 1.000 năm trước, in dấu chân của Ngô Tử An cùng 3 vạn người vâng lệnh của Lê Đại Hành mở đường Thiên lý từ cửa Sót (Nam Hà Tĩnh) vào Bố Chính (Bắc Quảng Bình) cho vương khí Đại Việt bắt đầu tràn xuống phương Nam. Nơi đây, in dấu chân người ngựa của các bậc đế vương danh tướng, từ Lý Thánh Tông, Lý Thường Kiệt, Trần Nguyên Hãn, Lê Thánh Tông, Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân..., đến Lê Quý Đôn, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát, Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Bà Huyện Thanh Quan... và danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh, để lại những sự tích oanh liệt, những áng văn thơ bất hủ.

Dãy núi Hoành Sơn, bắt nguồn từ sơn hệ Trường Sơn, độ cao trung bình 400m, chạy thẳng ra biển như một thanh kiếm. Đỉnh núi, trên đường bộ thiên lý, tương truyền là trạm dừng chân của Thánh Mẫu Liễu Hạnh trên lộ trình vân du bảo hộ con dân đất Việt tiến xuống phương Nam. Ở lưng chừng mái Nam đèo Ngang, tọa lạc ngôi đền Thánh Mẫu bốn mùa hương khói. Hoành Sơn, ăn lan ra biển thành mũi Rồng, dư khí tỏa xuống một vùng

"non kỳ danh địa" với các danh xưng tên làng, tên đất ghi dấu giá trị địa văn hóa “*Vinh Sơn, Ngưu Sơn, sơn sơn xuất anh hùng hào kiệt/Tràng Hải, Ngoại Hải, hải hải đa liệt nữ anh thơ*”, là danh ngôn thánh hiền sách vở. Dân gian thì giản dị mà thực tế hơn cho thuyền bè trú ẩn mưu sinh: “*Đông Bắc thì dựa Vũng Chùa/Nồm Nam dựa Chệt bốn mùa như ao*”.

Vâng, sau một đời trận mạc, vì nước vì dân, nay Đại tướng đã về đây với đá với hoa, cùng tiểu phu đi đốn củi, tré mực đồng ra bãi thả trâu, vọng về các bậc tiền nhân “Lên đỉnh Hoành Sơn ngắm, xuống khe Thạch Bàn tắm”. Nơi Đại tướng yên giấc ngàn thu có gió đại dương Nồm Nam hai ngọn, gợi nhớ thời ấu thơ đón gió Hạc Hải mỗi buổi chiều tà, có đảo Yến làm án thư, Vũng Chùa là minh đường, Hoành Sơn là hậu chẩm, để bậc thánh nhân tiếp tục sự nghiệp vĩnh hằng trấn một vùng hiểm địa, bảo vệ con dân cùng non sông vẹn toàn.

Kỷ diệu thay cái danh xưng “Anh Cả của toàn quân!”. Đại tướng tuổi Hợi, sinh vào mùa lụt, trong căn lều cất tạm dưới gốc cây mít cổ thụ. Song thân sinh 7 người con. Đại tướng là con thứ 5. 3 người chị trên ông đều mất lúc trẻ, không có hậu nhân. Người anh cả, theo như người làng tôi (làng Lộc An, đối diện qua sông Kiến Giang) kể lại, là cậu bé rất mực thông minh. Trong một cơn sốt thương hàn, người anh ấy qua đời. Đại tướng, nguyên khai sinh tên là Võ Giáp, sau khi người con cả qua đời, thân phụ khai sinh lại cho Đại tướng là Võ Nguyên Giáp. “Nguyên”-đầu, thứ nhất(?). Và, như một mệnh thiên định, vào tuổi “Tam thập nhi lập”, Đại tướng vâng lệnh lãnh tụ Hồ Chí Minh thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, trở thành Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nước-nhà! Trọn một thế kỷ lo nước, nay đã rảnh rang, Đại tướng về hẳn với căn nhà quê hương. Mảnh đất Hoành Sơn-Đảo Yến-Vũng Chùa đón hàng nghìn người Việt ngưỡng mộ Đại tướng đến khói nhang, soi lòng mình trước tấm gương trong đã vào cõi thiên thu và ngâm ngợi, nằm lòng đôi câu đối tiền Đại tướng: “*Văn lo vận nước Văn thành Võ/Võ thấu lòng dân Võ hóa Văn*”.

NGUYỄN THẾ TƯỜNG

81 mùa thu đã đi qua, những chứng nhân của ngày tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 đã dần thưa vắng. Thế nhưng, hào khí độc lập dân tộc vẫn vẹn nguyên, được bền bỉ trao truyền qua từng trang giáo án, từng hiện vật bảo tàng và mạch nguồn tri ân của lớp trẻ hôm nay.



Đoàn viên, thanh niên xã Triệu Bình thường xuyên đến thăm hỏi, chuyện trò với cựu chiến binh - Ảnh: T.L

Mạch nguồn

từ trang sử đỏ

Giảng đường Trường Chính trị Lê Duẩn những ngày mùa thu dường như lắng đọng hơn. Không chỉ học viên của tỉnh Quảng Trị, các cán bộ đến từ nước bạn Lào cũng dành nhiều sự quan tâm, chăm chú lắng nghe những bài giảng, câu chuyện về Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đó cũng chính là niềm vui của các cán bộ, giảng viên tâm huyết.

Hơn 20 năm đứng trên bục giảng, tiến sĩ Trần Thanh Thủy, giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn luôn xem mỗi giờ giảng là một lần bản thân có cơ hội nhân lên niềm tự hào dân tộc. Vì thế, tiến sĩ Thủy luôn nghiên cứu sâu từng chuyên đề. Đặc biệt, sự kiện về mùa thu lịch sử được thầy đặc biệt quan tâm. “Khi giảng về Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi thường liên hệ với Cách mạng Tula của Lào để làm rõ nét tương đồng về khát vọng giải phóng dân tộc. Mỗi lần như thế, các học viên đến từ nước bạn rất phấn khởi, hào hứng. Có thể khẳng định giá trị của Cách mạng Tháng Tám không chỉ giới hạn trong biên giới một quốc gia, mà còn truyền cảm hứng mạnh mẽ, góp phần thắt chặt tình đoàn kết Việt-Lào”, thầy Thủy chia sẻ.

Nghiên cứu sâu về lịch sử quê hương, thầy Thủy xúc động chia sẻ lại những thông tin mà mình tìm hiểu được vào mùa thu năm 1945 trên vùng đất Quảng Trị. Phát huy truyền thống yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường, Nhân dân Quảng Trị đã anh dũng đứng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh. Ngày 17/8/1945, tỉnh Quảng Bình (cũ) nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương Đảng do đồng chí Tố Hữu trực tiếp đưa vào. Tỉnh bộ Việt Minh tổ chức hội nghị tại thị xã Đồng

Hới, quyết định lấy 23/8 làm ngày khởi nghĩa chung trong toàn tỉnh. Không khí cách mạng sục sôi. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành diễn ra khắp nơi. Từ thị xã Đồng Hới, tin vui thắng lợi nhanh chóng lan tỏa đến những miền quê khác. Tại Quảng Trị (cũ), chiều 22/8/1945, lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được ban bố. Các đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ chiếm thị xã Quảng Trị vào cuộc, nhanh chóng giành về thắng lợi vào lúc 5 giờ, ngày 23/8. Ở các phủ, huyện, thị trấn: Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Đông Hà, Hướng Hóa, được sự hưởng ứng của người dân, lực lượng khởi nghĩa cũng đã kết thành một làn sóng mạnh mẽ, chiến đấu và giành thắng lợi. Tiến sĩ Trần Thanh Thủy cho biết:

“Nhắc đến quá khứ để hướng tới tương lai, tôi rất vui khi thấy Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị luôn trân trọng, phát huy những giá trị vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám”.

Không chỉ ở những ngôi trường, dòng chảy lịch sử còn được nối dài tại Bảo tàng Quảng Trị cơ sở 2. Giữa không gian trưng bày hơn 10.000 hiện vật, những chiếc cung nỏ, cây kiếm, chiếc đao, mỏ sây... thô sơ năm nào vẫn lặng lẽ kể câu chuyện về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Sức mạnh đó đã góp phần mang về tin vui chiến thắng. “Nghe thuyết minh viên kể chuyện, rồi tận mắt ngắm nhìn những kỷ vật đơn sơ, mộc mạc nhưng đã làm nên một cuộc “đổi đời” của dân tộc, lòng tôi dấy lên tình yêu quê hương, đất nước sâu

sắc. Qua chuyến thăm Bảo tàng Quảng Trị cơ sở 2 trong những ngày thu này, tôi có thêm tư liệu sống động để truyền lửa cho học trò bài học về tinh thần đoàn kết, tình yêu nước, thương nòi”, cô Nguyễn Thùy Dung, một giáo viên ở phường Nam Đông Hà chia sẻ.

Khắc vào bia đá, tạc vào lòng người

Đến các miền quê Quảng Trị hôm nay, dấu son mùa thu Cách mạng Tháng Tám 1945 vẫn hiện hữu trong những tên đất, tên làng, di tích lịch sử... và những câu chuyện lớp người đi trước kể lại cho thế hệ sau. Đến giờ, người dân trên địa bàn vẫn nhắc đến những địa danh, như: Chùa Cộ (xã Nam Cửa Việt)-

nơi diễn ra hội nghị Tỉnh ủy họp bàn kế hoạch chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa; nhà ông Nguyễn Sơ, Lê Táo, là cơ sở cách mạng bí mật quan trọng trong các cuộc kháng chiến, nơi diễn ra các cuộc họp kín của cán bộ cách mạng; chợ Thuận-nơi diễn ra nhiều sự kiện đấu tranh cách mạng từ năm 1930-1945, chứng kiến tinh thần Cách mạng Tháng Tám quật khởi với phương châm: “Mỗi gia đình là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ”...

Đến xã Triệu Bình, hỏi về địa điểm người dân nhất tề vùng dậy khởi nghĩa vào chiều 22/8/1945, góp lửa cho cuộc cách mạng lớn của dân tộc, hầu như ai cũng biết. Năm 2017, một tấm bia di tích đã được xây dựng ở khu vực chợ Thuận để ghi lại mốc son đặc biệt này. Những dòng sử trên bia đá giúp mọi người biết rằng, khu vực chợ Thuận còn là nơi tập luyện của các đội tự vệ vũ trang do đồng chí Phạm Khuông, tỉnh ủy viên về trực tiếp chỉ đạo; là địa điểm tổ chức cuộc mít tinh lớn để phát động, kêu gọi quần chúng nhân dân trong phủ khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đứng lên hưởng ứng cuộc tổng khởi nghĩa khi có lệnh...

Với thế hệ trẻ địa phương, tấm bia ghi tạc dấu son lịch sử quê nhà không chỉ là công trình tưởng niệm mà còn là cột mốc tinh thần. “Sinh ra trên đất cách mạng, từ nhỏ, em đã nghe cha ông kể về hào khí mùa thu năm ấy. Chữ khắc trên đá có thể mòn theo mưa nắng, nhưng ký ức lịch sử sẽ không bao giờ phai nhạt nếu được thế hệ trẻ gìn giữ bằng hành động cụ thể”, chị Võ Thị Tú Uyên, Bí thư Đoàn xã Triệu Bình chia sẻ. Với suy nghĩ sâu sắc như thế, hằng năm, tuổi trẻ xã Triệu Bình thường xuyên duy trì các hoạt động chỉnh trang di tích, dâng hương, dâng hoa và tổ chức nhiều chương trình, buổi trò chuyện giáo dục truyền thống cách mạng cho đoàn viên, thanh niên ngay tại các di tích lịch sử.

81 năm, đó là quãng thời gian tính bằng cả đời người. Theo bước chân của năm tháng, phần lớn chứng nhân lịch sử về mùa thu cách mạng đã đi về chốn cao xanh. Song, mốc son lịch sử của dân tộc vẫn trường tồn trên khắp dải đất hình chữ S nói chung, Quảng Trị nói riêng nhờ những người đang ngày đêm thầm lặng thắp lửa, giữ lửa sử vàng cho hôm nay và mai sau.

TÂY LONG

Giữ lửa sử vàng



Thuyết minh viên tại Bảo tàng Quảng Trị cơ sở 2 chia sẻ với khách tham quan về những dấu son trong lịch sử - Ảnh: T.L

Có những ngày lễ, chỉ khi ở thật xa, người ta mới thấy lòng mình gần quê đến thế. Một lá cờ đỏ sao vàng giữa thành phố xa lạ, một giọng nói quê nhà chột vang lên giữa dòng người hay những cuộc hội ngộ đồng hương nơi xa xứ... Những điều tưởng như bình thường ấy đôi khi lại khiến ký ức quê hương ứa về mạnh mẽ. Với lớp người trẻ Quảng Trị đang học tập, làm việc xa quê, Tết Độc lập không chỉ là dịp nhớ về một dấu mốc của dân tộc. Đó còn là thời điểm họ cảm nhận sâu sắc hơn về cội nguồn, giá trị của hòa bình, độc lập và trách nhiệm của thế hệ mình đối với quê hương, đất nước.

XA QUÊ, TẾT ĐỘC LẬP HÓA GẦN

Tại TP. Nagano, Nhật Bản, Trương Hoàng Châu (28 tuổi, quê ở phường Đông Hà) vẫn đi học, đi làm thêm và trở về căn phòng nhỏ của mình như thường nhật. Thành phố nơi Châu sống không có những con đường rợp cờ đỏ, không khí náo nức của ngày Quốc khánh như ở quê nhà. Nhịp sống vẫn đều đặn, dường như ngày 2/9 không có gì khác biệt.

Thế nhưng, chỉ cần nhìn thấy hình ảnh quê nhà ngập tràn cờ hoa, những bữa cơm gia đình hay lời chúc của bạn bè, người thân trên mạng xã hội, cô gái trẻ xa quê hàng nghìn cây số lại thấy ngày Tết Độc lập trở nên gần gũi hơn bao giờ hết.

“Ở Việt Nam, lễ Quốc khánh đi đâu cũng thấy cờ. Khi còn ở nhà tôi thấy chuyện đó bình thường lắm. Sang Nhật rồi, có khi chỉ nhìn thấy một lá cờ Tổ quốc thôi cũng thấy xúc động”, Hoàng Châu chia sẻ.

Những năm còn ở Quảng Trị, Châu đón Quốc khánh khá giản dị: Một ngày nghỉ, vài cuộc hẹn với bạn bè, chụp ảnh trên những con phố rợp cờ hoa. Nhưng từ khi sang Nhật, 2/9 trở thành dịp để cô chủ động tìm hiểu nhiều hơn về quê hương, gọi điện về cho gia đình, xem những hình ảnh từ quê nhà và giới thiệu với bạn bè về Việt Nam.

“Càng sống ở nước ngoài, tôi càng thấy văn hóa, phong tục của Việt Nam đa dạng. Có những lễ hội chỉ có ở tỉnh Quảng Trị mà qua đây tôi mới phát hiện ra. Bản thân luôn tự hào khi kể cho các bạn bè quốc tế về những nét đẹp của quê hương”.

Đi xa khiến Châu nhận ra những điều từng quen thuộc ở quê nhà như màu cờ, tiếng nói mẹ đẻ, món ăn mẹ nấu, những cuộc gọi từ gia đình lại chính là những dấu hiệu rõ nhất của một nơi mình thuộc về.

Khi còn ở quê nhà, Hoàng Châu chỉ là một cô gái Quảng Trị giữa hàng triệu người Việt Nam. Nhưng khi bước ra ngoài biên giới, cô trở thành một người Việt Nam giữa thế giới. Mỗi câu chuyện kể về quê hương, mỗi lần giới thiệu văn hóa Việt Nam hay nhìn thấy lá cờ Tổ quốc lại khiến ý thức về nơi mình thuộc về rõ hơn. Đi xa, đôi khi không khiến người ta “xa mặt cách lòng” mà để hiểu sâu hơn về cội nguồn, gốc gác.

Tết Độc lập trong tim thế hệ trẻ



Nguyễn Minh Long (ở giữa) mang câu chuyện về quê hương, văn hóa Bru-Vân Kiều đến với bạn bè trong hành trình học tập xa nhà - Ảnh: NVCC

HIỂU HƠN GIÁ TRỊ CỦA HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP

Không cần đi hàng nghìn cây số, cảm nhận ấy cũng có thể xuất hiện ngay trên mảnh đất hình chữ S. Hồ Thị Minh Nguyệt (26 tuổi, phường Nam Đông Hà) hiện làm việc tại TP. Đà Nẵng từng nghĩ rời quê là cách để mở rộng tương lai, những năm tháng sống xa gia đình giúp chị nhận ra giá trị của những điều thân thuộc.

“Ngày thường đi làm bận rộn, nhiều khi mình không nghĩ nhiều về quê. Nhưng cứ đến dịp lễ Quốc khánh, nhìn đường phố treo cờ là lại nhớ. Có khi chỉ muốn được về ăn một bữa cơm với bố mẹ ở quê hương”, Nguyệt chia sẻ.

Với Nguyệt, Tết Độc lập không đơn thuần là một ngày nghỉ. Đó là dịp chị nghĩ nhiều hơn về hai chữ “độc lập” và những điều thế hệ trẻ đang được hưởng trong một đất nước hòa bình.

“Lúc nhỏ, tôi chỉ biết 2/9 là ngày Quốc khánh. Nhưng càng lớn, càng đi xa, tôi mới thấy độc lập, hòa bình có ý nghĩa như thế nào. Được học, được làm việc, được đi đến nơi mình muốn, được lựa chọn tương lai..., những điều

đó không phải tự nhiên mà có”, Nguyệt chia sẻ.

Thế hệ trẻ hôm nay sinh ra khi chiến tranh đã lùi xa. Họ không trực tiếp trải qua tiếng bom đạn, những cuộc chia ly hay mất mát của cha ông. Nhưng giá trị của hòa bình vẫn hiện diện trong những điều rất gần gũi: Một buổi sáng bình yên đến trường, một ngày được cống hiến cho công việc, một buổi tối sum vầy cùng gia đình, bạn bè hay một ước mơ được theo đuổi đến cùng. Đằng sau những điều tưởng như bình thường ấy là giá trị của một nền độc lập dân tộc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TUỔI TRẺ

Với lớp người trẻ Quảng Trị, cảm nhận về Tết Độc lập còn có chiều sâu đặc biệt bởi họ lớn lên trên vùng đất mà lịch sử hiện diện trong từng câu chuyện gia đình. Quảng Trị từng là chiến trường ác liệt. Những nghĩa trang, di tích, dòng sông, Thành Cổ Quảng Trị... vẫn lưu giữ ký ức về một thế hệ đã đi qua chiến tranh để đất nước có được ngày hôm nay.

Em Nguyễn Minh Long (22 tuổi, người Bru-Vân Kiều, quê ở xã La Lay) hiện là sinh viên tại TP. Hà Nội. Từ một chàng trai vùng cao, việc học tập xa nhà giúp Long có cơ hội gặp gỡ nhiều bạn bè đến từ những miền quê khác nhau. Mỗi khi được hỏi về người Bru-Vân Kiều hay Quảng Trị, Long đều kể bằng niềm tự hào.

“Trước đây tôi không nghĩ nhiều về việc giới thiệu quê hương. Nhưng đi học xa, gặp nhiều bạn bè, mỗi khi mọi người tò mò muốn khám phá về đồng bào Bru-Vân Kiều, về Quảng Trị, tôi thấy rất vui và tự hào để giới thiệu về quê hương. Tôi nhận thấy mình cần phải tìm hiểu thêm nhiều kiến thức để trở thành hướng dẫn viên chuyên nghiệp giới thiệu về văn hóa của dân tộc”, Long chia sẻ.

Từ một chàng trai vùng cao, câu chuyện quê hương theo Long xuống phố. Đó cũng là cách Tết Độc lập bước vào đời sống của người trẻ: Nhìn lại nơi mình sinh ra, hiểu hơn giá trị của những gì đang có và ý thức về trách nhiệm của bản thân.

Một chàng trai vùng cao đi học xa, một người trẻ lập nghiệp ở thành phố và một du học sinh nơi đất khách, những hành trình khác nhau cùng gặp nhau ở một điểm: Quê hương không phải là nơi níu bước chân người trẻ, mà là điểm tựa để họ đi xa hơn.

Đó cũng là lúc Tết Độc lập vượt khỏi ý nghĩa của một ngày kỷ niệm để trở thành một câu hỏi đối với mỗi người trẻ: Ta đang được thừa hưởng điều gì từ những thế hệ đi trước và đóng góp được gì cho quê hương?

Nếu thế hệ đi trước đã hy sinh để giành độc lập, tự do cho đất nước thì lớp người trẻ hôm nay cảm nhận độc lập qua những điều tưởng như bình thường: Được đến trường, được chọn nghề nghiệp, được đi xa và theo đuổi ước mơ.

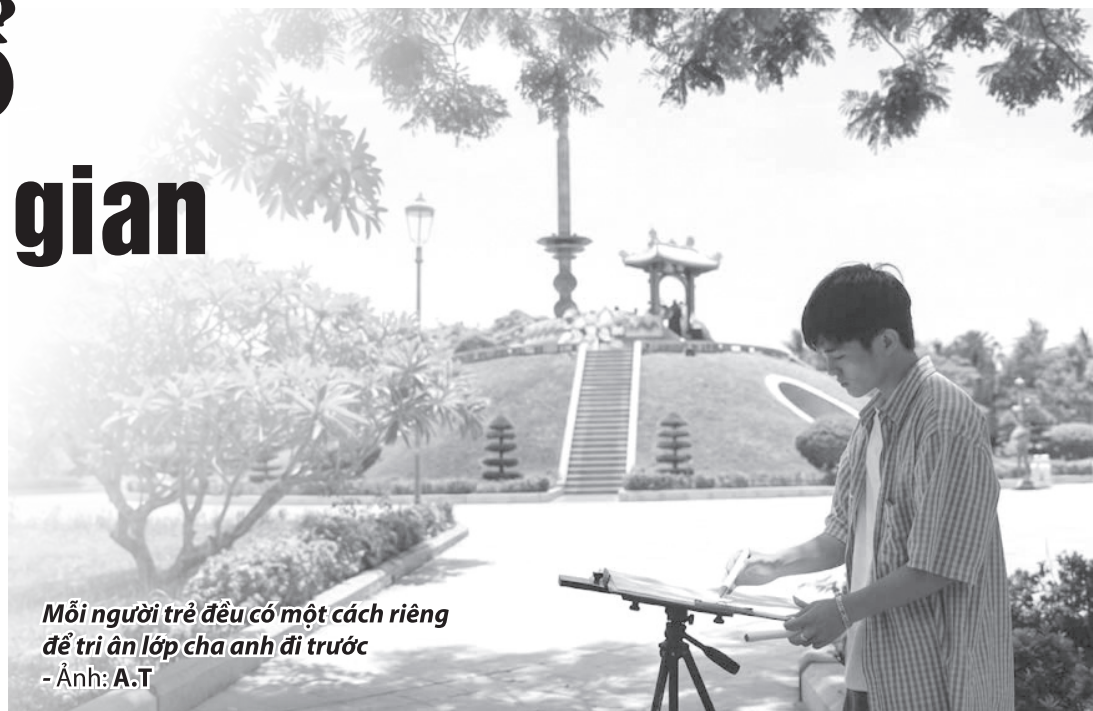
Một sinh viên dân tộc thiểu số học tập nghiêm túc với ước mơ trở về phụng sự quê hương, một kỹ sư làm chủ công nghệ, một người Việt ở nước ngoài giới thiệu văn hóa quê hương với bạn bè quốc tế hay một người trẻ trở về khởi nghiệp, tạo việc làm cho cộng đồng-mỗi lựa chọn đều có thể góp một phần vào diện mạo đất nước. Và có lẽ, đó chính là cách thế hệ trẻ hôm nay viết tiếp câu chuyện độc lập bằng hành trình của chính mình.



Cầu Hiền Lương rợp cờ hoa chào mừng ngày Quốc khánh 2/9 - Ảnh: B.C

Ký ức Thành Cổ qua sắc màu thời gian

Hơn nửa thế kỷ trước, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, lịch sử đã ghi dấu cuộc chiến đấu 81 ngày đêm khốc liệt bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị. Đó là khúc tráng ca được viết bằng máu xương của hàng vạn chiến sĩ từ khắp mọi miền Tổ quốc. Họ đã đến, đã chiến đấu và mãi mãi gửi lại thanh xuân trong lòng đất mẹ Quảng Trị nhưng tinh thần và những câu chuyện bất tử của các anh hùng liệt sĩ sẽ luôn sống mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam.



Mỗi người trẻ đều có một cách riêng để tri ân lớp cha anh đi trước
- Ảnh: A.T

Mảnh đất thiêng Thành Cổ

Đọc theo dặm dài đất nước, có những vùng đất mà mỗi lần ghé qua, bước chân mỗi người như chậm lại bởi nơi ấy, dưới lớp bụi mờ của thời gian, mỗi tấc đất, mỗi nhánh cây, ngọn cỏ đều thấm đẫm máu xương và thanh xuân của cả một thế hệ anh hùng. Thành Cổ Quảng Trị chính là một chốn thiêng như thế.

Nhà thơ Phạm Đình Lân trong một lần trở lại thăm chiến trường xưa Thành Cổ Quảng Trị, đã gói trọn niềm xúc động nghẹn ngào ấy qua tác phẩm “Tấc đất Thành Cổ” với bốn câu thơ lay động lòng người:

*“Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời Quảng Trị trong xanh và lộng gió
Ru mãi bài ca bất tử đến vô cùng”.*

“Bài ca bất tử ấy” dường như đã được viết sẵn trong những kỷ vật để lại của người nằm xuống...

Giữa không gian trầm mặc của Bảo tàng Thành Cổ Quảng Trị, chiếc tủ kính trưng bày bản phục dựng bức thư đã úa màu thời gian của liệt sĩ Lê Văn Huỳnh-người lính công binh năm ấy, luôn níu bước chân người ở lại. Mười trang giấy được anh nắn nót viết vào ngày thứ 77 của cuộc chiến đấu 81 ngày đêm bảo vệ Thành Cổ mùa hè năm 1972. Từng nét chữ mang theo một dự cảm lạ kỳ, nhưng vượt lên trên tất cả là sự bình thản của một trái tim trẻ tuổi sẵn sàng dâng hiến cho Tổ quốc. Trước lúc vĩnh viễn nằm lại dưới lòng đất mẹ, anh đã viết: “*Thôi mẹ nhé đừng buồn, coi như con đã sống trọn đời cho Tổ Quốc*”. Anh cũng để lại những lời dặn dò cho người vợ mới cưới: “*Khi hòa bình, em hãy vào Quảng Trị tìm anh...*”.

Lời nhắn nhủ tưởng chừng như là một lời hẹn ước riêng tư gửi người vợ trẻ năm nào, qua hơn nửa thế kỷ, trở thành tiếng gọi thiêng liêng...

Những bức ký họa

Dưới cái nắng trong veo của một buổi sớm mùa thu, Thành Cổ Quảng Trị yên bình, như chưa từng chịu sự tàn khốc của bom đạn. Giữa khoảng lặng linh thiêng ấy, những người trẻ thuộc Câu lạc bộ (CLB) Trại Ký đến từ thành phố Đà Nẵng lặng lẽ tìm về đây. Hành trang của họ mang theo không chỉ là bảng màu, giá vẽ, mà còn là những trái tim tuổi trẻ tràn đầy nhiệt huyết và lòng tri ân sâu sắc. Họa sĩ Nguyễn Hải Quân, thành viên CLB Trại Ký xúc động nói: “Tôi đã có dịp đi qua nhiều vùng miền đất nước để thực hiện ký họa, song đây là lần đầu tiên đến với Thành Cổ Quảng Trị. Từ nhỏ, tôi đã được đọc qua sách báo, được nghe rất nhiều câu chuyện về mùa hè đỏ lửa năm 1972 tại Thành Cổ. Thế nhưng, phải đến hôm nay, khi lần đầu tiên trực tiếp đặt chân lên mảnh đất này, cảm xúc trong tôi mới thực sự vỡ òa, rung rung và thiêng liêng đến khó tả”.

Trước khi đặt những nét cọ đầu tiên lên khung toan, các bạn trẻ lặng lẽ dạo quanh Thành Cổ. Họ dừng chân thật lâu bên đài tưởng niệm, lắng nghe tiếng chuông thỉnh vang vọng trong gió, như đang thấm thì kể lại câu chuyện về một thế hệ cha anh đã



Các thành viên CLB Trại Ký thực hiện ký họa tại Thành cổ Quảng Trị - Ảnh: A.T

hiến dâng tuổi thanh xuân đẹp nhất cho hòa bình hôm nay.

Với họa sĩ Nguyễn Anh Tài-một người con Quảng Trị, mặc dù đã có dịp đến Thành Cổ nhiều lần song mỗi lần quay trở lại đây, anh luôn có những xúc động khó tả. Trong chuyến đi lần này, Nguyễn Anh Tài, Chủ nhiệm CLB Trại Ký chọn cho mình góc nhìn từ phía ngoài cổng tiền Thành Cổ, nơi mà theo anh là “cánh cổng thời gian” kết nối quá khứ và hiện tại để gửi gắm niềm cảm hứng sáng tác. Không chọn tả thực những khốc liệt, đau thương của chiến tranh, tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Anh Tài hướng người xem đến sự bình yên và lòng biết ơn sâu sắc về giá trị hòa bình. “Bức tranh tôi vẽ kể về câu chuyện của người cựu chiến binh đến thăm Thành Cổ vào một buổi tối với chất liệu sơn dầu. Trong màn đêm tĩnh mịch, tôi tập trung đi sâu vào sự tương phản giữa các mảng sáng-tối. Mảng tối hun hút chính là chiều sâu của ký ức, của những năm tháng gian khổ và mất mát; còn những khoảng sáng lung linh chiếu rọi lên bóng hình người lính già trở lại chiến trường xưa mang ý nghĩa của sự tri ân, niềm hy vọng và sự sống bất tử. Qua đó, tôi mong muốn thể hiện sự giao thoa giữa quá khứ và hiện tại, nơi người lính trở về để trò chuyện với những đồng đội còn nằm lại giữa đêm thiêng Thành Cổ”, họa sĩ Nguyễn Anh Tài chia sẻ.

Giữa không gian trầm mặc của di tích, Trình Ngọc Danh, sinh viên năm thứ ba Trường đại học Kiến trúc Đà Nẵng chăm chú hoàn thiện bức phác họa “Đền thiên mệnh” trên đỉnh đài tưởng niệm trung tâm. Bằng những nét cọ mộc mạc cùng gam màu ấm áp, Danh chọn cách tái hiện ký ức lịch sử qua góc nhìn của riêng mình. “Là một sinh viên kiến trúc, tôi luôn nhìn các biểu tượng qua ngôn ngữ của đường nét và màu sắc. Nhưng ở Thành Cổ Quảng Trị, “Đền thiên mệnh” không đơn thuần là một chi tiết kiến trúc, mà là nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa cõi âm và cõi dương. Tôi chọn tông màu ấm để vẽ với mong muốn mang lại sự bình yên, ấm áp cho không gian

nơi đây”, anh Trình Ngọc Danh, thành viên CLB Trại Ký cho biết.

Với những người cựu binh từng một thời vào sinh ra tử tại Thành Cổ Quảng Trị, mảnh đất này là miền ký ức của máu và hoa. Cựu chiến binh (CCB) Nguyễn Thanh Bình, nguyên chiến sĩ trinh sát Tiểu đoàn 8, Tỉnh đội Quảng Trị, là một trong những chiến sĩ trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu 81 ngày đêm bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị, mùa hè năm 1972. Mỗi khi nhớ đồng đội, ông lại tìm về với Thành Cổ và đứng thật lâu trước đài tưởng niệm trung tâm, như thể đang tìm lại hình bóng và gọi tên từng người đồng đội năm xưa.

CCB Nguyễn Thanh Bình không hề hay biết rằng, hình ảnh của ông đã lọt vào tầm mắt của họa sĩ Nguyễn Hải Quân. Chân dung người cựu chiến binh bỗng trở thành chất liệu sống động, khơi nguồn cảm hứng cho bức ký họa đầy cảm xúc của họa sĩ trẻ. “Ban đầu, khi hình dung về Thành Cổ, tôi định chọn những gam màu trầm và tối để diễn tả nỗi đau của chiến tranh. Nhưng khi đặt chân đến đây, vô tình nhìn thấy bóng lưng của một bác CCB đang lặng lẽ đứng trước đài tưởng niệm, cảm xúc trong tôi hoàn toàn thay đổi. Tôi quyết định ký họa bóng lưng ấy bằng hai mảng màu đen-trắng giản dị. Dù ký ức xưa có mang màu trầm của gian khổ, thì bóng lưng ấy giữa Thành Cổ hôm nay vẫn là điểm tựa kết nối quá khứ với hiện tại, vừa trầm mặc, thiêng liêng, vừa chan chứa sự tri ân”, họa sĩ Nguyễn Hải Quân cho biết thêm.

Sự tri ân của thế hệ trẻ

Mỗi người trẻ khi đặt chân đến mảnh đất thiêng này đều mang theo một cách riêng để tri ân lớp cha anh đi trước. Những bức ký họa thực tế của CLB Trại Ký như những trang nhật ký sống động bằng hình ảnh, thể hiện lòng biết ơn của thế hệ trẻ hôm nay gửi đến những người đã nằm lại.

CCB Trần Minh Ổn, Chi hội phó, Chi hội CCB danh dự Trung đoàn 27, Mặt trận B5 Quảng Trị, chia sẻ: “Mấy mươi năm trước, đồng đội tôi nằm lại nơi này nhiều lắm, đều ở cái tuổi mười tám, đôi mươi như các cháu bây giờ. Hôm nay trở lại đây, thấy các bạn trẻ không chỉ đến đây để tham quan, mà bằng cảm xúc và cọ vẽ để ghi lại lịch sử theo cách đầy trân trọng thế này, tôi thực sự rất xúc động. Sự tri ân của thế hệ hôm nay chính là niềm an ủi ấm áp lớn nhất đối với những người lính đã ngã xuống và cả những người trở về như chúng tôi”.

“Chiến tranh và đau thương là một phần lịch sử của Quảng Trị, nhưng đó không phải là tất cả những gì mảnh đất này có. Thông qua các bức ký họa, chúng tôi mong muốn giới thiệu đến bạn bè trong nước và quốc tế một góc nhìn khác về Quảng Trị. Nơi đây không chỉ có những vết thương chiến tranh trong quá khứ, mà đang từng ngày hồi sinh với vẻ đẹp bình yên, tràn đầy sức sống của hiện tại”, họa sĩ Nguyễn Anh Tài, Chủ nhiệm CLB Trại Ký, thành phố Đà Nẵng chia sẻ thêm.

ÁNH TUYẾT

CHIẾN KHU TRUNG THUẦN

NGÀY ẤY...

Từng là căn cứ của các cơ quan kháng chiến huyện Quảng Trạch (Quảng Bình cũ) trong những năm kháng chiến chống Pháp, Trung Thuần hôm nay đang khoác lên mình diện mạo mới, với khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh, đáng sống...

TỰ HÀO CHIẾN KHU XƯA

Xã Trung Thuần được hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 xã Quảng Lưu, Quảng Thạch và Quảng Tiến thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình trước đây. Mang tên gọi Trung Thuần-địa danh gắn với một thời kỳ đấu tranh cách mạng hào hùng, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương kỳ vọng những giá trị văn hóa, lịch sử của quê hương sẽ tiếp tục được gìn giữ, kế thừa và phát huy, trở thành nguồn lực cho chặng đường phát triển mới.

Tìm hiểu về chiến khu Trung Thuần, trong cuốn “Lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Trạch”, tập 1, xuất bản tháng 8/1997, ghi rõ: Từ đầu năm 1947, Huyện ủy Quảng Trạch đã tập trung cán bộ nghiên cứu, khảo sát, xây dựng chiến khu Trung Thuần, liên kết với các trại sản xuất để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Trung tuần tháng 9/1947, hội nghị cán bộ Đảng toàn huyện Quảng Trạch được tổ chức tại đây. Tháng 7/1951, cũng tại chiến khu Trung Thuần, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quảng Trạch lần thứ IV khai mạc tại trại Sim.

Những địa danh như trại Sim, những câu chuyện về các cơ quan kháng chiến năm xưa vẫn được các bậc cao niên nhắc lại với niềm tự hào. Đó còn là ký ức về trận cản lớn của quân Pháp vào chiến khu

Trung Thuần ngày 3/7/1947, những chiến công của quân và dân Quảng Trạch đánh giặc, giữ làng, bảo vệ các cơ quan kháng chiến của huyện trong suốt những tháng năm chống Pháp gian lao, anh dũng.

Từ chiếc nôi cách mạng chiến khu Trung Thuần, Đảng bộ huyện Quảng Trạch đã củng cố, xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy khu IV, lực lượng vũ trang của huyện Quảng Trạch phối hợp với bộ đội chủ lực đã chớp thời cơ mở chiến dịch Ba Đồn-Mỹ Hòa thắng lợi, từ đó giải phóng toàn bộ huyện Quảng Trạch trong năm 1952, mở rộng vùng tự do Liên khu IV.

Thời gian đã lùi xa, nhưng dấu ấn của chiến khu Trung Thuần vẫn hiện hữu trong ký ức của những người từng trải qua chiến tranh và trong niềm tự hào của các thế hệ hôm nay. Chính nền tảng ấy đang trở thành một phần quan trọng trong hành trang để Trung Thuần bước vào chặng đường phát triển mới.

TRUNG THUẦN NGÀY MỚI...

Hơn 1 năm sau khi thành lập xã mới, Trung Thuần đang đứng trước không gian rộng mở hơn. Nhưng để biến tiềm năng thành động lực, bên cạnh sự đầu tư của Nhà nước, điều quan trọng là khơi dậy khát vọng làm giàu chính

đáng của người dân trên mảnh đất quê hương. “Vùng này trồng tiêu tốt lắm. Mình có đất, mình chịu khó bỏ công sức chăm sóc cây tiêu cho đúng kỹ thuật, vậy là có nguồn thu ổn định thôi”, ông Trần Văn Thắng, ở thôn Sơn Thạch, chia sẻ khi dẫn chúng tôi thăm vườn đồi với hơn 1.000 gốc tiêu của gia đình.

Vườn tiêu hiện là nguồn thu nhập chính, mỗi năm mang về cho gia đình ông Thắng trên dưới 300 triệu đồng. Thấy nguồn lợi từ cây tiêu, nhiều người dân lấy loại cây này làm cây trồng chủ lực trên vùng gò đồi, đưa diện tích trồng tiêu của toàn xã lên khoảng 121ha.

Xã mới, khí thế mới như tạo động lực để người dân nơi này gắn kết hơn với đất đai, đồng ruộng. Nếu như vụ đông-xuân vừa qua, bà con xã Trung Thuần gieo trồng 437ha lúa thì vụ hè-thu này, người dân cũng chủ động công tác thủy lợi, tưới tiêu để gieo trên 380ha lúa, tăng so với các năm trước.

Sau sáp nhập, xã Trung Thuần có 17 mô hình sản xuất nông nghiệp và cơ sở chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, phát triển theo hướng trang trại, gia trại tập trung, áp dụng quy trình hiện đại, bảo đảm vệ sinh môi trường. Trên địa bàn có 6 hợp tác xã, 9 tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, nâng cao giá trị sản xuất và tỉ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp.

Bia di tích lịch sử chiến khu cách mạng Trung Thuần - Ảnh: N.T

Cùng với đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Nhân dân trên địa bàn xã đã mạnh dạn đầu tư phát triển các ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Hoạt động thương mại-dịch vụ trên địa bàn xã cơ bản ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tăng gần 10%, giá trị dịch vụ tăng trên 7% so với cùng kỳ năm 2025.

Kinh tế khởi sắc kéo theo những chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội. Chuyện học hành của con em được các gia đình quan tâm hơn. Học sinh Trung Thuần tham dự các kỳ thi học sinh giỏi, năng khiếu và đạt nhiều giải thưởng cao. Toàn xã hiện có 5/9 trường đạt chuẩn quốc gia.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân tiếp tục được củng cố. Tại Trạm Y tế xã Trung Thuần, chúng tôi gặp bà Phạm Thị Thoàn, ở thôn Hải Lưu, đến khám bệnh. Bà cho biết sau sáp nhập, hoạt động khám, chữa bệnh tại trạm vẫn được duy trì liên tục. “Nhà tôi ở gần trạm y tế, nên hễ trái gió trở trời là đến ngay trạm. Các y bác sĩ rất nhiệt tình”, bà Thoàn cho hay.

Cùng với phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh trên địa bàn tiếp tục được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, địa phương không có tệ nạn ma túy. Những kết quả ấy đang tạo nền tảng để Trung Thuần xây dựng một diện mạo nông thôn mới ổn định, an toàn và ngày càng đáng sống.

KHÁT VỌNG VÙNG QUÊ ĐÁNG SỐNG

Trung Thuần xác định khâu đột phá của địa phương là đẩy mạnh thu hút đầu tư, hình thành vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến nông, lâm sản. Việc 3 xã cũ là Quảng Lưu, Quảng Thạch và Quảng Tiến đã đạt các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới trong những năm trước là tiền đề để xã Trung Thuần xây dựng kế hoạch phát triển nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

Trong đó, địa phương ưu tiên các lĩnh vực xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội, phát triển sản xuất, nước sạch, môi trường, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực.

“Đào tạo kỹ năng số là một trong những giải pháp mà xã và các thôn triển khai để người dân từng bước ứng dụng khoa học và công nghệ vào cuộc sống, từ đó thay đổi cung cách làm ăn, xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả trong thực tiễn”, anh Trần Thanh Chung, Trưởng thôn Minh Thạch, xã Trung Thuần chia sẻ.

Theo ông Phan Xuân Linh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Trung Thuần, địa phương sẽ tập trung khai thác lợi thế vùng gò đồi rộng lớn để phát triển kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại. “Xã tập trung vào 2 khâu đột phá là hình thành vùng nguyên liệu và phát triển các thành phần kinh tế địa phương. Khi triển khai hiệu quả 2 khâu này, chúng tôi kỳ vọng khâu đột phá thứ 3 là thu hút các nhà đầu tư đến xây dựng nhà máy, thu mua và chế biến nguyên liệu, phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch văn hóa, lịch sử, tạo thêm việc làm và nguồn thu nhập cho người dân địa phương”, ông Phan Xuân Linh cho biết.

Sau 1 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, điều dễ nhận thấy ở Trung Thuần là hệ thống chính trị cơ sở đã thật sự gần dân, vận hành thông suốt và từng bước thích ứng với yêu cầu mới. Đi trên những cánh đồng trải rộng mùa vàng nơi chiến khu lịch sử, dừng chân ven mặt hồ Trung Thuần gợn sóng, in bóng mây trời, chúng ta như thấy ngày mùa năm xưa trong dáng dấp oai hùng của đoàn vệ quốc và bức tranh toàn cảnh đầy tươi sáng của một Trung Thuần hôm nay trên hành trình đổi mới.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Trung Thuần đang hành động quyết liệt để đưa vùng đất mang giá trị lịch sử, văn hóa đáng tự hào trở thành vùng quê đáng sống.

NGỌC TRANG



Xã Trung Thuần trên đường đổi mới

- Ảnh: N.T

Cách đây hơn nửa thế kỷ, trên dòng sông Gianh lịch sử, những chuyến ca nô đã vượt qua “mưa bom, bão đạn” để giữ thông suốt mạch máu giao thông chỉ viện cho chiến trường miền Nam. Những người lính lái ca nô năm ấy giờ đã ở tuổi xưa nay hiếm, nhưng kỷ ức về những chuyến vượt sông cảm tử vẫn còn nguyên vẹn. Phóng viên (P.V) Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị đã có cuộc trò chuyện với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Võ Xuân Khuế tại Di tích quốc gia đặc biệt Bến phà Gianh, để nghe ông kể lại một phần kỷ ức không thể nào quên và thông điệp gửi gắm đến thế hệ hôm nay.

● **PV:** Thưa ông Võ Xuân Khuế, để có được bình yên như hôm nay, đất nước ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh ác liệt. Là một người lính đi qua chiến tranh, trước không gian linh thiêng của Di tích quốc gia đặc biệt Bến phà Gianh, ông có thể chia sẻ về những cảm xúc của mình?

- Ông Võ Xuân Khuế: Mỗi lần ngắm nhìn dòng sông Gianh yên bình trôi, tôi lại nhớ đồng đội. Sông bây giờ lặng sóng, nhưng trong ký ức của những người lính chúng tôi, tiếng sóng vỗ của dòng sông này chưa bao giờ thôi gầm thét.

Có lẽ, với những người từng đi qua chiến tranh như chúng tôi, mỗi địa danh, mỗi dòng sông đều gắn với những gương mặt cụ thể của đồng đội. Thời gian đã trôi qua hơn nửa thế kỷ, nhưng ký ức về những năm tháng ấy vẫn còn nguyên. Hôm nay nhìn sông Gianh hiền hòa, tôi càng thấy quý hơn sự bình yên của đất nước và càng nhớ những người đã nằm lại nơi này.

● **PV:** Thưa ông, trong những năm 1964-1968, dải đất hẹp miền Trung phải gánh chịu hàng triệu tấn bom đạn của kẻ thù. Bến phà Gianh khi ấy là “yết hầu” nối hậu phương miền Bắc với chiến trường miền Nam, khởi đầu của những chuyến tàu không số trên biển và kết nối đường Trường Sơn trên bộ. Nơi đây hứng chịu sự đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ và cũng là nơi ghi dấu trận đánh đầu tiên của Hải quân nhân dân Việt Nam (5/8/1964). Giữa “tọa độ lửa” khốc liệt ấy, nhiệm vụ của “Đội ca nô cảm tử” diễn ra như thế nào?

- Ông Võ Xuân Khuế: Lúc đó, máy bay Mỹ thả thủy lôi phong tỏa mặt sông, bom dội xuống cả ngày lẫn đêm. Bến phà Gianh là yết hầu giao thông, nếu tắc, xe chở vũ khí, lương thực không thể vào Nam. Đội ca nô chúng tôi được lệnh phải phá thủy lôi, lai dắt phà vượt sông. Chúng tôi gọi là “cảm tử” vì mỗi lần nổ máy xuống sông, tiếng động cơ sẽ thu hút máy bay và kích nổ thủy lôi từ tính. Biết là có thể đi không trở lại, nhưng không ai lùi bước. “Giọt máu đỏ quý hơn vàng/Nhưng khi Đảng gọi sẵn sàng hiến dâng”.

Mỗi chuyến ca nô ra sông là một lần đối mặt với hiểm nguy. Chúng tôi hiểu

Hãy yêu nước bằng những việc làm cụ thể!



Di tích quốc gia đặc biệt Bến phà Gianh-nơi ghi dấu một thời chiến đấu, hy sinh để giữ thông suốt tuyến giao thông chiến lược Bắc-Nam - Ảnh: D.H



Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Võ Xuân Khuế trò chuyện với thế hệ trẻ tại Di tích quốc gia đặc biệt Bến phà Gianh - Ảnh: D.H

rằng phía trước là bom đạn, thủy lôi và máy bay địch, nhưng nhiệm vụ vẫn phải hoàn thành. Khi ấy, điều chúng tôi nghĩ đến trước hết là phải giữ cho tuyến giao thông được thông suốt, phải bảo đảm cho những chuyến phà và các phương tiện chở hàng hóa, vũ khí, lương thực tiếp tục qua sông. “Cảm tử” không có nghĩa là không biết sợ. Người lính cũng là con người, cũng biết lo lắng trước hiểm nguy. Nhưng khi đã nhận nhiệm vụ thì phải đặt trách nhiệm với đất nước, với đồng đội lên trên nỗi sợ của bản thân. Có những chuyến đi biết trước rất nguy hiểm nhưng anh em vẫn động viên nhau cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

● **PV:** Vậy sức mạnh nào đã giúp người lính vượt qua những tháng ngày khốc liệt, vượt qua nỗi sợ hãi để vững tay lái, thưa ông?

- Ông Võ Xuân Khuế: Sức mạnh từ lòng yêu nước, từ tình đồng chí và từ Nhân dân. Lúc đó, thấy cảnh người dân dỡ nhà làm đường, mang nồi cháo ra tận chiến hào cho bộ đội giữa làn đạn, chúng tôi như được tiếp thêm sức mạnh để chiến đấu quên mình.

Trong chiến tranh, chúng tôi không chiến đấu một mình. Phía sau người lính luôn có Nhân dân. Những tình cảm giản dị của bà con, từ một bát cháo, một nắm cơm đến những việc làm giúp bộ

đội trong lúc khó khăn, đều trở thành nguồn động viên rất lớn. Chính sự gắn bó giữa quân và dân đã giúp chúng tôi có thêm sức mạnh để vượt qua những thời khắc khốc liệt nhất. Nhìn lại hôm nay, tôi càng thấy rằng sức mạnh của một đất nước không chỉ nằm ở vũ khí hay vật chất, mà còn nằm ở lòng yêu nước, ở tình đoàn kết và sự đồng lòng của người dân. Đó là điều mà thế hệ trẻ hôm nay cần tiếp tục gìn giữ.

● **PV:** Là người trực tiếp cầm lái, đối mặt với bao hiểm nguy, điều khiến ông nhớ nhất về năm tháng đó là gì?

- Ông Võ Xuân Khuế: Để bảo vệ mạch máu Bắc-Nam trước mưa bom bão đạn của đế quốc Mỹ, quân ta đã quân sự hóa triệt để nhằm bảo vệ mạch máu giao thông chiến lược này. Bến phà Gianh đã chứng kiến quân và dân ta lao ra giữa dòng cứu thương, vớt vũ khí, biến nơi đây thành biểu tượng bất diệt “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” dù nhiều chuyến phà đã vĩnh viễn nằm lại dưới đáy sông. Điều khiến chúng tôi day dứt nhất không chỉ là những trận bom, những chuyến phà bị đánh chìm, mà là sự không thể trở về của đồng đội. Có người ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ, để lại phía sau gia đình, quê hương và những người đồng chí từng sát cánh bên nhau. Vì vậy, mỗi lần trở lại Bến phà Gianh, tôi không chỉ

nhớ về chiến công mà còn nhớ đến sự hy sinh. Đó cũng là lý do chúng tôi luôn mong muốn thế hệ sau này hiểu rằng phía sau mỗi trang sử là số phận của những con người bằng xương bằng thịt, có tuổi trẻ, có ước mơ và những người thân chờ đợi.

● **PV:** Bến phà Gianh hôm nay không chỉ là một địa danh, mà đã trở thành biểu tượng của hòa bình, là “địa chỉ đỏ” để thế hệ trẻ tìm hiểu về quá khứ của dân tộc. Là người đã từng có những năm tháng gắn bó với dòng sông này, vào thời kỳ chiến tranh diễn ra ác liệt nhất, ông có thông điệp gì muốn gửi gắm đến thế hệ trẻ?

- Ông Võ Xuân Khuế: Chúng tôi chỉ mong thế hệ trẻ hôm nay sống thật ý nghĩa và có những đóng góp để dựng xây quê hương, đất nước. Đó là cách đền đáp ý nghĩa nhất cho những người lính “tuổi hai mươi hóa thành sóng nước”. Hãy yêu nước bằng những việc làm cụ thể như học thật giỏi, làm việc thật tử tế và bảo vệ từng tấc đất, từng vùng biển, vùng trời của Tổ quốc.

Hòa bình hôm nay được đánh đổi bằng tuổi trẻ và máu xương của biết bao người lính. Vì vậy, hãy trân trọng hòa bình bằng chính cách sống của mình. Đừng để lịch sử trở thành những câu chuyện xa xôi. Hãy tìm hiểu, hãy lắng nghe những người đã đi qua chiến tranh để hiểu hơn giá trị của cuộc sống hôm nay. Những giá trị ấy vẫn còn nguyên ý nghĩa trong thời bình và sẽ là hành trang để thế hệ trẻ bước vào tương lai.

Ngày trước, chúng tôi cảm sủng, cảm lái để bảo vệ từng tuyến đường, từng chuyến phà. Hôm nay, thế hệ trẻ phải dùng tri thức, khoa học, ý chí và khát vọng để xây dựng đất nước. Hãy tiếp nối tinh thần yêu nước bằng những hành động cụ thể, bằng khát vọng xây dựng một đất nước giàu mạnh, văn minh và nhân ái.

Đó là điều mà thế hệ chúng tôi mong muốn và gửi gắm đến các bạn trẻ, những chủ nhân tương lai của đất nước.

● **PV:** Xin trân trọng cảm ơn Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Võ Xuân Khuế!

DIỆU HOÀN (thực hiện)



Chợ cá Nhân Trạch Ảnh: T.L

Vẹn nguyên hồn cốt của làng

Làng bên chân sóng

Ông Hồ Đức Sĩa, hậu duệ đời thứ 20 của danh tướng Hồ Cưỡng, người “khai sinh” ra vùng đất Lý-Nhân-Nam và làng Nấu xưa, bây giờ là làng biển Nhân Trạch đưa chúng tôi đến thăm Di tích lịch sử văn hóa-Khu lăng mộ danh tướng Hồ Cưỡng. Qua câu chuyện với ông Sĩa, dòng chảy lịch sử khai mở làng Lý Hòa như một cuốn phim quay chậm hiện về.

Danh tướng Hồ Cưỡng (tên chữ Hồ Phúc Thiện, tên thường gọi Hồ Hồng, tên húy Hồ Cưỡng) sinh vào khoảng niên hiệu Đại Trị (1358-1369), đời Trần Dụ Tông. Hồ Cưỡng từng giữ chức Giám Quân Tả Thánh Dực và làm Đại Trị châu lộ Diễn Châu.

Cuối thế kỷ XIV, Hồ Cưỡng được phong làm Chánh đội trưởng chỉ huy một đạo quân hơn 2.400 người vượt biển vào đánh Chiêm Thành ở xứ Thuận Hóa. Khi vào trấn giữ vùng đất phía Nam Đại Việt, ông đóng quân tại phủ Tân Bình. Giặc yên, Hồ Cưỡng về quê mời bố mình là ông Hồ Kha vào chiêu dân lập ấp, khai

Có một ngôi làng cổ tuổi đời hơn 600 năm nằm sát chân sóng Biển Đông, chia đôi bởi dòng sông Dinh. Làng mọc lên từ cát, cát bao dung với người, người trung trinh với biển... để vươn mình lớn dậy, đó là làng Nhân Trạch, thuộc xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị. Qua bao thăng trầm lịch sử, đất và người Nhân Trạch vẫn thủy chung, mặn mòi từ biển, cùng nhau giữ vẹn nguyên hồn cốt của làng.

khẩn đất đai, trở thành ông tổ họ Hồ khai canh vùng Lý-Nhân-Nam.

“Thửa ban đầu, vùng đất này rất hoang sơ, cha con ông Hồ Cưỡng cùng 69 dòng tộc khác nhau kể vai, sát cánh lập làng, mở mang nghề biển, xây đình, lập miếu, tạo nên cuộc sống ấm no cùng những phong tục, tập quán văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng miền biển”, ông Hồ Đức Sĩa cho biết.

“Đến với Nhân Trạch, ngoài Di tích lịch sử văn hóa-Khu lăng mộ danh tướng Hồ Cưỡng, người dân còn tự hào về ngôi làng cổ của mình qua dấu tích miếu thờ ông Ngự nơi cửa sông Dinh giao nhau với biển. Lối Nghè, ngày xưa là một rừng cây cổ thụ mọc trên cát trắng chở che cho dân làng qua chiến tranh, thiên tai, địch họa. Đình làng Nhân Trạch mới được phục dựng lại trên nền đất cũ vào năm 2009, đến năm 2012 thì khánh thành. Điều đặc biệt trong đình Nhân Trạch, ngoài thờ tự các vị thành hoàng, những người có công với làng còn là nơi ghi danh 69 dòng họ “chung lưng đấu cật” dựng xây nên làng biển Nhân Trạch”, ông Phạm Huỳnh, một lão ngư làng Nhân Trạch tự hào.

Thủy chung... làng biển

Ông Nguyễn Văn Nghị, nguyên Chủ tịch UBND xã Nhân Trạch (cũ) nhớ lại: Một thời chưa xa, làng biển Nhân Trạch nghèo lắm. Những ngôi nhà bé nhỏ nằm chen chúc nhau trên cát trắng bóng rất



Các lễ hội văn hóa của làng biển Nhân Trạch được tổ chức hằng năm - Ảnh: T.L

trưa hè. Trong ký ức cư dân làng biển, hình ảnh những người đàn ông lưng trần trên từng chiếc bờ nan, thuyền thúng đập bằng sóng dữ mưu sinh trên biển. Những người phụ nữ gánh trên vai thúng mắm, cá khô, băng qua cồn cát dài hun hút, đi hàng chục cây số đổi lấy từng bát gạo, củ sắn, củ khoai. Bước chân người làng biển in hằn trên cát, giọt mồ hôi thấm đầm áo nâu bạc màu... Dù vậy, bà con vẫn gieo vào cát niềm tin sắt son về một sự đổi thay. Và thực sự Nhân Trạch đã đổi thay”.

Từ bao giờ, ở làng Nhân Trạch, những khu đô thị mới được mọi người gọi bằng cái tên “Phố Sê-un”. Chủ nhân của các ngôi nhà cao tầng, hiện đại, nằm san sát nhau là người Nhân Trạch. Thời kỳ đổi mới, với bản tính năng động, cần cù, chịu thương, chịu khó, họ “bung” ra, đi “xuất khẩu” lao động tại Đức, Anh, Nhật Bản và phần lớn sang Hàn Quốc. Có tiền, con em làng biển gửi về nước, làm nhà, dựng phố, tạo lập nên những khu đô thị hiện đại, văn minh.

Nhân Trạch bây giờ thành phố... Kỳ lạ một điều, phố vẫn ở trong làng và làng lại ở giữa phố. Những con đường tráng nhựa rộng thoáng chạy sâu vào từng khu dân cư. Những nếp nhà cổ rêu phong vẫn nằm cạnh các biệt thự cao tầng tạo nên một bức tranh làng biển đầy đủ gam màu và cung bậc cảm xúc. Bây giờ, làng biển Nhân Trạch thực sự no ấm, “thay da, thấm thịt”, nhưng trong tâm hồn mỗi người dân, biển vẫn là hơi thở, là mạch nguồn nuôi dưỡng bao thế hệ gắn liền những phong tục sinh hoạt xa xưa, tín ngưỡng thờ cúng các vị thần biển, cầu mong mưa thuận gió hòa; các lễ hội truyền thống như lễ hội rằm tháng giêng, lễ hội cầu ngư...

Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Tiến Phiệu kể: “Từ khi khai mở làng cho đến tận bây giờ, Nhân Trạch mỗi năm có 5 lễ hội lớn. Để phục vụ cho các lễ hội này, nhiều thế hệ nghệ nhân của làng đã cùng nhau sáng tác, sưu tầm, biên soạn, phục dựng, tạo mới nhiều câu hò, điệu múa mang đặc trưng

riêng của làng. Năm 1999, Câu lạc bộ văn hóa dân gian làng Nhân Trạch được thành lập. Cho đến nay, câu lạc bộ vẫn duy trì được 50 thành viên, nhiều thành viên tuổi đời ngoài 85 như cụ Nguyễn Bá Mạ, nguyên Chủ tịch UBND xã Nhân Trạch trước đây”.

Muốn biết hồn cốt người dân làng biển Nhân Trạch ra sao, hãy một lần đến với phiên chợ cá Nhân Trạch vào mỗi buổi sớm mai.

Buổi sáng tinh khôi, khi màn đêm chưa kịp tan, từng đoàn thuyền đánh cá trở về, chở cá tôm tươi rói đầy khoang, buông neo phía ngoài chân sóng. Trong bờ hàng chục chiếc thuyền thúng len lỏi theo con sóng cặp mạn thuyền, chuyển vào bờ những sọt cá, sọt mực đầy ắp. Không hên trước... thế mà hình thành nên một chợ cá “riêng có”, ngay bên bờ biển.

Chợ cá Nhân Trạch chỉ diễn ra vồn vện hai đến ba tiếng đồng hồ mỗi sáng mai, nhưng đã trở thành một nét đẹp đặc trưng của người dân miền biển, những năm trở lại đây đã hút một lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm và trải nghiệm. Hơi thở biển tràn ngập không gian, mùi mặn mòi nước biển, mùi tanh của cá, mực quyện vào làn gió sớm miền man, tiếng sóng vỗ, tiếng nói cười, tiếng trả giá hòa vào nhau, lan tỏa khắp làng chài, tạo nên một bản giao hưởng đặc trưng.

Nhân Trạch... làng mọc lên từ cát, thăng trầm với cát, pha trộn giữa vẻ đẹp hoài cổ và văn minh trong một không gian giao hòa đất-trời, rừng-biển cùng hình ảnh những con người làng biển can trường.

NGÔ THANH LONG

“Người dân làng biển Nhân Trạch dù đi đâu, làm gì suốt trong Nam, ngoài Bắc hay khắp năm châu, bốn biển, mỗi khi nhớ về quê hương mình là nhớ đến một miền ký ức diệu vợi, về một thời khốn khó, bão giông như bao làng quê biển khác... nhưng đây ấp tình người mặn mòi từ biển. Và từ mặn mòi hương vị tình người ấy giúp Nhân Trạch vươn mình trở thành làng quê biển khang trang, to đẹp, văn minh như ngày hôm nay”, ông Nguyễn Văn Nghị chân tình.

Hợp tác xã kiểu mới

TƯ DUY QUẢN TRỊ MỚI

Phân tích về bước chuyển mang tính nền tảng này, ông Nguyễn Văn Chiến, Phó Chủ tịch thường trực Liên minh HTX tỉnh nhấn mạnh: “Nếu như các HTX truyền thống chỉ dừng lại ở vai trò cung ứng dịch vụ đầu vào như làm đất, lấy nước, điều tiết sản xuất thì HTX kiểu mới phải là một chủ thể kinh tế linh hoạt. Quy mô có thể không cần quá lớn nhưng phải mạnh về vốn, sâu về quản trị và rộng về liên kết. Đó không chỉ là sự liên kết giữa nông dân với nông dân, mà phải “bắt tay” chiến lược với doanh nghiệp và đối tác bên ngoài. Sự hợp tác này giúp HTX có thể huy động thêm nguồn lực về vốn, tri thức, đồng thời tạo quyền tham gia trực tiếp vào thị trường”.

Minh chứng rõ nét nhất cho làn sóng đổi mới này là sự bứt phá của HTX Nông sản hữu cơ Gio Linh (xã Gio Linh) và HTX Sản xuất tinh dầu Như Oanh (xã Nam Trạch). Đây là những điểm sáng đại diện cho tinh thần dám nghĩ, dám làm của người làm kinh tế tập thể kiểu mới.

Gắn bó với kinh tế tập thể từ năm 1986, trải qua nhiều thăng trầm từ thời bao cấp đến đổi mới, ông Nguyễn Giang, Giám đốc HTX Nông sản hữu cơ Gio Linh hiểu rõ những “điểm nghẽn” trong phát triển kinh tế tập thể. Năm 2024, khi dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) hỗ trợ xây dựng Nhà máy hữu cơ Quảng Trị với tổng kinh phí gần 9 tỉ đồng tại xã Gio Mỹ cũ, địa phương đã quyết định thành lập HTX Nông sản hữu cơ Gio Linh. Ông Giang lúc này đang là Giám đốc HTX Nông nghiệp Phước Thị được tin tưởng giao điều hành HTX này.

Bài toán đầu tiên ông Giang bắt tay giải quyết là “tích tụ ruộng đất”. Từ thực trạng mỗi hộ sở hữu 2-5 thửa ruộng manh mún, ông kiên trì vận động người dân đổi ruộng cho nhau, dồn lại thành vùng sản xuất tập trung rộng 50ha. Mỗi hộ thành viên của HTX đều được quy hoạch lại còn 1 thửa ruộng (có thửa rộng 1-2ha), xung quanh

Sự ra đời của Luật Hợp tác xã (HTX) năm 2023 đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của khu vực kinh tế tập thể. Tại Quảng Trị, trong số 853 HTX đang hoạt động, có khoảng 50% mô hình đã và đang chuyển đổi theo hướng HTX kiểu mới. Khác biệt cốt lõi của HTX kiểu mới không chỉ ở bộ máy hay quy trình quản lý mà còn ở sự thay đổi về tư duy của cả người điều hành và người tham gia sản xuất. Nhờ vậy, các HTX đã chuyển từ “cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất” sang “làm kinh tế nông nghiệp”, xây dựng chuỗi giá trị phát triển bền vững.



Hợp tác xã Nông sản hữu cơ Gio Linh giới thiệu sản phẩm tại hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã khu vực miền Bắc năm 2026 - Ảnh: M.L



Vườn ươm giống trầm năm gân và trầm trà của Hợp tác xã Sản xuất tinh dầu Như Oanh - Ảnh: M.L

được bao bọc bởi hệ thống bờ đê, ngăn cách hoàn toàn với vùng trồng lúa truyền thống. Song song đó, HTX chuyển mình từ vai trò “làm dịch vụ đầu vào” sang điều hành toàn bộ chuỗi giá trị (đầu mối tổ chức liên kết sản xuất theo quy trình hữu cơ, cung ứng vật tư, bao tiêu trọn gói và minh bạch tài chính). Đến đầu năm 2026, HTX đã phát triển thành công các mô hình nông nghiệp tuần hoàn như lúa-cá (10ha) và lúa-tôm càng xanh (5ha).

Năm 2025, doanh thu của HTX đạt 5,2 tỉ đồng, lợi nhuận 257 triệu đồng. Sản phẩm “Gạo ngon Gio Mỹ” không chỉ đạt chuẩn OCOP 3 sao, nhận giải thưởng “Sản phẩm vàng về chất lượng năm 2025” mà còn đạt chứng nhận hữu cơ lần 2 theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-5:2018. Hiện nay, HTX có 69 thành viên, cung ứng mỗi năm khoảng

250-300 tấn gạo cho Công ty CP Nông sản hữu cơ Quảng Trị tại TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, sản phẩm của HTX cũng được mạng lưới thành viên các Hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hà Nội đón nhận tích cực. Ông Giang chia sẻ: “HTX sản xuất theo đơn hàng của doanh nghiệp. Ngay từ đầu năm, chúng tôi đã làm việc, đàm phán với các đối tác để ký hợp đồng cung ứng sản phẩm, từ đó mới xây dựng kế hoạch chỉ đạo thành viên sản xuất. Vì vậy, không còn lo đầu ra cho sản phẩm khi đến vụ thu hoạch”.

Cũng đổi mới quản trị, HTX Sản xuất tinh dầu Như Oanh do bà Trần Thị Như Oanh làm Giám đốc chọn con đường bứt phá bằng khoa học công nghệ và liên kết sản xuất quy mô lớn. HTX đã thay đổi hoàn toàn phương thức chứng cất thủ công truyền thống bằng

việc đầu tư hạ tầng, máy móc hiện đại và chủ động xây dựng nguồn nguyên liệu đầu vào. HTX Như Oanh đã liên kết với nông dân các địa phương trồng hơn 400ha trầm năm gân và trầm trà, đồng thời xây dựng vườn ươm công suất 50.000 cây giống/năm. Trung bình mỗi tháng, HTX cung ứng khoảng 5 tạ tinh dầu cho các công ty dược lớn tại Hưng Yên và TP. Hồ Chí Minh. Không dừng lại ở việc sở hữu 4 sản phẩm OCOP 3 sao (tinh dầu trầm trà, trầm năm gân, sả chanh, sả Java), HTX còn vươn tầm quốc tế khi trở thành 1 trong 4 HTX trên địa bàn tỉnh tiếp cận tiêu chuẩn Halal để hướng tới xuất khẩu tinh dầu sang các quốc gia Hồi giáo.

ĐỘNG LỰC ĐỔI MỚI QUÊ HƯƠNG

Tại HTX Gio Linh, thành quả lớn nhất sau mỗi vụ

mùa không chỉ là hàng trăm tấn lúa sạch hay nguồn thu nhập ổn định cho lao động địa phương, mà là sự thay đổi nhận thức của người dân về “làm nông tử tế”. Việc đạt chứng nhận hữu cơ lần thứ 2 vào tháng 5/2026 cùng hệ thống truy xuất nguồn gốc qua mã QR đã củng cố niềm tin của khách hàng, mở rộng thị trường và thu hút thêm nhiều hộ dân gia nhập vào HTX.

Vừa thu hoạch xong vụ lúa hè-thu và được HTX thu mua lúa tươi ngay tại ruộng, anh Lê Văn Quang (ở thôn Cẩm Khê, xã Gio Linh)-một trong những thành viên đầu tiên tham gia mô hình lúa-tôm càng xanh với diện tích 1ha, chia sẻ: “Tôm xuống giống từ tháng 1/2026, sau 8 tháng chăm sóc đã cho thu hoạch. Với mô hình kết hợp này, 1ha sản xuất cho thu nhập trên 130 triệu đồng/năm, lợi nhuận đạt trên 50 triệu đồng (cao gấp 2,5-3 lần so với trồng lúa thường và vượt trội so với mức lãi 28-30 triệu đồng/ha lúa hữu cơ đơn thuần). Không chỉ mang lại giá trị kinh tế cao hơn mà lợi ích về môi trường, đồng ruộng không gì đo đếm được”.

Đối với HTX Sản xuất tinh dầu Như Oanh, mô hình liên kết trồng trọt đã tạo việc làm ổn định cho 10-20 lao động địa phương với mức thu nhập từ 8-12 triệu đồng/người/tháng. HTX cũng chủ động mở rộng điểm trưng bày sản phẩm OCOP gần liền với tuyến du lịch trọng điểm Đồng Hới-Phong Nha Kẻ Bàng. Bên cạnh hoạt động kinh doanh, HTX này còn là tấm gương sáng về trách nhiệm xã hội khi nhận đỡ đầu trẻ mồ côi, phối hợp trao tặng bò giống cho gia đình quân nhân khó khăn, hỗ trợ xe đạp, học bổng cho học sinh nghèo và tích cực tham gia các chương trình từ thiện tại địa phương.

Có thể thấy, thành công của 2 HTX trên không chỉ thể hiện qua những con số doanh thu, mà quan trọng hơn là lan tỏa những giá trị tích cực đến cộng đồng. Khi tư duy quản trị, năng lực điều hành được nâng tầm và lợi ích của thành viên được đặt ở vị trí trung tâm, HTX kiểu mới sẽ trở thành động lực thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển; đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và đổi mới quê hương.

MAI LÂM

“Nữ tướng” đóng tàu biển

Bước qua những định kiến khắt khe của nghề biển đối với người phụ nữ, chị Hoàng Thị Sửu, Giám đốc Công ty TNHH Tàu biển Bảo Ninh đã xây dựng một cơ sở dịch vụ tàu biển, làm điểm tựa vững vàng cho ngư dân địa phương trong mỗi chuyến ra khơi. Xưởng đóng tàu của chị đã góp phần thay đổi định kiến giới trong nghề biển và tạo sinh kế bền vững cho nhiều lao động bên bờ Nhật Lệ.



Quang cảnh cơ sở đóng tàu của chị Hoàng Thị Sửu - Ảnh: Đ.H



Cơ sở đóng tàu của chị Hoàng Thị Sửu (trái) giải quyết việc làm cho nhiều lao động địa phương - Ảnh: Đ.H

Đồng hành với ngư dân

Tôi biết chị Hoàng Thị Sửu từ những năm 2013-2014 khi tìm hiểu về cơ sở đóng tàu của một người phụ nữ “dám” bước vào lĩnh vực vốn được xem là lãnh địa của nam giới. Hơn chục năm gặp lại, phong thái điềm đạm nhưng quyết liệt ấy của chị vẫn không thay đổi. Chỉ khác rằng, xưởng tàu nhỏ của chị ngày nào nay đã phát triển thành doanh nghiệp-Công ty TNHH Tàu biển Bảo Ninh hoạt động bài bản, chuyên sâu về dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu biển.

Chị Sửu kể, cơ duyên đến với nghề của chị bắt nguồn từ trăn trở trước thực tế của địa phương. Năm 2011, khi nhiều tàu cá ở Bảo Ninh xuống cấp, thiếu nơi sửa chữa kịp thời, không ít chủ tàu phải đưa phương tiện đi sửa chữa ở các địa phương khác, tốn kém chi phí và lỡ mùa vụ. Trong bối cảnh ấy, chị quyết định đầu tư xây dựng xưởng đóng mới và sửa chữa tàu. “Thấy tàu nằm bờ

vì hỏng hóc, bà con lỡ chuyến biển, tôi xót lắm. Không có cơ sở kỹ thuật tại chỗ, chi phí kéo tàu đi nơi khác rất lớn, chưa kể chậm thời gian khai thác”, chị nhớ lại. Quyết định mở xưởng sửa chữa tàu biển khi ấy, với một người phụ nữ, là đồng nghĩa với việc chấp nhận bước vào công việc nặng nhọc, đối diện ánh nhìn hoài nghi và không ít định kiến.

Những ngày đầu, chị Sửu vừa làm vừa học, vừa tích lũy kinh nghiệm kỹ thuật và xây dựng uy tín. Từng con tàu được xưởng của chị sửa chữa cẩn thận, đúng hạn đã dần tạo dựng niềm tin cho khách hàng. “Làm nghề này, nếu không giữ chữ tín thì không thể tồn tại. Tàu ra khơi phải an toàn, đó là nguyên tắc sống còn”, chị nói.

Công ty TNHH Tàu biển Bảo Ninh hiện phục vụ khoảng 300-400 lượt tàu mỗi năm, trong đó gần 70% là tàu dài trên 15m chủ yếu khai thác xa bờ. Doanh nghiệp tạo việc làm ổn định cho khoảng 50 lao động

thường xuyên và thời vụ, phần lớn là con em địa phương. Vào cao điểm mùa vụ, xưởng làm việc xuyên ngày đêm để kịp tiến độ. “Một ngày tàu nằm bờ là một ngày ngư dân mất cơ hội. Mình phải chạy đua với thời gian để bà con kịp ra khơi”, chị Sửu chia sẻ.

Có thời điểm, nhiều chủ tàu thiếu vốn quay vòng, chị chủ động giảm chi phí sửa chữa, giãn thời gian thanh toán. “Không thể để tàu nằm bờ chỉ vì thiếu tiền. Đó không chỉ là chuyện kinh doanh mà là trách nhiệm với cộng đồng”, chị Sửu chia sẻ.

Ông Hoàng Ngọc Đan, Chủ tịch UBND phường Đồng Hới cho biết: Chị Hoàng Thị Sửu là tấm gương điển hình về tinh thần nghị lực, dám nghĩ, dám làm của phụ nữ địa phương. Chị luôn đặt lợi ích của bà con ngư dân lên hàng đầu, chủ động hỗ trợ kỹ thuật và khẩn trương hoàn thành công việc để ngư dân kịp mùa biển. Sự gắn bó với nghề đóng, sửa chữa tàu biển của chị không chỉ tạo việc làm cho người dân mà còn góp phần quan trọng cùng chính quyền địa phương phát triển kinh tế biển bền vững.

Đề xuất lại bền vững

Chiều muộn, khi tiếng máy hàn thưa dần, chị Hoàng Thị Sửu ngồi lại bên mép xưởng, nhìn những con tàu đang chờ đợi được hoàn thiện. Gắn bó hơn 15 năm với nghề, chị bảo mình đã quen với mùi gỗ, mùi sắt thép, dầu máy, quen cả những ngày phải chạy đua với thời gian để kịp hạ thủy tàu. Thế nhưng, điều khiến chị suy nghĩ nhiều nhất là tương lai dài lâu của nghề hậu cần biển.

Trong câu chuyện của mình, chị Hoàng Thị Sửu vẫn

luôn trăn trở về chuyện hậu cần nghề cá. Gần 15 năm gắn bó với nghề đóng, sửa tàu cá, chị hiểu rằng công việc của mình tuy ở phía sau nhưng lại liên kết chặt chẽ với mỗi chuyến biển của ngư dân. “Làm nghề này lâu năm rồi, tôi thấy đóng tàu, sửa tàu không phải chỉ làm xong và cho tàu hạ thủy là hết việc. Bởi vì, tàu muốn ra khơi còn phải có chỗ bảo dưỡng, sửa chữa, có máy móc, vật tư, có người làm kỹ thuật. Mình làm tốt những việc đó thì bà con mới yên tâm đi biển”, chị Sửu chia sẻ.

Theo chị, hậu cần nghề cá là ngành có đặc thù riêng. Xưởng đóng, sửa tàu xây dựng ở đâu thì phải gắn với vị trí, mặt bằng và điều kiện của vùng biển đó, không thể nay làm chỗ này, mai chuyển sang chỗ khác. Vì vậy, chị mong lĩnh vực này được tính toán kỹ hơn trong quy hoạch, nhất là chuyện mặt bằng và nguồn vốn để các cơ sở có thể đầu tư lâu dài.

“Có chỗ dựng xưởng ổn định thì chúng tôi mới dám đầu tư thêm máy móc, làm những việc mà trước đây chưa làm được. Tàu của bà con cũng ngày càng lớn, yêu cầu về kỹ thuật ngày càng cao, nếu mình không đổi mới thì sẽ khó theo kịp. Tôi nghĩ, ngư dân có yên tâm bám biển hay không thì phía sau cũng cần có những cơ sở hậu cần có trách nhiệm”, chị Sửu cho biết thêm.

Nhiều năm qua, chị chứng kiến sự thay đổi của nghề cá: Tàu lớn hơn, yêu cầu kỹ thuật cao hơn, quy định quốc tế chặt chẽ hơn. Những cụm từ như “chống khai thác IUU”, “truy xuất nguồn gốc”, “tiết kiệm nhiên liệu” không

còn xa lạ với ngư dân. Và chị hiểu, nếu cơ sở hậu cần không theo kịp, người chịu thiệt trước tiên vẫn là bà con ngư dân.

Có lần, một chủ tàu trẻ đến xưởng, vừa loay hoay với bản thiết kế cải hoán, vừa băn khoăn về chi phí đầu tư lớn. Chị ngồi lại, phân tích cho anh về lợi ích lâu dài của việc nâng cấp theo tiêu chuẩn mới: Tàu vận hành ổn định hơn, ít tiêu hao nhiên liệu hơn, giảm rủi ro khi trên biển.

Theo chị Sửu, điều cần thiết lúc này là cơ chế hỗ trợ phù hợp cho các cơ sở dịch vụ hậu cần. Không phải để mở rộng ồ ạt, mà để đầu tư chiều sâu, máy móc hiện đại hơn, quy trình chuẩn hóa hơn, điều kiện an toàn lao động tốt hơn. Khi cơ sở đủ năng lực, ngư dân sẽ bớt đi một nỗi lo trước mỗi chuyến ra khơi.

Nói về bản thân, chị Sửu cười hiền: “Phụ nữ làm nghề biển phải cố gắng gấp đôi. Những năm đầu khởi nghiệp, có người nghi ngại, có người ái ngại. Nhưng tôi tin rằng năng lực và sự nghiêm túc với nghề sẽ trả lời tất cả”. Bây giờ, khi nhắc đến “xưởng tàu” của chị Sửu, nhiều ngư dân vẫn gọi vui chị là “nữ tướng” đóng tàu biển. Chị bảo, danh xưng ấy vừa là niềm vui, nhưng cũng là áp lực khiến bản thân chị không được phép lơ là với công việc.

Chia tay chị Sửu khi hoàng hôn đã nhuộm vàng mặt sông. Bên chân sóng, chị Sửu vẫn miệt mài đi quanh xưởng quan sát những con tàu đang được sửa chữa, kiểm tra từng mối hàn, từng con ốc vít với ánh mắt hăng say của người phụ nữ đam mê biển cả.

ĐẶNG HIỂN

Gương sáng giữa đại ngàn

TRỒNG BỒI LỜI ĐỎ, LÚA NƯỚC

Đến bây giờ, miền đất A Dơi Đớ, xã A Dơi, với những cánh rừng, núi đồi hoang vu như thuở ông Hồ Dăm khoác ba lô trở về cách đây mấy chục năm, đã thay đổi, trở thành những vùng nương rẫy trồng bồi lời đỏ, cao su, sắn, chuối... trong màu xanh no ấm.

Ông Hồ Dăm chia sẻ rằng, người dân thôn A Dơi Đớ hiện tại dầu chưa giàu có nhưng không còn sợ đói, nghèo như ngày xưa... Trong hơn 4 năm (từ năm 1964-1968), ông Hồ Dăm tham gia dân quân du kích xã A Dơi với nhiệm vụ luồn rừng, lợi suốt, gửi công hàng hóa phục vụ chiến trường miền Nam. Sau ngày quê hương giải phóng, ông xách ba lô trở về thôn. Nhìn trước, nhìn sau, thôn A Dơi Đớ chỉ lác đác vài nóc nhà sàn của đồng bào dân tộc thiểu số Bru-Vân Kiều, Pa Kô ly tán trở về, dựng lại dọc theo triền đồi, khe suối. Dựng lại căn nhà sàn trên mảnh đất “hương hỏa” ông cha để lại, ông Hồ Dăm bắt đầu cùng người dân thôn A Dơi Đớ lên đồi phát cỏ, phát cây làm nương rẫy... để lo cái ăn mùa giáp hạt.

Cuộc sống cứ bình lặng trôi qua, mãi đến năm 2001, ông Hồ Dăm có một quyết định bất ngờ sau nhiều đêm trăn trở. Đó là đưa cây bồi lời đỏ về trồng trên diện tích 4ha đất thôn A Dơi Đớ. Lúc ấy, cả xã A Dơi chưa ai biết đến hình dáng, công dụng cũng như giá trị kinh tế của cây bồi lời đỏ... Và sau 5 năm dày công chăm sóc, vườn bồi lời đỏ của gia đình ông Hồ Dăm cho vụ thu hoạch đầu tiên với kết quả ngoài mong đợi. Vụ thu hoạch đó, gia đình ông thu hơn 7 tấn vỏ bồi lời. Lúc ấy, giá vỏ bồi lời mà thương lái vào tận thôn mua là 8.000 đồng/kg. Vậy là ông Hồ Dăm thu về 56 triệu đồng/vụ. Qua mấy vụ thu hoạch vỏ bồi lời, ông tích cóp tiền để xây dựng căn nhà sàn khang trang. Từ đó, người

Mặc dù sống ở vùng đặc biệt khó khăn, ông Hồ Dăm (87 tuổi) và anh Phan Thanh Tuyền (51 tuổi) vẫn mạnh dạn khai phá những vùng đất hoang hóa, tìm hướng sản xuất phù hợp với điều kiện địa phương. Họ trở thành tấm gương để đồng bào dân tộc thiểu số Bru-Vân Kiều, Pa Kô học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.



Ông Hồ Dăm hướng dẫn người dân thôn A Dơi Đớ cách bảo quản giống lúa cho vụ sau - Ảnh: S.H

dân thôn A Dơi Đớ bắt đầu đến nhà ông để học hỏi kinh nghiệm trồng, chăm sóc cây bồi lời đỏ.

Ngoài trồng bồi lời đỏ, ông Hồ Dăm cũng là người đầu tiên ở thôn A Dơi Đớ trong việc trồng 1ha lúa nước, đào ao với diện tích 0,8ha để nuôi cá nước ngọt. Từ trồng lúa nước đến nuôi cá nước ngọt, khi người dân cần hỗ trợ kỹ thuật, ông đều vui vẻ nhận lời, rồi tận tình hướng dẫn tận kẽ. Đến nay, do tuổi cao, sức yếu, ông

đã trao lại “gia tài” cho con trai là anh Hồ Lăng. Nhưng với người dân thôn A Dơi Đớ cũng như các thôn, bản khác trên địa bàn xã A Dơi, khi cần giúp đỡ, ông đều sẵn sàng.

BIẾN ĐỒI HOANG THÀNH VÙNG RỪNG TRỪ PHÚ

Sau chặng đường mòn chỉ vừa một người đi, dài dang dặc, băng qua khe, suối rồi leo ngược lên ngọn đồi cao sừng sững, chúng



Anh Phan Thanh Tuyền chuẩn bị cây giống cho vụ trồng tràm mới ở đồi Khe Meo - Ảnh: S.H

tôi mới đến khu vực rừng tràm của anh Phan Thanh Tuyền ở thôn Phú An, xã Hướng Hiệp. Anh Phan Thanh Tuyền chia sẻ, quê anh ở phường Ba Đồn. Năm 2000, anh kết duyên với chị Hồ Thị Hoa rồi gấn bó đời mình với mảnh đất Hướng Hiệp cho đến tận bây giờ. Hồi ấy, xung quanh thôn Phú An là đồi hoang mọc um tùm lau lách, cỏ dại.

Với người dân thôn Phú An, nơi chủ yếu người dân tộc thiểu số Bru-Vân Kiều sinh sống, việc trồng rừng hàng hóa chưa phổ biến. Quanh năm chỉ trồng lúa rẫy, ngô... nên đời sống của nhiều hộ dân còn gặp khó khăn. Sau nhiều đêm trăn trở, năm 2003, anh Phan Thanh Tuyền quyết định lên khu vực đồi Khe Meo của thôn Phú An để khai hoang trồng rừng. Từ đó, khu vực đồi Khe Meo vốn hoang hóa, cỏ dại, không ngày nào vắng bóng vợ chồng anh Tuyền. Dần dần, đồi Khe Meo được khoác lên màu xanh của cây tràm.

Những ngày đầu “bén duyên” với nghề trồng rừng cũng vất vả, gian truân bởi

chuyện trồng rừng không phải như bây giờ, mọi công đoạn từ cải tạo đất, đào hố, phát cỏ đều do vợ chồng anh tự xoay sở vì không có tiền để thuê mướn nhân công, máy móc. Năm 2007, anh Tuyền thu hoạch vụ tràm đầu tiên trên diện tích gần 2ha với doanh thu hàng chục triệu đồng. Sau vụ thu hoạch rừng ấy, anh Tuyền tiếp tục mở rộng diện tích trồng rừng ở khu vực đồi Khe Meo lên 8ha. Trên diện tích đất trồng rừng của mình, anh cứ luân phiên khai thác để bán cho thương lái rồi trồng lại rừng với doanh thu bình quân khoảng 100-150 triệu đồng/năm.

Trồng rừng thuận lợi hơn so với một số loại cây khác ở chỗ không tốn thuốc bảo vệ thực vật, ít công chăm sóc. Thời gian đầu chỉ tốn công đào hố trồng, phát dọn, chăm sóc, trồng dặm những cây chết và có thể tận dụng thời điểm này trồng xen cây ngắn ngày để tăng thu nhập. Nhiều người dân thôn Phú An vốn chưa có nhiều kinh nghiệm trồng rừng, đã bắt đầu quan tâm đến những khoảnh đất ven núi, lưng đồi hoang hóa, cần cỗi có thể trồng rừng. Nhiều người tìm đến anh Tuyền để học cách trồng. Đến nay, hàng chục hộ dân ở thôn Phú An có từ 2-5ha rừng trồng với thu nhập hàng chục triệu đồng mỗi năm. Ngoài trồng rừng, anh Phan Thanh Tuyền cũng là “người tiên phong” nuôi đàn trâu, bò ở thôn Phú An với tổng đàn hơn 20 con.

Vươn lên từ vùng đất còn nhiều khó khăn, ông Hồ Dăm và anh Phan Thanh Tuyền luôn đồng cảm, sẻ chia kinh nghiệm trong sản xuất để giúp nhiều hộ đồng bào Bru-Vân Kiều, Pa Kô biến đồi hoang thành vùng trồng tràm, bồi lời đỏ trù phú. Những cách làm phù hợp với điều kiện địa phương của hai người đã góp phần giúp người dân ở các thôn: A Dơi Đớ, xã A Dơi; Phú An, xã Hướng Hiệp vượt khó, vươn lên ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập từ vùng đất cần cỗi.

SỸ HOÀNG

Sôi động

lễ hội đua thuyền ở Kim Phú

Mỗi dịp Quốc khánh 2/9, người dân xã Kim Phú lại náo nức hưởng về sông Rào Nậy để tham gia, cổ vũ cho lễ hội đua thuyền truyền thống mừng Tết Độc lập. Càng gần đến dịp lễ, 2 bên bờ sông, tiếng trống hội, tiếng hò reo cổ vũ hòa cùng nhịp chèo khải trương trên dòng sông tạo nên không khí sôi động cả vùng quê cách mạng.



Giải đua thuyền truyền thống xã Tân Hóa (cũ) mừng Tết Độc lập luôn diễn ra sôi động - Ảnh: T.L

TẾT ĐỘC LẬP TRÊN ĐẤT KIM PHÚ

Theo các cụ cao niên xã Kim Phú kể, lễ hội đua thuyền truyền thống của bà con nơi đây có từ năm 1927. Lúc đó, xã Kim Phú thuộc tổng Kim Linh, châu Bố Chính. Thời điểm này, bà con vừa làm xong đình làng Kim Bảng rồi tổ chức lễ cầu Đáo nhằm cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Lễ cầu Đáo còn có nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trong đó có hoạt động đua thuyền trên sông Rào Nậy. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lễ cầu Đáo được chuyển sang tổ chức vào dịp 2/9 để mừng Tết Độc lập. Từ đó, đua thuyền đã trở thành nét văn hóa đặc sắc, niềm tự hào của người dân Kim Linh.

Ông Trương Văn Chuyên (75 tuổi), nguyên Bí thư Đảng ủy xã Minh Hóa (cũ) kể: “Ngày trước, các đội đua thuyền gồm có làng Cổ Liêm, Yên Thọ, Kim Bảng, Lạc Thiện, Tân Lý. Mỗi dịp lễ Quốc khánh, bà con lại kéo về các khúc sông Rào Nậy để tập luyện, thi đấu. Mục đích của lễ hội là cầu cho quốc thái dân an, mưa



Đội đua thuyền thôn Tân Thiện tập luyện chuẩn bị cho giải đua thuyền truyền thống lần thứ I, xã Kim Phú - Ảnh: X.V

thuận, gió hòa, mùa màng bội thu; đồng thời rèn luyện sức khỏe, nâng cao kỹ năng ứng phó với sông nước, lũ lụt. Những dịp như thế, người dân địa phương và các vùng lân cận kéo đến rất đông vui”.

Trước khi diễn ra lễ hội, các làng đều tập hợp các trai tráng khỏe mạnh, chọn 4-5 thuyền rồi tổ chức đua nội bộ. Sau đó, lựa chọn các trai đua có sức khỏe, kỹ thuật tốt nhất vào đội của thôn để thi đấu cấp xã. Ngày đó, phần thưởng của giải xã chỉ có cờ lưu niệm của ban tổ chức nhưng cả thôn rất vui mừng, ăn uống, hát hò cả ngày lễ.

Theo ông Chuyên, để có những chiếc thuyền đua tốt, người dân phải vào rừng sâu tìm những cây gỗ lớn, thẳng, đường kính hơn 1m để đục thuyền. Công việc làm thuyền kéo dài nhiều ngày, đòi hỏi những người thợ có kinh nghiệm và đôi tay khéo léo. Khi thuyền hoàn thành phần thô, việc kéo thuyền từ rừng về là công đoạn nặng nhọc nhất. Trong quá trình kéo, người dân đã sáng tác ra điệu hò kéo thuyền để động viên nhau vượt qua mệt nhọc. Điệu hò kéo thuyền sau đó được áp dụng nhiều vào lao động sản xuất, trở thành nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc sắc của người dân nơi đây.

Năm 1965, lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Rào Nậy phải tạm dừng do chiến tranh và năm 1975 đã được tổ chức trở lại cho đến nay. Dịp lễ hội, người dân Kim Phú sinh sống nhiều nơi thường trở về quê. Nhà nhà đều gói bánh chưng, bánh rò cùng các lễ vật được chuẩn bị chu đáo để dâng lên bàn thờ gia tiên và tưởng nhớ Bác Hồ, mừng Tết Độc lập. Trên sông, những chiếc thuyền đua rẽ nước trong tiếng trống, tiếng reo hò của đông đảo người dân...

SẴN SÀNG CHO NGÀY HỘI TRÊN SÔNG

Năm 2026, sau khi mô hình chính quyền địa phương mới được triển khai, các thôn được sắp xếp, sáp nhập thì hoạt động đua thuyền tiếp tục được mở rộng. Theo kế hoạch, giải đua thuyền truyền thống xã Kim Phú lần thứ I năm 2026 được tổ chức tại bến thuyền sông Rào Nậy, thôn Tân Hóa. Năm nay, giải quy tụ 5 đội đua đến từ các thôn Yên Thọ, Tân Hóa (2 đội), Cổ Liêm và Tân Thiện.

Phó Chủ tịch UBND xã Kim Phú Hoàng Thanh Bình cho biết: “Để giải đấu diễn ra an toàn, sôi nổi và đúng tinh thần thể thao, xã Kim Phú đang triển khai nhiều phần việc chuẩn bị. Theo đó, ban tổ chức giải đấu sẽ bố trí xuống cứu hộ, lực lượng cứu nạn, y tế, công an, quân sự, áo phao và hệ thống phao tiêu nhằm phục vụ cho giải đấu diễn ra thuận lợi nhất. Hiện, các thôn tổ chức tuyển chọn vận động viên, thành lập đội đua và luyện tập; đồng thời kiểm tra, sửa chữa thuyền, chuẩn bị mái chèo và các điều kiện cần thiết phục vụ thi đấu”.

Tại thôn Tân Hóa, công tác chuẩn bị cho các đội đua đang được triển khai khẩn trương. Đây là địa phương có truyền thống gắn bó với hoạt động đua thuyền trên sông Rào Nậy. Hiện, bà con trong thôn đang rộn ràng phân tích về chiến thuật, sức mạnh của các đội đua còn lại; đóng góp kinh phí, nấu cơm, nước phục vụ cho cổ động viên và đội đua tập luyện, thi đấu. Dưới sông, trai bơi của hai đội tập luyện hăng say với quyết tâm đạt thành tích tốt nhất.

Trưởng thôn Tân Hóa Đinh Biên Thủy chia sẻ: “Để chuẩn bị cho giải đua thuyền truyền thống xã Kim Phú lần thứ I, thôn đã chọn các trai đua có sức khỏe, sức bền tốt, am hiểu về sông nước, kỹ thuật đua. Đến nay, chúng tôi đã chọn được hơn 40 vận động viên, huấn luyện viên và tổ chức thành 2 đội tập luyện, sẵn sàng thi đấu. Về phần kinh phí cũng được xã hội hóa để lo cơm nước cho vận động viên ăn uống trong những ngày tập luyện, thi đấu”.

Đáng chú ý, sự trở lại của đội đua thôn Tân Thiện tạo thêm nét mới cho giải năm nay. Đây là đội mới được thành lập khi thôn Tân Lý và Lạc Thiện của xã Kim Phú sáp nhập. Sau nhiều năm vắng bóng, những trai đua của thôn có cơ hội trở lại với đường đua truyền thống. Đến thời điểm hiện tại, thôn đã tuyển chọn được các trai bơi là những lao động tại địa phương; thuê thuyền, huấn luyện viên về tập luyện với quyết tâm rất cao.

Anh Thái Văn Tuấn, một trai bơi thôn Tân Thiện chia sẻ: “Khi được bà con trong thôn tin tưởng lựa chọn vào đội đua, tôi rất vui và cũng thấy trách nhiệm của mình lớn hơn. Mỗi buổi tập, anh em trong đội đều cố gắng hết sức, cùng nhau phối hợp nhịp nhàng để chiếc thuyền lướt nhanh trên sông. Với tôi, đây không chỉ là một cuộc thi mà còn là dịp để cả đội thể hiện tinh thần đoàn kết, niềm tự hào của người dân Tân Thiện và góp phần làm cho ngày hội đua thuyền truyền thống trên sông Rào Nậy thêm sôi nổi, ý nghĩa”.

Lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Rào Nậy đã trải qua gần một thế kỷ với những thăng trầm nhưng chứa đựng rất nhiều cảm xúc lẫn niềm tự hào. Việc tổ chức giải đua thuyền truyền thống lần thứ I xã Kim Phú năm nay không chỉ khơi dậy ký ức về một nét văn hóa lâu đời mà còn là cơ hội để địa phương quảng bá tiềm năng du lịch. Đây cũng là dịp để con em Kim Phú, khách du lịch trong nước và quốc tế có thêm những trải nghiệm thú vị, bất ngờ tại Làng du dịch tốt nhất thế giới...

XUÂN VƯƠNG



Ngã ba sông Ô Lâu (đoạn hợp lưu Tả Trạch và Hữu Trạch) tại cuối làng Mỹ Chánh: Bên phải là làng cổ Phước Tích (TP. Huế), bên trái là làng Lương Điền (Quảng Trị) - Ảnh: T.L

Cùng bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, nhưng sông Ô Lâu không chảy thẳng ra biển như Bến Hải, Hiếu Giang hay Thạch Hãn, mà lại vòng về phía nam rồi đổ nước vào phá Tam Giang, trở thành một phần ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Quảng Trị và thành phố Huế.

Trong gần hai mươi năm chiến tranh chống Mỹ, vùng rừng núi phía thượng nguồn Ô Lâu là chiến trường ác liệt gắn với những địa danh như địa đạo Hà Đông, bệnh viện Cà Mau, cứ điểm 367 còn gọi là đồi McNamara, dãy Chiêm Giông, khe Ba Lá, đỉnh Dốc Miếu... Những đỉnh núi, những dòng suối đã hằn sâu trong ký ức của những người lính đặc công K10 Quảng Trị và Trung đoàn 812 của một thời khói lửa... Còn với chúng tôi, thượng nguồn Ô Lâu là kỷ niệm thật khó quên về những ngày băng rừng vượt suối trong mưa gió, đồng hành cùng những người lính Quảng Trị và các cựu chiến binh đi tìm đồng đội...

Để có thể đặt chân lên vùng đất chiến trường xưa nơi thượng nguồn Ô Lâu, chúng tôi thường sử dụng xe gắn máy kết hợp với đi bộ, nhưng có những chuyến đi diễn ra vào mùa mưa nên phải cạy nhờ đến loại xe hai cầu chuyên chở gỗ rừng trồng của người dân. Lối đi quen thuộc là con đường đất đầy ổ voi mà người dân địa phương thường gọi là "đường tăng". Gần 60 năm về trước, trong chiến tranh, quân đội Mỹ đã mở một tuyến đường về phía bắc dòng Ô Lâu để phục vụ xe tăng và phương tiện cơ giới di chuyển từ Quốc lộ 1A lên các cứ điểm hỏa lực như 367, 235, 275 nhằm khống chế vùng đồng bằng Hải Lăng về đến biển. Sau ngày đất nước hòa bình, con đường tăng đã trở thành đường dân sinh để người dân Hải Lăng đi khai phá miền Tây. Cách chân cao điểm 367 gần một cây số, vì đường quá dốc, hai bên là vực sâu nên dù là xe 2 cầu chuyên chạy

đường rừng cũng phải dừng lại. Mọi người vội vã chia nhau đồ đạc rồi lặng lẽ bước tiếp.

Tháng 8, núi rừng Quảng Trị bắt đầu là mùa mưa, lác đác những cánh hoa sim cuối mùa nhạt nhòa khiến lòng người cứ bâng khuâng câu hát: *"Những đôi hoa sim dài trong chiều không hết..."*

Sông Ô Lâu có hai chi lưu chính là Ô Lâu hữu trạch và tả trạch, đều bắt nguồn từ những dãy núi thuộc Khu dự trữ thiên nhiên Phong Điền của TP. Huế. Riêng dòng Ô Lâu tả trạch, hay còn gọi là sông Thác Ma, còn nhận thêm nguồn nước từ các dãy núi Ba Lê, Chiêm Giông thuộc về Quảng Trị. Nhánh sông này chảy qua vùng đất Nam Hải Lăng, đến làng Mỹ Chánh, Lương Điền (Quảng Trị) và Phước Tích (TP. Huế) thì hợp lưu cùng dòng Ô Lâu hữu trạch để chảy về phá Tam Giang.

Vòng qua chân cao điểm 367 sương giăng kín lối, dù trời đang mưa nhưng mọi người leo dốc vẫn đổ mồ hôi. Bước đi dưới mưa trên những dãy núi có bình độ 700 mét không hề thấy bóng dáng một dòng suối. Khoảng 4 giờ chiều, mây đen bất chợt giăng kín trời như báo hiệu sẽ có mưa lớn. Mọi người quyết định dừng chân, điểm dừng trại là khoảng đất trũng xuống tương đối bằng phẳng nằm giữa hai ngọn núi không tên. Chúng tôi lặng lẽ mỗi người một việc, từ lấy củi, tìm nguồn nước đến nhóm lửa; không khí nghiêm túc và khẩn trương chẳng khác gì cuộc sống người lính trong chiến tranh. Lần tìm theo hai con suối nhưng đã cạn dòng, nên chúng tôi đành phải lấy nước mưa đọng lại từ hố pháo

để nấu ăn. Trong màn mưa giăng mắc giữa đại ngàn, đêm xuống thật nhanh, đêm dài không ngủ!

Hôm sau chúng tôi tiến dần lên *"Đồi nước mắt"*. Sờ dĩ gọi là Đồi nước mắt vì sau chiến tranh những người đi rừng tình cờ tìm thấy một thùng nước mắt cả trăm lít của bộ đội còn để lại. Len lỏi giữa rừng giăng, men theo từng con suối cạn, chúng tôi bắt gặp nhiều móm đổi vẫn còn nguyên hăm hào, công sự trong chiến tranh và cả những huyết mộ đào sẵn... Vẫn còn đó những di vật là hành trang của người lính. Có người giữ mãi trên tay một phần chiếc dép cao su; có người thì thắm: *"Dép này cỡ chân con gái!"*.

Đã hơn nửa thế kỷ nhưng những cây gỗ thông tẩm dầu từ bên kia đại dương mà người Mỹ đã cấm xuống các cao điểm nơi miền Tây Hải Lăng vẫn còn ứa nhựa vào mùa hạ. Những chiếc đinh vẫn chưa bị hoen gỉ cắm sâu vào những trụ gỗ như đóng chặt lời nguyện chiến tranh là mất mát hy sinh, là người còn sống vẫn mãi đi tìm đồng đội suốt đàng đẵng thời gian theo dặm dài đất nước.

Miền Tây Hải Lăng nơi thượng nguồn Ô Lâu quanh năm sương giăng mây phủ hình như vẫn còn cất giấu bao điều bí ẩn. Những bản làng với vài nóc nhà của đồng bào miền núi như trong truyện kể của những người đi rừng có lẽ đã chuyển ra thung lũng Ba Lòng, hoặc ngược về phía tây đỉnh Dốc Miếu với vợi. Bên kia núi giờ đây là bản làng trù phú đông vui của đồng bào Vân Kiều, Pa Kô thuộc về các xã La Lay, Tà Rụt và Đakrông.



Mưa trên dòng Ô Lâu

- Ảnh: T.L

Trên những điểm cao gió cứ thổi suốt ngày đêm, những vạt rừng lưng chừng núi gần như bị vật trụ lá, phần chóp của đỉnh núi vẫn hoang vu xơ xác, cây rừng chưa thể hồi sinh do hậu quả từ chất hóa học và bom đạn trong chiến tranh. Đi xuống bình độ gần 300m, chúng tôi tình cờ bắt gặp một nhóm người đi tìm mộ liệt sĩ. Những cánh hoa mang theo cứ rơi rụng trên cung đường hiểm trở, nhưng lòng người thì vẫn sắt son, dấu biết rằng niềm hy vọng thật mong manh giữa miền xa thẳm.

Rời miền Tây Hải Lăng, chúng tôi xuôi về Mỹ Chánh, cuộc sống của ngư phủ trên dòng Ô Lâu từ bao đời vẫn đầy vơi theo con nước. Nổi đôi bờ sông là tuyến Quốc lộ 1A, dòng người luôn hối hả ngược xuôi. Nhưng cũng có người như ngược thời gian để mong tìm đến với nhau trong tình yêu thương vĩnh cửu. Lặng lẽ thấp một tuần nhang, thả xuống dòng nước một bèo hoa và đốt lên một ngọn nến nhỏ, đấy là cái cách mà những người lính Sư đoàn 304 năm xưa cùng đôi bờ trò chuyện tâm tình với những người đã khuất: *"Cuộc sống của chúng tôi chưa bao giờ vắng bóng các anh!"*.

Trong khói hương rừng rừng niềm tưởng niệm, hơn nửa thế kỷ đã trôi qua trên bến

sông này. Trong những ngày tháng chiến tranh dữ dội ấy, có lẽ không ai biết được có bao nhiêu người lính trẻ đã vĩnh viễn nằm lại với dòng sông, với núi đồi miền Tây Hải Lăng. Nhưng bài ca về tình yêu và khát vọng hòa bình vẫn sống mãi với thời gian, vẫn đang cháy sáng như những ngọn nến trên những bèo hoa và trong ánh mắt vọng tưởng của những người đang sống.

*"Xin nhờ núi, núi hãy thấp
vòng tang trắng
Xin nhờ sông, sông hãy lặng
lờ trôi.*

*Xin hỏi anh, anh nằm ở nơi
đâu?*

*Đồng đội ơi, xin được rước
anh về!"*

Lời khẩn cầu của người lính già Bùi Xuân Chủ cũng là ước nguyện của những người lính từng đứng trong hàng ngũ của Sư đoàn 304 cứu mệnh mang trên mặt nước Ô Lâu như để gửi về một nơi xa xôi nào đó.

Mỗi dòng sông hình như đều mang trong mình những câu chuyện riêng về lịch sử, về tình yêu và cả những buồn vui nhân thế. Với Quảng Trị, mỗi dòng sông đều đã từng nặng đầy máu và nước mắt, đều là những khúc ca bi tráng về sự mất mát hy sinh và cả những chiến công như huyền thoại của con người.

PHAN TÂN LÂM